ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ DU LỊCH

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

XÂY DỰNG TIÊU CHÍ DÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 02 năm 2023

MỤC LỤC

1.

Nội dung, bản chất và vai trò của du lịch nông nghiệp nông thôn 4

GS.TS. Phạm Thị Mỹ Dung

Viện Khoa học phát triển nông thôn

Liên hiệp các Hội Khoa học & Kỹ thuật Hà Nội

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Thành phố Hà Nội 13

TS. Đoàn Mạnh Cương

Vụ Văn hóa, Giáo dục - Văn phòng Quốc hội

3. Một số định hướng về tiêu chí đánh giá du lịch cộng đồng nông nghiệp, nông thôn trong xây dựng nông thôn mới 38

TS. Đào Đức Huấn

Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương

4. Chia sẻ mô hình phát triển du lịch sinh thái & cộng đồng gắn liền với nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững. Nghiên cứu mô hình tại thôn K'lu, huyện Đắckrông 45

TS Võ Quế

Trưởng khoa Du lịch – Đại học Công nghệ Đông Á

ThS. Bùi Thị Trang

Học viện Phụ nữ Việt Nam

5. Những kinh nghiệm trong nước và quốc tế về xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững và bài học vận dụng thành phố Hà Nội 97

TS. Đinh Phạm Hiền

Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT

6.Tiêu chí phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững…….104

PGS.TS. Phạm Trương Hoàng

Trưởng Khoa Du lịch và Khách sạn, Trường ĐH Kinh tế quốc dân

7. Phương pháp tính toán và đề xuất các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội 113

ThS. Vũ Thị Thanh Như

Hội khoa học kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

8. Phương pháp tính toán và đề xuất các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội 126

ThS. NCS. Thái Thị Nhung

Học viện nông nghiệp Việt Nam
9. Một số ý kiến về quan điểm và định hướng giải pháp phát triển du lịch nông thôn ở Hà Nội 141
GS. TS. Hồ Văn Vĩnh
10. Liên kết các bên liên quan trong phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội……147
ThS. Phạm Diễm Hảo
Sở Du lịch Hà Nội

NỘI DUNG, BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA DU LỊCH NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

GS.TS. Phạm Thị Mỹ Dung
Viện Khoa học phát triển nông thôn
Liên hiệp các Hội Khoa học & Kỹ thuật Hà Nội

1. Mở đầu

Xu hướng du lịch trên thế giới đang thay đổi dần từ du lịch truyền thống trong không gian kín sang các loại du lịch mới, du lịch xanh ưu tiên hơn cho việc lựa chọn các điểm đến gần nhà, các chuyến trải nghiệm nội địa, an toàn gần gủi thiên nhiên với không gian rộng, thoáng mát. Tổ chức du lịch thế giới (UNWTO) cho rằng đến năm 2030, du lịch với mục đích thăm viếng, sức khỏe, tôn giáo sẽ chiếm 31%; Du lịch với mục đích tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí chiếm 54%; Du lịch với mục đích công việc và nghề nghiệp chiếm 15% (Theo Báo điện tử Chính phủ, 2019). Vì vậy du lịch xanh sẽ phát triển mạnh.

Phát triển du lịch xanh và bền vững là xu hướng chung của thế giới. Có nhiều cách hiểu khác nhau về du lịch xanh như du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, du lịch về với thiên nhiên, du lịch vộng đồng. Nói chung đó là loại hình du lịch dựa trên nền tảng khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát triển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu. Sự tăng trưởng nhanh chóng của du lịch là một nguyên nhân dẫn đến suy thoái mội trường ở các vùng du lịch; Những tác động xấu ngày càng gia tăng nên phải tìm cách thức và chiến lược mới nhằm đàm bảo sự hài hòa giữa phát triển du lịch với bảo vệ môi trường. Du lịch bền vững ra đời nhằm đáp ứng đòi hỏi bức xúc đó. Du lịch bền vững cũng bắt nguồn từ khái niệm phát triển bền vững nên chính du lịch xanh sẽ giúp phát triển du lịch bền vững.

Với xu hướng đó các nước ngày càng quan tâm thúc đẩy các loại hình du lịch mới. Đặc biệt hơn nữa là với Việt Nam trong quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 (Thủ tướng chính phủ, 2022) thì phát triển du lịch nông thôn là một trong những giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm, nội dung thành phần số 3 đã chỉ rõ. Tùy vào điều kiện mà mỗi địa phương lựa chọn định hướng, loại hình và giải pháp riêng cho phát triển DLNT nhưng không thể thiếu DLNN.

Với Hà Nội, phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn nhằm phục vụ cho chương trình xây dựng nông thôn mới đã được chỉ ra trong kế hoạch 227/KH-

UBND (Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, 2021). Do hiện nay có nhiều vấn đề khác nhau, chưa thật thống nhất về du lịch nông nghiệp, nông thôn nên có thể ảnh hưởng tới chỉ đạo trong thực tiễn.

2. Bản chất, nội dung và vai trò của du lịch nông thôn (Rural Tourism)

2.1. Bản chất du lịch nông thôn

(1) Khái niệm du lịch nông thôn

Cho đến nay chưa có một khái niệm thống nhất và rõ ràng mà chỉ thường là những khái niệm theo từng tác giả hoặc được hiểu và giải thích khác nhau. Vì vậy trước hết cần lược thảo những khái niệm, những quan niệm trong và ngoài nước.

Theo một số tác giả nước ngoài thì: Du lịch nông thôn là du lịch giáo dục, nghệ thuật và di sản diễn ra ở nông thôn, nó không chỉ là du lịch dựa vào nông nghiệp mà còn dựa vào các hoạt động đa diện khác; Du lịch nông thôn bao gồm phong tục và văn hóa dân gian nông thôn, người dân địa phương, truyền thống, giá trị, tín ngưỡng và di sản chung; Du lịch nông thôn hoạt động ở quy mô nhỏ và khu vực nằm ngoài dòng chính của du lịch; Du lịch nông thôn là du lịch dựa trên các đặc điểm của tính hợp lý và bền vững với các doanh nghiệp quy mô nhỏ ở nông thôn; Du lịch nông thôn đề cập đến một cộng đồng nông thôn khác biệt với truyền thống, di sản, nghệ thuật, lối sống, địa điểm và giá trị riêng được bảo tồn giữa các thế hệ; Du lịch nông thôn có thể bổ sung cho du lịch đại chúng ở hầu hết các quốc gia; Du lịch nông thôn là một hình thức du lịch được cung cấp bởi người dân ở khu vực nông thôn, với một chỗ ở quy mô nhỏ, các hoạt động nông thôn và phong tục của cuộc sống nông thôn; Du lịch nông thôn là một nơi để khách du lịch và nông dân đến với nhau và tạo nên một số thay đổi về vật chất và/hoặc thẩm mỹ trong khu vực; Du lịch nông thôn là du lịch định hướng trải nghiệm, khu vực nông thôn là nơi có dân cư thưa thớt và có sự bảo tồn văn hóa, di sản và các truyền thống; Du lịch nông thôn là du lịch diễn ra ở nông thôn; Du lịch nông thôn là một sản phẩm du lịch mang đến cho du khách một liên hệ cá nhân, cảm nhận hương vị của môi trường vật chất và môi trường con người ở nông thôn càng nhiều càng tốt, cho phép họ tham gia vào các hoạt động, truyền thống và lối sống của người dân địa phương; Du lịch nông thôn là hoạt động du lịch quy mô nhỏ, diễn ra ở khu vực nông thôn, chứa đựng các xã hội và các tập quán truyền thống; Du lịch nông thôn cung cấp các sản phẩm có đặc tính khác biệt cho ngành du lịch; Du lịch nông thôn là trải nghiệm nông thôn bao gồm một loạt các điểm tham quan và hoạt động diễn ra trong các khu vực nông nghiệp hoặc phi đô thị; các đặc điểm thiết yếu của nó bao gồm không gian rộng mở, mức độ phát triển du lịch thấp và cơ hội cho du khách trực tiếp trải nghiệm môi trường nông nghiệp và/hoặc tự nhiên; Liên kết du lịch nông thôn với 'kỳ nghỉ ở nông thôn', nơi khách du lịch dành phần lớn thời gian nghỉ của

mình để tham gia vào các hoạt động giải trí trong môi trường nông thôn tại một trang trại, trang trại, nhà ở nông thôn hoặc các khu vực xung quanh; Du lịch nông thôn có thể được hình thành như các hoạt động du lịch trong một "lãnh thổ phi đô thị nơi hoạt động của con người (kinh tế liên quan đến đất đai) đang diễn ra, chủ yếu là nông nghiệp: sự hiện diện lâu dài của con người dường như là một yêu cầu đủ điều kiện". (Tham khảo từ Nguyễn Quang Hợp, 2020; Tuorism note, 2023a).

Một số tác giả Việt nam cũng có những khái niệm khác nhau: Du lịch nông thôn là loại hình du lịch mà trong đó khách du lịch chủ yếu là những người sống ở thành phố tìm tới chốn yên tĩnh để nghỉ ngơi hoặc tìm về kí ức của tuổi thơ, thưởng thức hương vị của đồng quê với những món ẩm thực ngon lạ (Diệu Nhi, 2019); Du lịch nông thôn là loại hình khai thác các vùng nông thôn như một nguồn tài nguyên và đáp ứng nhu cầu của cư dân đô thị trong việc tìm kiếm không gian yên tĩnh và giải trí ngoài trời hơn là chỉ liên quan đến thiên nhiên. Du lịch nông thôn bao gồm các chuyến thăm vườn quốc gia và các công viên công cộng, du lịch di sản trong khu vực nông thôn, các chuyến đi tham quan danh lam thắng cảnh và thưởng thức cảnh quan nông thôn, và du lịch nông nghiệp (Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, 2019); Du lịch nông thôn được hiểu là loại hình du lịch mà du khách từ những nơi khác, chủ yếu là những người sống ở thành phố đến với một vùng nông thôn để nghỉ dưỡng, nghỉ ngơi hoặc trải nghiệm lối sống, ẩm thực, văn hóa của cộng đồng nông thôn đó, từ đó tạo ra những lợi ích về kinh tế và xã hội cho địa phương (Linh Hà, 2021).

(2) Bản chất du lịch nông thôn

- Bản chất du lịch: Nhìn từ phía nhu của du khách thì du lịch là sản phẩm tất yếu của sự phát triển kinh tế xã hội. Khi phát triển đến một mức độ nhất định thì đời sống vật chất tốt hơn vì thu nhập tăng lên từ đó phát sinh nhu cầu tinh thần như nghỉ ngơi, hưởng thụ tinh thần, văn hóa, nâng giá trị bản thân, thâm nhập vòa một tầng lớp xã hội có vị thế hơn. Từ phía kinh doanh du lịch thì sẽ dựa trên tài nguyên du lịch, khả năng khai thác và khả năng tạo sản phẩm để phát triển thị trường, đáp ưng nhu cầu của khách, thu hút khách, tăng độ hài lòng và thu lợi nhuận coa hơn. Như vậy bản chất của du lịch là hoạt động của con người diễn ra ngoài nơi cư trú nhằm mục đích nghỉ ngời, giải trí, thỏa mãn những cái mới lạ, tìm hiểu khám phá nâng cao hiểu biết, không nhằm mục đích kinh tế.

- Bản chất du lịch nông thôn:

+ Du lịch nông thôn đề cập khía cạnh phân loại du lịch theo khu vực vị trí địa lý của một quốc gia. Mỗi nước đề có 2 vùng là vùng thành thị và vùng nông thôn. Tất cả các hoạt động du lịch, các loại hình du lịch diễn ra tại nông thôn đều là du lịch nông thôn. Nếu chia vùng nông thôn thành vùng đồng bằng, vùng biển và vùng đồi núi thì có thể có du lịch đồng bằng, du lịch bển, du lịch rừng.

+ Du lịch nông thôn được xây dựng dựa trên các tính năng đặc biệt của thế giới nông thôn như các đơn vị kinh doanh như doanh nghiệp, hộ, cửa hàng có quy mô nhỏ, không gian mở, tiếp xúc trực tiếp và hòa mình vào thiên nhiên, gắn với những đặc điểm tiêu biểu ở khu vực nông thôn, những di sản văn hóa xã hội và văn hóa truyền thống ở làng xã, lối sống chậm và liên két cộng đồng, lợi ích địa phương, đa dạng về môi trường, kinh tế, lịch sử, địa điểm của mỗi vùng nông thôn.

+ Du lịch nông thôn là chuỗi các hoạt động, dịch vụ và tiện nghi được cung cấp ở khu vực nông thôn, để khai thác các giá trị ở vùng nông thôn như một nguồn tài nguyên, đáp ứng nhu cầu trải nghiệm của cư dân không ở nông thôn hoặc ở vùng nông thôn khác. Các giá trị tài nguyên ở vùng nông thôn mang tính đặc trưng về văn hóa, lối sống truyền thống làng quê gắn với lao động sản xuất nông nghiệp...

+ Du lịch nông thôn khai thác các lợi thế lợi thế gần gũi, gắn bó thân thiện với môi trường cả về tự nhiên và xã hội để đưa lại lợi ích cho nhiều bên liên quan và giữ đực sự bền vững của vùng nông thôn.

2.2. Nội dung du lịch nông thôn

Nói chung thì du lịch bao gồm các thành phần như như ban quản lý du lịch, dịch vụ lữ hành, dịch vụ lưu trú, hội nghị và sự kiện, điểm đến/điểm tham quan và dịch vụ du lịch (Tuorism, 2023b). Trên cơ sở đó thì Du lịch nông thôn cụ thể hóa theo 4 thành phần chính là: Các cộng đồng nông thôn được đặt vào trung tâm; vùng nông thôn thể hiện qua đặc điểm và tài nguyê tự nhiên; di sản và văn hóa nông thôn như kiến trúc, nhà cửa, làng xã; Các hoạt động nông thôn như thể thao, lễ hội, phong tục; và cuộc sống nông thôn gồm nghè nghiệp, an mặc, văn nghệ, (World Tourism Organization, 2004).

Du lịch nông thôn có đặc điểm chung là hoạt động du lịch được tổ chức trên địa bàn nông thôn để khai thác các giá trị tài nguyên du lịch đặc thù về văn hóa, lối sống, truyền thống làng quê gắn với hoạt động của cộng đồng ở vùng nông thôn. Như vậy tác giả cho rằng du lịch nông thôn không phải là một hình thức du lịch đơn lẽ, cụ thể mà là một tập hợp của nhiều hình thức du lịch diễn ra ở nông thôn. Các hình thức phổ biến, nhiều người biết đến trong du lịch nông thôn là du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch di sản, du lịch làng nghề. Tùy điều kiện cụ thể mà mỗi nước, mỗi địa phương sẽ lựa chọn các hình thức phù hợp cho du lịch nông thôn của mình, nội dung du lịch nông thôn sẽ là tập hợp nội dung du lịch của các hình thức đó.

Các hoạt động trong du lịch nông thôn rất da dạng nhưng thường là: Tham quan chụp ảnh, check in; Trải nghiệm các hoạt động sản xuất cùng người nông thôn; Tìm hiểu khám phá những kinh nghiệm, truyền thống, lịch sử nông thôn; Trải nghiệm các hoạt động sinh hoạt và hưởng thụ thành quả của các hoạt động đó; Nghĩ dưỡng, giải trí tăng cường sức khỏe; Phát hiện những điều mới lạ của nông

thôn. Các nôi dung này được cụ thể hóa cho một số loại hình du lịch nông thôn như:

- Du lịch nông nghiệp

Tham gia hình thức du lịch này, du khách sẽ được tham gia với người nông dân thu hoạch, gieo trồng và đồng thời chăm sóc cây trồng ở đồng ruộng, trải nghiệm hoạt động sản xuất nông nghiệp ở các vườn trồng cây ăn trái, trang trại kết hợp nông lâm, trang trại động vật…, thưởng thức vẻ đẹp cảnh quan do hoạt động sản xuất nông nghiệp tạo ra.

- Du lịch sinh thái

Mô hình du lịch sinh thái thường diễn ra ở những nơi có hệ sinh thái động thực vật phong phú, có thể là những miền sông nước, những khu rừng với hệ sinh thái đa dạng. Các khu sinh thái này cũng cần phải có những hoạt động vui chơi giải trí để thu hút các du khách ghé tới tham quan và vui chơi. Du lịch sinh thái cũng chia ra nhiều loại khác nhau, cụ thể là: Du lịch thiên nhiên; Du lịch dựa vào thiên nhiên; Du lịch môi trường; Du lịch nhạy cảm; Du lịch nhà tranh; Du lịch bền vững; Du lịch đặc thù; Du lịch xanh; Du lịch mạo hiểm; Du lịch bản xứ. Riêng du lịch sinh thái thì khách không được tác động vào hệ sinh thái.

- Du lịch di sản

Du lịch di sản là loại hình du lịch gắn với giá trị của tài nguyên di sản, đề cao tính tiếp nối và tính truyền thống. Du lịch di sản ở vùng nông thôn có thể là các hoạt động như tham quan đền chùa, tượng đài, di tích liên quan đến lịch sử, chiến tranh, nghệ thuật hoặc địa điểm khảo cổ. Qua con đường du lịch, các giá trị di sản được đưa đến với du khách bằng những cách thức khác nhau: Tham quan, khám phá, nghỉ ngơi, thưởng thức các loại hình nghệ thuật, giao lưu văn hóa… từ đó tăng cường sự đa dạng và hiểu biết lẫn nhau.

- Du lịch cộng đồng

Là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi. Du lịch cộng đồng là mô hình du lịch khai thác các nét nguyên bản chưa được khám phá hết trong cộng đồng; trong đó, cộng đồng địa phương là người cung cấp các sản phẩm dịch vụ cho du khách, cũng chính là người có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch và họ được chia sẻ các nguồn lợi kinh tế do phát triển du lịch tạo ra.

2.3. Vai trò du lịch nông thôn

Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO) đã lấy thông điệp Ngày Du lịch thế giới năm 2020 là "Du lịch và Phát triển Nông thôn" với mong muốn phát triển du lịch sẽ tác động lan tỏa tới các ngành kinh tế khác, góp phần chuyển dịch

cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống của người dân nông thôn. Theo đánh giá của Tổ chức Du lịch Thế giới, trên phạm vi toàn cầu, số lượng khách tham gia vào loại hình du lịch nông thôn, sinh thái chiếm 10% và doanh thu khoảng 30 tỉ USD. Tỷ lệ tăng hàng năm từ 10-30%, trong khi du lịch truyền thống (nghỉ dưỡng, tham quan thư giãn, vui chơi giải trí, kinh doanh, hội họp) tăng trung bình 4%/năm. Tại Hội thảo toàn quốc "Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới" ngày 6/12/2018, Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ đã nhấn mạnh, việc phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới (NTM) phù hợp chủ trương tái cơ cấu nông nghiệp và mục tiêu phát triển du lịch Việt Nam thành ngành kinh tế mũi nhọn (Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2021).

Một số vai trò của của du lịch nông thôn:

- Làm phong phú, đa dạng hơn sản phẩm du lịch, thúc đẩy Du lịch Xanh, tăng doanh thu du lịch, tăng đóng góp của du lịch vào GDP, tăng nguồn nhân lực du lịch, tăng cường quan hệ ngành du lịch với nông nghiệp, nông thôn.

- Tạo cơ hội việc làm cho người dân ở nông thôn, tăng thu nhập, cải thiện sinh kế của người dân nông thôn cho người nông thôn, ngăn chặn tình trạng di cư nông thôn vào thành thị.

- Góp phần cơ cấu lại ngành nghề, việc làm, cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng kinh tế dịch vụ.

- Tăng trải nghiệm thực tế cho du khách, đáp ứng nhu cầu tìm kiếm các trải nghiệm thực tế thay vì các trải nghiệm được dàn dựng hoặc có tính công nghiệp.

- Bảo tồn thiên nhiên, văn hóa, di sản vì đây là cách tốt nhất vừa làm du lịch vừa giữ gìn bản sắc văn hoá, sử dụng dịch vụ tại chỗ, phát triển văn hoá, tôn trọng văn hoá địa phương.

- Nâng cao ý thức cho cộng đồng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái; nâng cao ý thức bảo vệ di sản văn hoá cộng đồng, chống các trào lưu du nhập của người dân tại nông thôn đó.

3. Bản chất, nội dung và vai trò du lịch nông nghiệp

3.1. Bản chất du lịch nông nghiệp

(1) Tên gọi

Trên thế tên gọi du lịch nông nghiệp có khác nhau Agritourism , Agrotourism , Farm Tourism, Farm-based Tourism, Vacation Farms, Agricultural tourism, agritourism, agri-tourism, agro- tourism, farm tours, study tours, farm holidays. Với Việt Nam cũng có rất nhiều tên gọi như Homestay, du lịch canh nông, du lịch trang trại, du lịch miệt vườn, DLNN sinh thái, du lịch đồng quê. Nói chung là tùy tiện theo sở thích và cách hiểu riêng.

(2) Khái niệm

Trên thế giới có nhiều nghiên cứu về DLNN nhưng các khái niệm, các cách hiểu cũng khác nhau. Tại Việt Nam đã có nhiều bài nói về DLNN nhưng chủ yếu là đưa tin, dịch hoặc sao chép lẫn nhau còn các tài liệu nghiên cứu khoa học về DLNN một cách bài bản, hệ thống là rất ít. Từ nghiên cứu thực tiễn thời gian qua tác giả đưa ra khái niệm như sau:

"Du lịch nông nghiệp là một loại hình của du lịch nhằm cung ứng sản phẩm và dịch vụ dựa vào nền tảng nông nghiệp nhằm phục vụ cho khách Du khách du lịch nông nghiệp hoặc khách kết hợp Du lịch nông nghiệp. Kinh doanh du lịch nông nghiệp là hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ diễn ra tại các đơn vị đang tiến hành sản xuất nông nghiệp nhằm thu hút và cung cấp cho khách các dịch vụ tham quan, trải nghiệm, giáo dục, vui chơi, rèn luyện với các hoạt động nông nghiệp từ đó tạo ra thu nhập cho các bên cung ứng sản phẩm dịch vụ liên quan và góp phần xây dựng nông thôn mới, bảo vệ tài nguyên tự nhiên và văn hóa nông nghiệp"

Khái niệm này thể hiện các khía cạnh như:

DLNN thuộc lĩnh vực du lịch nhưng phải dựa trên nền tảng của sản xuất NN. Nền tảng NN vững vàng thì DLNN mới phát triển mạnh. Kết quả của DLNN được tính vào kết quả ngành du lịch, kết quả của kinh tế nông thôn;

Hoạt động DLNN là hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ và phải được diễn ra tại khuôn viên của các đơn vị đang có sản xuất NN như hộ nông dân, trang trại, HTX, doanh nghiệp, đây là các điểm thu hút khách DLNN với các hoạt động đa dạng;

DLNN phải tạo ra thu nhập cho các đơn vị sản xuất NN, thay đổi cơ cấu việc làm, cơ cấu kinh tế NT, góp phần xây dựng NTM.

DLNN góp phần bảo vệ tài nguyên tự nhiên và tài nguyên văn hóa nông nghiệp, tri thức nông nghiệp, lợi thế nông nghiệp của quốc gia và địa phương.

Nếu không đủ các khía cạnh này thì có thể coi là chưa có DLNN hoặc có DLNN nhưng chưa đủ nội hàm, chưa hoàn thiện.

3.2. Nội dung của du lịch nông nghiệp

- Tổ chức điều hành hoạt động du lịch nông nghiệp: Do có tính chất cộng đồng nhất là cộng đồng nông dân, nông thôn nên phải có tổ chức, điều phối, chỉ đạo.

- Phân chia nguồn lực và tài nguyên nông nghiệp của từng địa phương, từng trang trại cho nông nghiệp và du lịch nông nghiệp để có sự kết hợp hai lĩnh vực.

- Kết hợp nguồn lực và tài nguyên du lịch nông nghiệp giữa các địa phương, giữa các trang trại để đa dạng hóa du lịch nông nghiệp.

- Sản xuất và cung cấp sản phẩm dich vụ du lịch nông nghiệp: có các hướng cung ứng sản phẩm du lịch nông nghiệp chủ yếu như bán trực tiếp cho khách, dịch vụ trải nghiệm và giáo dục, dịch vụ sự kiện và giải trí, dịch vụ sức khỏe và hưởng thụ.

- Chuẩn bị khuôn viên, farmstay, homestay, hướng dẫn, biển báo, đi lại , an toàn.

- Liên kết, quảng bá, thu hút khách du lịch nông nghiệp hoặc du lịch có hoạt động DLNN.

- Phát hiện và giải quyết du lịch nông nghiệp biến tướng làm mất đất nông nghiệp hoặc sử dụng sai mục đích đất nông nghiệp.

- Tính toán thu nhập từ du lịch nông nghiệp, kết hợp nông nghiệp hiện địa và nông nghiệp truyền thống.

3.3. Vai trò của du lịch nông nghiệp

- Thúc đẩy thị trường cho nông nghiệp và các tổ chức kinh tế ở nông thôn

- Tạo việc làm mới, tăng thu nhập và cải thiện phúc lợi cho nông dân

- Giữ gìn, bảo vệ môi trường tự nhiên, bản sắc văn hóa truyền thống

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, bố trí lại sản xuất nông nghiệp

- Thúc đẩy đào tạo nhân lực nông thôn, tăng mối giao hòa của nông dân với bên ngoài

- Tăng doanh thu cho ngành du lịch và phát triển kinh tế nông thôn

3.4. Một số phân biệt

- Phân biệt DLNN với một số loại du lịch khác như DLNT, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch làng nghề

- Phân biệt DLNN với homestay, farmstay

- Phân biệt nhóm sản phẩm OCOPs thứ 6- Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch với sản phẩm OCOPs nông nghiệp

- Phân biệt du lịch nông nghiệp và nông nghiệp gắn với du lịch

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2021. Báo cáo Thực trạng và định hướng phát triển du lịch nông thôn. - 14.7.2021. Bộ NN và PTNT. Hội thảo

Định hướng và giải pháp phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Ngày 14/7/2021

2. Diệu Nhi, 2019. Du lịch nông thôn (Rural tourism) là gì? Lợi ích của du lịch nông thôn, Vietnam.biz , https://vietnambiz.vn/du-lich-nong-thon-rural-tourism-la-gi-loi-ich-cua-du-lich-nong-thon-20191020213557113.htm
3. Dr Prem, 2023. A Complete Guide to Rural Tourism it/https://drprem.com/travel/guide-to-rural-tourism-its-definition-essential-components-and-importance-and-countries-promoting-it/ February 15, 2023
4. Linh Hà, 2021. Tìm hiểu về xu hướng phát triển du lịch nông thôn https://www.vntrip.vn/cam-nang/du-lich-nong-thon-117386, 12/07/2021
5. Nguyễn Quang Hợp, 2020. Tổng quan tài liệu nghiên cứu về du lịch nông thôn và du lịch văn hóa trà. http://viennckt-ied.tueba.edu.vn/bai-viet/Tong-Quan-Tai-Lieu-Nghien-Cuu-Ve-Du-Lich-Nong-Thon-Va-Du-Lich-Van-Hoa-Tra-137.html. 20/12/2020
6. Nhật Quân, 2021. Nhận diện các loại hình du lịch nông thôn https://vietnamtourism.gov.vn/post/37368. 05/08/2021 08:15:36
7. Tuorism note, 2023a. Rural Tuorism https://tourismnotes.com/rural-tourism/ truy cập ngày 15/2/2023
8. Viện nghiên cứu phát triển du lịch (ITDR), 2019. Cẩm nang thực tiễn phát triển du lịch nông thôn Việt Nam, http://itdr.org.vn/an_pham/cam-nang-thuc-tien-phat-trien-du-lich-nong-thon-viet-nam-3/
9. Tourism, 2023b. Components Of Tourism: Structure Of The Tourism Industry https://tourismteacher.com/components-of-tourism/ February 15, 2023
10. World Tourism Organization (2004). Rural tourism in Europe: Experiences, development and perspectives. e-nwto.org/doi/book/10.18111/9789284407163.
11. Wikipedia. Rural Tourism, https://en.wikipedia.org/wiki/Rural_tourism
12. UNWTO, 2023. Rural tourism. https://www.unwto.org/rural-tourism Truy cập ngày 16/2/2023

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TS. Đoàn Mạnh Cương
Vụ Văn hóa, Giáo dục - Văn phòng Quốc hội

1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, phát triển du lịch chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế đất nước. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Nghị quyết số 103/NQ-CP của Chính phủ ngày 10/7/2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đã đặt ra nhiều mục tiêu, giải pháp tập trung cho phát triển du lịch, trong đó tập trung mở rộng không gian khai thác du lịch, phát triển hệ thống sản phẩm chất lượng cao, khác biệt, có khả năng cạnh tranh cao, hấp dẫn khách du lịch. Đồng thời phải đảm bảo phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch; sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên du lịch theo hướng bền vững; gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, vùng miền… Trong đó, khu vực nông thôn sở hữu nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân văn phong phú, gắn với bản sắc văn hóa và tập quán canh tác lâu đời của Việt Nam và là yếu tố đầu vào quan trọng hình thành nên điểm đến và sản phẩm du lịch phục vụ du khách.

Hiện nay, trong tổng thu nhập của người dân nông thôn, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 27%, thu nhập từ các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp và dịch vụ chiếm 73%. Do đó, để nâng cao hơn nữa thu nhập cho người dân nông thôn trong bối cảnh diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp, hoạt động sản xuất khó đạt được giá trị gia tăng cao, ngoài việc tiếp tục thúc đẩy nông nghiệp, cần phải đa dạng hóa ngành nghề sản xuất, kinh doanh dịch vụ, trong đó phát triển du lịch là một hướng đi mới, góp phần phát huy lợi thế, khai thác giá trị khác biệt của nông nghiệp, nông thôn. Phát triển du lịch sẽ tác động lan tỏa tới các ngành kinh tế khác, đặc biệt là thương mại, dịch vụ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn. Phát triển du lịch nông thôn được xác định là một trong những giải pháp động lực thúc đẩy xây dựng nông thôn mới bền vững, đồng thời nông thôn mới là nền tảng hỗ trợ cho sự phát triển đa dạng, chất lượng, ổn định của điểm đến du lịch. Phát triển du lịch nông thôn hiệu quả sẽ góp phần thực hiện đồng thời hai mục tiêu chính trị quan trọng là phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và đạt mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới bền vững.

Hà Nội với lợi thế về tiềm năng du lịch nông nghiệp, nông thôn, đồng thời nhằm cụ thể hóa Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà

Nội về việc đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025, trong đó quan tâm việc phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố. Do đó, việc khai thác và làm nổi bật những đặc trưng riêng có về du lịch nông nghiệp, nông thôn trong định hướng phát triển du lịch của Thủ đô và cả nước.

Trong thời gian qua, một số trường hợp điển hình trong việc đưa hoạt động sản xuất nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp tham gia hoạt động du lịch tại Hà Nội như làng lụa Hà Đông, làng gốm Bát Tràng, hay mô hình trang trại sinh thái nông nghiệp gắn với du lịch như trang trại Đồng Quê (Ba Vì), trang trại học đường Vạn An (Thanh Trì)… Đến với những trang trại nông nghiệp, du khách được tận hưởng không khí trong lành, tự tay trồng rau, thu hoạch sản phẩm và thưởng thức các loại nông sản tươi ngon do nông dân nuôi trồng theo phương pháp hữu cơ. Du khách được nghỉ dưỡng phục hồi sức khoẻ tại môi trường xanh, sạch, trong lành, yên bình; hòa mình vào thiên nhiên để thưởng thức những đặc sản truyền thống của mỗi vùng quê mang nét riêng biệt và không pha trộn.

Có thể nhận thấy, hoạt động du lịch tại khu vực nông nghiệp, nông thôn thời gian qua đã được triển khai tại nhiều địa phương, trong đó đã hình thành nên hệ thống sản phẩm du lịch nông nghiệp ngày càng phong phú tại nhiều vùng quê trên địa bàn thành phố Hà Nội. Nhu cầu và xu hướng khách du lịch nội địa và quốc tế đến các vùng nông thôn, nông nghiệp ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, du lịch nông nghiệp, nông thôn ở Hà Nội hiện chủ yếu vẫn mang tính tự phát, manh mún, nhỏ lẻ, chất lượng dịch vụ hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp. Liên kết ngành giữa du lịch, nông nghiệp và khu vực nông thôn để tạo chuỗi giá trị sản phẩm chưa thực sự hiệu quả, chưa phát huy được lợi thế của một quốc gia nông nghiệp. Do đó, để phát triển loại hình du lịch này, chúng ta cần nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng để có những giải pháp, phương thức khai thác và phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững.

2. Quan niệm về du lịch nông nghiệp

Theo quan niệm, du lịch nông nghiệp (*Agritourism*) thực chất là một hình thức phát triển mối giao hòa về mặt tự nhiên, văn hóa và con người giữa các đô thị và nông thôn thông qua việc đến ở (*Homestay*) hoặc tham quan có mục đích nhằm hưởng thụ các sản vật địa phương tại từng nông hộ gia đình hoặc trang trại. Bên cạnh đó, du khách còn được thưởng ngoạn các danh lam thắng cảnh và tham gia văn hóa đồng quê nên du lịch nông nghiệp đã được khẳng định là một hình thức du lịch mang tính cộng đồng bình đẳng và bền vững. Do sự ảnh hưởng về xã hội và kinh tế nên hoạt động du lịch nông nghiệp bắt đầu từ châu Âu đã mở rộng khắp

trên toàn thế giới với sự hỗ trợ tích cực từ nhiều chính phủ về chính sách vĩ mô như quy hoạch, tài chính, luật pháp, thương mại và quảng cáo.

Du lịch nông nghiệp là một loại hình du lịch tại các khu vực nông nghiệp như đồng ruộng, vườn cây ăn trái, trang trại trồng trọt và chăn nuôi… đã được chuẩn bị sẵn sàng phục vụ khách du lịch. Khách du lịch có thể được xem hoặc tham gia vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp như làm việc với dụng cụ của nhà nông hoặc thu hoạch mùa mà không làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái hoặc năng suất của gia đình chủ nhà. Ngoài ra, du lịch nông nghiệp tại các đô thị hiện nay còn đưa du khách đến nghỉ ngơi ở các trang trại hữu cơ, nơi du khách có thể tìm hiểu thêm về thiên nhiên và học tập các phương pháp canh tác không dùng thuốc trừ sâu… Tham gia loại hình du lịch nông nghiệp, du khách có thể được giáo dục về thiên nhiên, môi trường, văn hóa và giải trí, nghỉ ngơi rất tốt. Du lịch nông nghiệp ở Việt Nam đã phát triển với các tên gọi khác nhau như du lịch trang trại, du lịch miệt vườn, du lịch sông nước, du lịch làng nghề, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp công nghệ cao… Tuỳ từng địa phương khác nhau với những thế mạnh khác nhau mà có những mô hình nông nghiệp kết hợp với du lịch khác nhau.

Chính phủ của các nước đã hướng sự quan tâm của cộng đồng toàn xã hội vào phát triển du lịch nông nghiệp. Danh từ này có thể được dùng khác nhau ở mỗi quốc gia. Ở Italia là "*Agri-tourismo*" (*du lịch nông nghiệp*), ở Mỹ là "*Homestead*" (*du lịch trang trại*), ở Nhật là "*Green-tourism*" (*du lịch xanh*) vì các sản phẩm/sản vật dùng cho du khách bắt buộc phải được sản xuất bằng phương pháp hữu cơ mang tính bản địa. Du lịch nông nghiệp trên thế giới rất được coi trọng vì đã chứng minh được sự đóng góp to lớn không chỉ về mặt kinh tế mà còn về các mặt giá trị tự nhiên, văn hóa, xã hội, lịch sử, bảo vệ môi trường. Trong tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, các nước đều dùng giải pháp này để giảm thiểu khoảng cách bất công giàu nghèo về khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn khi chỉ chú trọng thái quá đến sự phát triển bất động sản đô thị và xây dựng các khu công nghiệp.

Yếu tố hàng đầu của sản phẩm du lịch là sức hấp dẫn đối với du khách. Đối với du lịch nông nghiệp, lịch sử và văn hóa hình thành sản vật giữ một vai trò chính yếu. Để tạo ra sản phẩm mang tính hàng hóa mỗi sản vật đều có lịch sử về nguồn gốc và lịch sử văn hóa canh tác, nuôi trồng, sơ chế, chế biến và quá trình thương mại hóa sản phẩm. Nói cách khác, sản vật mang tính văn hóa địa phương đã được các cộng đồng dân cư nông nghiệp của các làng quê sản sinh ra theo dòng lịch sử tồn tại của mình và rất gắn kết sâu sắc với thiên nhiên bản địa. Đó chính là nguồn tài nguyên vô tận để tạo ra các sản phẩm rất hấp dẫn cho du khách nếu biết tổ chức và khai thác vì ngoài yếu tố thiên nhiên còn là sản phẩm của trí tuệ và kinh nghiệm của cả một cộng đồng nông nghiệp làng xóm đã tạo ra các làng nông nghiệp truyền thống với các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của mình. Với cách hiểu như trên,

làng nghề nông nghiệp truyền thống không chỉ bao gồm các sản phẩm từ các nghề thủ công mỹ nghệ mà còn từ các nghề trồng trọt chăn nuôi đánh bắt trong nông-lâm-ngư nghiệp. Làm thế nào để phát triển du lịch nông nghiệp gắn kết được với các làng nghề sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp truyền thống mang tính đặc thù của địa phương và vùng miền ở nước ta là cả một vấn đề mang tính lý luận cũng như thực tiễn cần nghiên cứu rất kỹ lưỡng. Đây chính là câu chuyện "*thổi hồn văn hóa*" vào sản phẩm du lịch.

3. Quan niệm về du lịch nông thôn

Mỗi quốc gia có cách gọi và cách hiểu khác nhau về thuật ngữ "*du lịch nông thôn*" (*Rural tourism*), tùy thuộc vào mục đích của loại hình du lịch này. Ở Phần Lan họ cho rằng du lịch nông thôn chủ yếu là nơi cung cấp và cho thuê nhà nghỉ của người nông dân hoặc cung cấp dịch vụ ăn uống. Đối với Hungary, họ không dùng thuật ngữ du lịch nông thôn "*rural tourism*" mà sử dụng thuật ngữ du lịch làng "*village tourism*" là do người dân trong làng cung cấp các hoạt động và dịch vụ du lịch với giá rẻ bao gồm chỗ ở, dịch vụ liên quan đến nông nghiệp, hoặc hoạt động khác của địa phương nhưng không phổ biến ở nơi khác. Ở Slovenia, hình thức du lịch nông thôn quan trọng nhất là du lịch trải nghiệm tại các trang trại gia đình, nơi khách du lịch được ở cùng với các hộ gia đình, trang trại hoặc ở nhà khách nhưng đến các trang trại để trải nghiệm như đi xe đạp, đi bộ hoặc cưỡi ngựa tại các trang trại (Peters et al, 1994). Ở Hy Lạp, việc cung cấp sản phẩm du lịch nông thôn chính là cung cấp dịch vụ giường ngủ trong các phòng được trang bị theo đúng truyền thống và thưởng thức các bữa ăn sáng theo đúng bữa ăn sáng truyền thống với sản phẩm được làm tại chỗ. Bên cạnh đó, một số dịch vụ bổ sung còn mang tính thô sơ và đơn giản bao gồm cả nhà hàng, giải khát, hoặc tổ chức hoạt động văn hóa giải trí (Turner, 1993).

Hiện nay, có nhiều định nghĩa về du lịch nông thôn của nhiều tác giả, mỗi tác giả sẽ phân tích dưới một góc độ khác nhau, với mục tiêu khác nhau. Theo Puczkó: "*Du lịch nông thôn là các loại hình du lịch diễn ra trong phạm vi vùng nông thôn",* khái niệm này chưa phản ánh được toàn diện về sự phức tạp của các hoạt động và hình thức tổ chức cũng như ý nghĩa khác nhau khi khai thác loại hình du lịch này ở mỗi quốc gia khác nhau.

Theo Puczkó, một định nghĩa rộng hơn như: "*Du lịch nông thôn bao gồm một loạt các hoạt động, dịch vụ và tiện nghi được cung cấp bởi người nông dân và cộng đồng địa phương để thu hút khách du lịch đến khu vực của họ nhằm tạo thêm thu nhập cho hộ gia đình nông thôn*" (Gannon, 1988). Theo Fleischer & Tchetchik (2005), du lịch nông thôn là loại hình du lịch dựa vào các hoạt động nông nghiệp cùng với các loại hình và dịch vụ khác. Theo Frederick, du lịch nông thôn mang lại một nguồn lợi kinh tế từ hoạt động kinh doanh các sản phẩm/dịch vụ du lịch từ

nông thôn mà các hộ gia đình khai thác và kinh doanh. Theo MacDonald & Jolliffe (2003) đã ra 3 giả thuyết về phát triển du lịch văn hóa nông thôn như sau: 1) Phát triển du lịch văn hóa nông thôn sẽ tạo ra giá trị kinh tế và mang lại lợi ích cho cộng đồng nông thôn trong thời gian ngắn và lâu dài; 2) Bản sắc văn hóa nông thôn được sử dụng nhằm xác định sự khác biệt của các cộng đồng địa phương nơi có điểm du lịch; 3) Mối quan hệ giữa các bên dựa vào cộng đồng địa phương nhằm tăng trưởng và đảm bảo chiến lược phát triển du lịch văn hóa ở vùng nông thôn.

Theo McGehee & Andereck (2004), phân tích lợi ích đem lại từ du lịch nông thôn đối với: Cộng đồng địa phương; chính quyền địa phương; hộ gia đình đóng vai trò là chủ thể du lịch nông thôn; các công ty du lịch lữ hành; các nhà cung cấp dịch vụ bổ trợ; khách du lịch. Sự tác động sinh kế của du lịch đối với cộng đồng địa phương với vai trò là chủ thể quản lý và kinh doanh dịch vụ, sản phẩm tiêu thụ từ du khách và các công ty du lịch khác (Ashley, 2000). Theo Fiquets (1992) có đưa ra khái niệm về du lịch nông thôn: *Tất cả các loại hình du lịch diễn ra trong khu vực nông thôn, bao gồm du lịch trang trại, nghỉ dưỡng nông thôn, các hoạt động du lịch ngoài trời, du lịch khám phá các thắng cảnh tự nhiên, văn hóa, ẩm thực địa phương*.

Cho đến nay, nước ta chưa có khái niệm về du lịch nông thôn cụ thể, và ngay cả trong Luật Du lịch Việt Nam năm 2017, vẫn chưa có khái niệm du lịch nông thôn mà chủ yếu là dùng khái niệm du lịch cộng đồng. Tuy nhiên, có thể khái quát về du lịch nông thôn như sau: *Du lịch nông thôn được hiểu là bao gồm các hoạt động du lịch được diễn ra tại một khu vực nông thôn mà ở đó những cư dân nông thôn đứng ra tổ chức, thiết kế, quản lý và điều hành nhằm giới thiệu, cung cấp trực tiếp hoặc qua các tổ chức/cá nhân các hoạt động về sản phẩm/dịch vụ vật chất và tinh thần của hộ nông dân và cộng đồng địa phương đến với du khách trong và ngoài nước*.

4. Xu hướng phát triển du lịch nông nghiệp, thôn trong tương lai

Với tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh chóng trên quy mô lớn như hiện nay, đời sống con người ngày càng hiện đại thì du lịch nông nghiệp, nông thôn đã trở thành xu hướng chính ở nhiều nước trên thế giới. Du lịch nông nghiệp, nông thôn là một loại hình dựa vào tài nguyên nông nghiệp để làm du lịch (Franch et al, 2008). Du lịch gắn với nông nghiệp sẽ giúp khai thác lợi thế nông nghiệp và mở rộng loại hình du lịch đáp ứng nhu cầu du khách. Đối với cư dân đô thị, nhu cầu được sống gần gũi với thiên nhiên, sống hòa nhập với cảnh quan, môi trường của đồng quê, được quay về các hoạt động nông nghiệp truyền thống ngày càng tăng. Thông qua du lịch nông nghiệp, môi trường cảnh quan thiên nhiên, thói quen sinh hoạt, các sản phẩm nông nghiệp hỗ trợ cho du lịch như nguồn lương thực, thực phẩm, các khu nghỉ mát, giải trí trong du lịch và giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường

và quá trình tạo ra nguồn lương thực, thực phẩm được tập trung khai thác. Điều này một mặt do khách du lịch ngày càng quan tâm đến vấn đề sức khỏe, nên họ có xu hướng muốn tìm hiểu về nguồn gốc, cách thức làm ra các loại thực phẩm tiêu dùng hàng ngày, mặt khác, vấn đề về bảo vệ thiên nhiên, môi trường, đảm bảo an ninh lương thực, phát triển bền vững cũng đang được quan tâm trên toàn thế giới, nhận thức và hiểu biết của người dân cũng tăng lên khiến cho việc du lịch gắn với bảo vệ, giáo dục kiến thức về thiên nhiên, môi trường, hỗ trợ những cộng đồng dân cư bản địa càng trở nên hấp dẫn hơn.

Phát triển nông nghiệp, nông thôn tại đô thị lớn như thành phố Hà Nội là hướng đi góp phần xây dựng mô hình kinh tế tại chỗ, ít phụ thuộc vào nguồn lương thực, thực phẩm từ bên ngoài. Song trong quá trình triển khai phát triển nông nghiệp tại đô thị trong bối cảnh công nghiệp 4.0, đặt ra một số vấn đề khó khăn như về nguồn nhân lực; liên kết và ứng dụng công nghệ số; khả năng cung ứng công nghệ cho nông nghiệp thông minh; các mô hình mới hình thành và triển khai; đặc biệt là chi phí đầu tư cho nông nghiệp thông minh cao hơn rất nhiều so với nông nghiệp truyền thống. Do đó, để có chi phí đầu tư phát triển nông nghiệp đô thị thông minh, việc đưa nông nghiệp thông minh vào khai thác trong hoạt động du lịch tại thành phố Hà Nội là mô hình cần nghiên cứu và triển khai.

5. Tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam

Trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, định hướng du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp, nông thôn là một trong 5 dòng sản phẩm chủ đạo. Thời gian gần đây, sản phẩm du lịch sinh thái nông nghiệp đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng du khách với nhiều sản phẩm mang đặc trưng văn hóa nông nghiệp của các vùng, miền trải dài từ Bắc đến Nam.

Trải dài khắp đất nước có thể kể đến các sản phẩm du lịch điển hình như: tham quan làng cổ Đường Lâm (Hà Nội); đồi chè, trang trại bò sữa ở nông trường Mộc Châu (Sơn La); một ngày làm nông dân ở Yên Đức (Quảng Ninh), ngư dân ở Việt Hải (Hải Phòng); thưởng ngoạn ruộng bậc thang mùa lúa chín ở Mù Căng Chải (Yên Bái), Sa Pa (Lào Cai); hái vải ở Lục Ngạn (Bắc Giang), hái na ở Chi Lăng (Lạng Sơn); trồng rau ở làng Trà Quế (Quảng Nam); canh nông ở Đà Lạt (Lâm Đồng); tham quan, khám phá đời sống người dân ở các trang trại sản xuất thanh long tại Bình Thuận. Tỉnh Ninh Thuận có chương trình tham quan, nghỉ dưỡng tại các vườn nho, vườn táo, trang trại nuôi dê, nuôi cừu. Chương trình khai thác các yếu tố gắn với văn hóa, sinh thái sông nước khu vực Đồng bằng sông Cửu Long như du lịch miệt vườn, chợ nổi, cù lao ở Cần Thơ, Vĩnh Long, Tiền Giang; thưởng thức văn hóa, đàn ca tài tử ở Bạc Liêu; văn hóa Khmer ở Sóc Trăng, Trà Vinh; lễ hội trái cây, hoa cảnh miền Tây…

Theo báo cáo từ một số địa phương nói trên và doanh nghiệp lữ hành, lượng khách tham gia vào hoạt động nông nghiệp ngày một tăng. Chi tiêu, thu nhập từ hoạt động du lịch nông nghiệp đem lại nguồn thu ổn định cho người nông dân, cho doanh nghiệp và đóng góp cho kinh tế địa phương. Tuy nhiên, Tổng cục Du lịch cũng nhìn nhận, dù Việt Nam có nhiều tài nguyên để phát triển du lịch nông nghiệp nhưng trên thực tế, những khu vực có đủ khả năng khai thác chuyên nghiệp không nhiều. Hầu hết các hoạt động du lịch nông nghiệp vẫn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, manh mún, trùng lặp. Sản phẩm du lịch nông nghiệp chưa thực sự hấp dẫn du khách và chưa được chú trọng về thương hiệu. Một số khu vực có điều kiện tự nhiên đồng nhất, tập quán sinh hoạt, văn hóa cộng đồng giống nhau, sản phẩm du lịch nông nghiệp giữa các địa phương không tránh khỏi sự trùng lặp, đơn điệu. Đặc biệt, phần lớn người nông dân chỉ quen sản xuất nông nghiệp, không có đủ các kỹ năng để phục vụ khách du lịch một cách chuyên nghiệp. Hầu hết sản phẩm du lịch nông nghiệp còn rất giản đơn, chưa tận dụng được hết lợi thế để thu hút khách, cũng như tăng khả năng chi tiêu từ khách du lịch.

Thời gian qua, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng Đề án "*Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới*". Thông qua đề án này, các cơ quan chức năng tiến hành đánh giá thực trạng, tồn tại, hạn chế của du lịch nông thôn, từ đó đề xuất nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế chính sách đặc thù nhằm tạo ra động lực phát triển cho du lịch nông thôn giai đoạn tới, phát huy lợi thế của nông nghiệp, nông thôn, xây dựng chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp, nông thôn góp phần đạt mục tiêu quốc gia về phát triển nông thôn mới bền vững.

6. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn

Theo các chuyên gia, du lịch nông nghiệp, nông thôn bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm tài nguyên thiên nhiên, môi trường tự nhiên, môi trường văn hóa-xã hội, hệ thống chính sách pháp luật, điều kiện kinh tế-xã hội, khả năng tiếp cận và tiến bộ công nghệ. Hiểu được những yếu tố này và cách chúng tương tác với nhau có thể giúp cho các khu vực nông thôn phát triển và quảng bá dịch vụ du lịch nông nghiệp hiệu quả. Trong phạm vi tham luận này, chúng tôi trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch nông thôn dưới góc độ nghiên cứu các điều kiện phát triển loại hình du lịch này gắn với điểm đến du lịch có hoạt động nông nghiệp.

6.1. Tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử-văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch. Tài nguyên du lịch gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Về cơ bản, tài nguyên

du lịch là cơ sở quan trọng, quyết định cho việc hình thành và phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp, nông thôn. Sự sẵn có của tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, chẳng hạn như danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và địa danh văn hóa, có thể là một điểm thu hút lớn đối với du khách đến các vùng nông thôn.

Sức hấp dẫn của tài nguyên tự nhiên là tiêu chí quan trọng có tính quyết định đánh giá điểm đến gắn với hoạt động nông nghiệp; làm tăng tính hấp dẫn của điểm đến nông thôn. Đặc biệt, điều này tạo sự hấp dẫn đối với du khách có động cơ chính là những chuyến đi nghỉ ngơi, nghỉ dưỡng, sinh thái, trải nghiệm văn hóa làng quê. Sức hấp dẫn về tài nguyên tự nhiên được tạo bởi số lượng và chất lượng của các yếu tố tài nguyên du lịch tự nhiên; mức độ phong phú, sự nổi tiếng, đặc sắc, độc đáo, đẳng cấp, mới lạ của những tài nguyên này và khả năng phát triển các loại hình du lịch. Sức hấp dẫn về tài nguyên nhân văn thể hiện ở số lượng và chất lượng tài nguyên nhân văn, sự ấn tượng, đặc sắc, độc đáo, mới lạ của tài nguyên nhân văn và đặc biệt là những nông thôn có các di sản văn hóa. Điều đó làm tăng tính hấp dẫn đối với du khách du lịch có động cơ chính của chuyến đi là tìm hiểu và cảm thụ các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của điểm đến du lịch. Vì thế, hệ thống tài nguyên du lịch trở thành một yếu tố nguồn lực, một thuộc tính cơ bản quan trọng tạo nên sức hấp dẫn hay còn gọi là sức cuốn hút của điểm đến du lịch nông nghiệp, nông thôn đối với khách du lịch.

Đối với du lịch nông nghiệp, nông thôn là loại hình phục vụ khách chủ yếu dựa vào nền tảng hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tài nguyên của loại hình du lịch này là tất cả những gì phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Từ tư liệu sản xuất, đất đai, sông ngòi, ao hồ, con người, quy trình sản xuất, tập quán canh tác, sản phẩm sản xuất… cho đến những yếu tố tự nhiên liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp như môi trường, khí hậu, thời tiết… đều là cơ sở tài nguyên cho du lịch nông nghiệp, nông thôn. Phần lớn du lịch nông nghiệp, nông thôn hướng đến trải nghiệm một nền văn hoá mới, đó là thưởng ngoạn khung cảnh thiên nhiên với những trang trại, cánh đồng, sông nước hữu tình, được trực tiếp tham gia vào nhiều hoạt động dân dã của người nông dân như mò cua, bắt ốc, câu cá, trồng rau, tát nước, gặt lúa…

6.2. Chính sách phát triển du lịch

Chính sách phát triển du lịch xác định rõ vị trí của ngành du lịch trong tổng thể các ngành kinh tế-xã hội và có định hướng, giải pháp đúng đắn để phát triển du lịch. Đây chính là nguồn lực - điều kiện tiên quyết để phát triển sản phẩm điểm đến du lịch gắn với hoạt động nông nghiệp. Một điểm đến giàu về tài nguyên du lịch và các nguồn lực khác cần có chính sách mang tính định hướng, hỗ trợ, tạo điều kiện thúc đẩy để phát triển. Hoạt động du lịch có tính chất liên ngành nên chỉ có

thể phát triển bền vững nếu chính sách phát triển du lịch được tích hợp vào các chính sách tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia, của địa phương.

Ngoài các chính sách tạo môi trường thuận lợi cho phát triển du lịch, sự tham gia của cộng đồng cũng như sự hỗ trợ của chính phủ, các tổ chức phi chính phủ về nhân lực, tài lực, kinh nghiệm quản lý phát triển điểm đến du lịch, tuyên truyền quảng bá thu hút khách du lịch thì cần có chính sách hợp tác, ngoại giao với các quốc gia. Cho phép mở rộng cho các mối quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa giữa các quốc gia; xóa bỏ các rào cản, sự can thiệp của nhà nước qua những quy định xuất nhập cảnh là điều kiện cho hoạt động du lịch phát triển.

Chính sách và quy định của Chính phủ, của Ngành, của địa phương bao gồm các chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động của Ngành, quy hoạch, chương trình mục tiêu, chiến lược, đề án,… liên quan đến khu vực nông thôn, nông dân. Đặc biệt là các chính sách liên quan đến sử dụng đất, chính sách chuyển đổi cơ cấu kinh tế của mỗi địa phương tác động đến phát triển du lịch gắn với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

6.3. Tính hấp dẫn của điểm đến

Tính hấp dẫn của điểm đến du lịch nông thôn phản ánh cảm nhận và ý kiến của du khách về khả năng được đáp ứng nhu cầu trải nghiệm hoạt động đời sống nông nghiệp. Một điểm đến có khả năng đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, càng được cảm nhận là hấp dẫn và càng chắc chắn được khách du lịch lựa chọn. Tầm quan trọng của yếu tố này giúp khách du lịch đánh giá tính hấp dẫn của điểm đến và đưa ra lựa chọn phù hợp.

Tính hấp dẫn của điểm đến du lịch nông thôn khuyến khích khách du lịch tới tham quan và lưu trú tại điểm đến. Vì thế, giá trị chủ yếu của tính hấp dẫn điểm đến nông thôn là sức cuốn hút khách du lịch khi xu hướng đô thị hóa ngày càng diễn ra nhanh chóng ở các thành phố, trung tâm kinh tế. Không có tính hấp dẫn của điểm đến ở nông thôn, hoạt động du lịch sẽ không tồn tại và ở đó không thể phát triển được các dịch vụ du lịch. Một điểm đến du lịch nông thôn được xem là hấp dẫn khi hội tụ được những yếu tố: thuận lợi trong tiếp cận (hạ tầng giao thông, thủ tục nhập cảnh); có sản phẩm du lịch đặc thù hấp dẫn được xây dựng trên giá trị "*cốt lõi*" tài nguyên du lịch của điểm đến; có các hoạt động giải trí hấp dẫn phù hợp với "*tính cách*" của điểm đến; có môi trường tự nhiên, xã hội, an ninh và an toàn tốt. Khả năng thu hút của điểm đến là do độ hấp dẫn về các yếu tố thuộc tính của điểm đến đối với những nhận thức của du khách. Độ hấp dẫn của điểm đến du lịch nông thôn có tính chất tổng hợp rất cao, thường được xác định bằng sự đặc sắc, độc đáo của tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn tạo điểm nhấn thu hút; số lượng và chất lượng của các tài nguyên; khả năng đáp ứng được nhiều loại hình du lịch và quy mô của điểm đến. Một trong những yếu tố thuộc tính hấp dẫn của điểm

đến đó là các sản phẩm du lịch đặc trưng riêng có tạo nên vai trò quyết định, là "*lực hút*" trong chính sách phát triển sản phẩm của điểm đến du lịch.

6.4. Sức chứa của điểm đến

Sức chứa điểm đến du lịch có thể được hiểu là khả năng đáp ứng một cách hiệu quả nhất nhu cầu tối đa của một lượng khách tham quan nhất định, trong giới hạn nguồn tài nguyên và dịch vụ cho phép tại nơi khách đến. Nó được quyết định bởi ba yếu tố chính là: lượng nguồn tài nguyên sẵn có, số lượng khách tham quan và lượng tài nguyên và dịch vụ mà mỗi cá nhân đó sử dụng.

Thực tế cho thấy, bất cứ một điểm đến du lịch là một quốc gia hay một địa phương/thành phố, hoặc một điểm du lịch nông thôn cụ thể, đều nằm trong một giới hạn nhất định về không gian địa lý, hành chính. Bên trong không gian đó chứa đựng nguồn tài nguyên nhất định cả tự nhiên và nhân tạo, đó là những sản phẩm cốt lõi tạo nên sức hấp dẫn của điểm đến du lịch. Đồng thời, trong điểm đến du lịch này cũng tồn tại nhiều yếu tố sản phẩm quan trọng khác, bổ trợ cho hoạt động du lịch, như: nguồn nhân lực, hạ tầng cơ sở, cơ sở lưu trú, ăn uống, cửa hàng mua sắm và các dịch vụ liên quan.

Một xu hướng thực tế tương đối phổ biến là, các nhà quản lý du lịch địa phương thường chỉ tập trung quan tâm và kỳ vọng nhiều tới việc làm thế nào để thu hút được càng nhiều khách tới du lịch càng tốt, chứ chưa tập trung vào chất lượng của du khách; đồng thời còn xem nhẹ hoặc thậm chí hầu như không quan tâm tới yếu tố sức chứa của điểm đến du lịch. Điều này đồng nghĩa với việc họ chưa xác định được khả năng thực tế của điểm đến cả về khía cạnh không gian, thời gian, tính hợp lý trong việc quy hoạch các khu dịch vụ chức năng, bố trí nguồn nhân lực phù hợp và năng lực cung cấp dịch vụ, hàng hóa cũng như tập quán tiêu dùng của khách du lịch, để có thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu thiết yếu của một lượng khách du lịch nhất định tới thăm quan vào một thời điểm nhất định.

Với cách tiếp cận như trên, các nhà quản lý gặp nhiều khó khăn trong việc giám sát và điều tiết lượng khách tới cũng như chất lượng sản phẩm, dịch vụ của điểm đến du lịch, nhất là vào những mùa cao điểm du lịch. Khi lượng khách tới tham quan vượt quá sức chứa của điểm đến du lịch, một khối lượng lớn về hàng hóa, dịch vụ sẽ được tiêu thụ, trong khi lượng tài nguyên và nguồn nhân lực hạn chế, sẽ dẫn tới sự quá tải về mọi mặt và không thỏa mãn được nhu cầu của khách hàng, doanh thu suy giảm. Đặc biệt nghiêm trọng hơn nữa là tình trạng quá tải này sẽ triệt tiêu động lực của khách du lịch tới tham quan, cũng như quay trở lại và hình ảnh điểm đến sẽ ngày một mờ nhạt đi.

Đứng trên góc độ vật lý, sức chứa ở đây được hiểu là số lượng tối đa khách du lịch mà khu vực có thể tiếp nhận. Điều này liên quan đến những tiêu chuẩn về không gian đối với mỗi du khách cũng như nhu cầu sinh hoạt của họ. Đứng ở góc

độ xã hội, sức chứa là giới hạn về lượng du khách mà tại đó bắt đầu xuất hiện những tác động tiêu cực của các hoạt động du lịch đến đời sống văn hoá-xã hội, kinh tế-xã hội của khu vực. Cuộc sống bình thường của cộng đồng nông dân địa phương có cảm giác bị phá vỡ, xâm nhập. Đứng ở góc độ quản lý, sức chứa được hiểu là lượng khách tối đa mà khu du lịch có khả năng phục vụ. Nếu lượng khách vượt quá giới hạn này thì năng lực quản lý (lực lượng nhân viên, trình độ và phương tiện quản lý...) của khu du lịch nông thôn sẽ không đáp ứng được yêu cầu của khách, làm mất khả năng quản lý và kiểm soát hoạt động của khách, kết quả là sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường và xã hội.

Sức chứa tối đa là số lượng du khách cho phép đến các điểm đến du lịch nông thôn trong một thời gian, không gian nhất định, được bao nhiêu thì sẽ không ảnh hưởng đến cảnh quan, các cơ sở hạ tầng du lịch không bị quá tải. Nếu mỗi điểm đến du lịch nông thôn vượt quá sức chứa tối đa sẽ dẫn đến các mâu thuẫn, xung đột, điển hình như hệ thống xử lý nước thải, rác thải tại chỗ sẽ không xử lý kịp, ảnh hưởng đến môi trường.

Tại một số quốc gia có quy định rất rõ, mỗi đợt khách chỉ có tối đa vài trăm người, hết đợt đó thì lượng khách khác mới được đến, mỗi tháng có bao nhiêu ngày duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị, bao lâu thì phải sửa chữa, xây mới các công trình phục vụ… Đây là điều hết sức quan trọng mà lâu nay chúng ta không để ý đến trong quá trình phát triển du lịch dẫn đến nhiều khu du lịch tồn tại vấn đề về môi trường, đặc biệt là rác thải, nước thải… Nhiều địa phương chỉ chú tâm vào số lượng du khách, năm sau cao hơn năm trước là thấy phát triển, tuy nhiên hậu quả để lại về môi trường tự nhiên và xã hội thì không được tính đến. Đây là điều hết sức sai lầm chính bởi sự phát triển không bền vững. Có khi thu được 1 đồng từ du lịch nhưng phải bỏ ra đến 3 đồng để làm sạch môi trường.

Theo Viện Nghiên cứu phát triển du lịch Việt Nam, sức chứa tối đa tại các khu du lịch được tính toán từ các thông số như: hệ số thời tiết, hệ số giới hạn về môi trường (mức độ ô nhiễm, tiếng ồn, chất lượng nguồn nước, hệ số an toàn cho du khách, giới hạn ảnh hưởng đến hệ sinh thái), hệ số giới hạn về cơ sở hạ tầng, về cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, năng lực quản lý điều hành…

Khi xây dựng các quy hoạch phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn đều phải phải tính đến sức chứa tối đa trong các đề án, dự án quy hoạch phát triển loại hình du lịch này. Để tính toán được điều này đòi hỏi rất nhiều số liệu kèm theo, ví dụ như hệ thống xử lý rác thải, hệ thống xử lý nước, cung cấp nước sạch, loại hình kinh doanh du lịch, số lượng phòng nghỉ tối đa cho du khách. Có như vậy các địa phương mới biết được mình đang thiếu cái gì, yếu lĩnh vực nào trong quá trình phát triển du lịch, từ đó có những định hướng, kêu gọi đầu tư vào các cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ nhu cầu của du khách và bảo vệ tốt môi trường.

Qua phân tích ở trên, có thể khẳng định, quản lý sức chứa là một trong những nội dung quan trọng, cần được nghiên cứu và triển khai đồng bộ với những yếu tố liên quan trong quá trình quy hoạch phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn. Đặc biệt, vấn đề này càng có ý nghĩa hơn đối với những địa phương có hoạt động du lịch ở giai đoạn đầu hay đang trên đà phát triển du lịch.

Quản trị tốt vấn đề sức chứa, sẽ mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho các nhà quản lý ngành tại địa phương và các cơ sở dịch vụ du lịch từ khâu định hình được hướng phát triển một cách phù hợp ngay từ ban đầu, cho tới việc lập và triển khai hiệu quả quy hoạch, xây dựng, vận hành, khai thác để từ đó phát huy được tối đa những lợi ích kinh tế xã hội do hoạt động du lịch mang lại, đồng thời tránh và giảm thiểu các tác động tiêu cực trong sản xuất kinh doanh. Với nguyên lý cơ bản mang tính định hướng trên, vận dụng tốt, chắc chắn sẽ là cơ sở quan trọng để góp phần thúc đẩy phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng chất lượng, bền vững và có trách nhiệm.

6.5. Khả năng tiếp cận

Khả năng tiếp cận thuận tiện điểm đến du lịch nông thôn được hiểu với nghĩa là sự đơn giản, tiện lợi, nhanh chóng, an toàn và tối thiểu chi phí để đạt được nhu cầu trải nghiệm các dịch vụ du lịch gắn với hoạt động nông nghiệp. Điều đó có liên quan đến cảm nhận chung của khách về điểm đến sau khi trải nghiệm loại hình du lịch này.

Theo các chuyên gia, sự thuận tiện tiếp điểm đến du lịch nông thôn là một trong những yếu tố đánh giá thuộc tính hấp dẫn riêng có của loại hình du lịch này, là yếu tố quan trọng trong quyết định lựa chọn trải nghiệm của du khách. Đặc biệt trong xu thế muốn đến được nhiều điểm du lịch trong một hành trình và có được nhiều lựa chọn cho những điểm đến du lịch tương đồng, với những điểm đến có sản phẩm dịch vụ tương tự, du khách sẽ lựa chọn điểm đến gần hơn điểm đến xa. Khả năng tiếp cận điểm đến du lịch còn phụ thuộc vào hệ thống hạ tầng giao thông vận tải của quốc gia, của địa phương, sự sẵn có của các điều kiện sinh hoạt tối thiểu. Đặc biệt là sự cho phép về mặt pháp lý của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch đối với du khách.

6.6. Sự an toàn

Hoạt động du lịch rất nhạy cảm với yếu tố an ninh, an toàn. Vì đây là yếu tố chi phối tổng thể và toàn diện đến phát triển hoạt động kinh doanh du lịch nói chung cũng như đến phát triển sản phẩm du lịch. Sự ổn định về chính trị quốc gia là cơ sở thuận lợi để đảm bảo an ninh, an toàn cho du khách lựa chọn các sản phẩm tại điểm đến du lịch. Điều này đặc biệt rất có ý nghĩa đối với khách quốc tế. Thông thường nhân tố chính trị tác động đến sự phát triển kinh tế nói chung, trong đó có du lịch thông qua các đường lối, chính sách. Tại các quốc gia có chiến tranh, khủng

bố hoặc có nhiều vấn đề về trật tự, an toàn xã hội, môi trường như: trộm cắp, cướp giật, gây gổ, đặc biệt là bệnh dịch... sẽ tác động rất lớn đến nhu cầu, động cơ từ phía khách du lịch, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị của sản phẩm du lịch.

Theo các chuyên gia, an toàn là yếu tố quyết định quan trọng đến khả năng cạnh tranh điểm đến du lịch và cảm nhận về hình ảnh điểm đến; là mối quan tâm chính của khách du lịch khi lựa chọn điểm đến, nhất là trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động hiện nay. Trong thời đại toàn cầu hóa, tội phạm quốc tế gây hại đến du khách đang ảnh hưởng và có thể phá hủy các điểm du lịch trong thời gian ngắn, ngành du lịch và du khách rất nhạy cảm với các cuộc khủng hoảng. An toàn điểm đến du lịch là những biện pháp được thực hiện nhằm đảm bảo cho du khách tránh xa mọi yếu tố nguy hiểm để bảo toàn tính mạng và tài sản cho họ trong quá trình du lịch tại điểm đến. Hệ thống pháp luật là công cụ quản lý của Nhà nước, liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cũng như lợi ích của các doanh nghiệp du lịch trong phát triển sản phẩm du lịch. Nó trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến mỗi du khách trong quá trình tiêu dùng/sử dụng sản phẩm du lịch. Bên cạnh đó, yếu tố pháp luật chi phối rất lớn đến việc phát triển du lịch, nó có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của du lịch trên cả hai phương diện cung và cầu. Để thực sự thúc đẩy khả năng phát triển sản phẩm du lịch, hệ thống pháp luật cần phải ổn định, đồng bộ, nhất quán và hướng vào những bức xúc đặt ra trong quá trình phát triển.

Từ cuối tháng 01/2020, dịch COVID-19 bùng phát và lan rộng ở nhiều quốc gia, trở thành đại dịch toàn cầu. Hoạt động du lịch quốc tế bị "đóng băng" đã khiến cho ngành du lịch toàn cầu nói chung và du lịch Việt Nam nói riêng lao đao và rơi vào cuộc khủng hoảng chưa từng có trong lịch sử. Do sự ảnh hưởng của dịch COVID-19, có thể khách du lịch sẽ thay đổi xu hướng du lịch của mình để đảm bảo an toàn sức khỏe. Trong đại dịch COVID-19 vừa qua, nông nghiệp Việt Nam đã là trụ đỡ cho nền kinh tế khi nhiều ngành nghề/lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề, nghiêm trọng. Sản phẩm từ nông nghiệp đã đảm bảo cho an ninh lương thực quốc gia cũng như đóng góp ấn tượng vào tỷ trọng xuất nhập khẩu của đất nước. Trong khi chờ phục hồi thị trường du lịch quốc tế, một lần nữa, du lịch nội địa đã khẳng định vai trò cứu nguy cho cả ngành. Hậu COVID-19, du khách sẽ đặt vấn đề sức khỏe lên hàng đầu, do đó xu hướng đi du lịch theo nhóm nhỏ, gia đình sẽ nhiều hơn đoàn; xu hướng du lịch đến những điểm tránh sự tập trung đông người, tránh di chuyển nhiều; du lịch sức khỏe liên quan sinh thái, thiên nhiên, cộng đồng sẽ được quan tâm. Điều này dẫn đến các khu du lịch sinh thái làng quê nông thôn gắn với sản xuất nông nghiệp sẽ là điểm đến an toàn, thân thiện và hấp dẫn du khách.

Đặc biệt trong bối cảnh tác động của đại dịch COVID-19, phát triển du lịch sẽ tác động lan tỏa tới các ngành kinh tế khác, đặc biệt là thương mại, dịch vụ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh

thần của người dân nông thôn. Phát triển du lịch nông nghiệp được xác định là một trong những giải pháp động lực thúc đẩy xây dựng nông thôn mới bền vững, đồng thời là nền tảng hỗ trợ cho sự phát triển đa dạng, chất lượng, ổn định của điểm đến du lịch. Trong khi du lịch quốc tế còn chịu nhiều ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19 thì xu hướng du lịch nội địa sẽ là chủ đạo và phát triển du lịch nông thôn hiệu quả sẽ góp phần thực hiện đồng thời hai mục tiêu chính trị quan trọng là phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và đạt mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới bền vững.

Trong bối cảnh hậu COVID-19 và khi Chính phủ quyết định mở cửa với quốc tế, công tác đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh vẫn cần được quan tâm tại các điểm đến có hoạt động du lịch nông nghiệp. Để thực hiện được điều này đòi hỏi các địa phương cần xây dựng kế hoạch tổ chức và các phương án phòng, chống dịch theo từng cấp độ, chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp đảm bảo phòng, chống dịch; tạo mã QR điểm kiểm dịch để thực hiện quản lý người ra, vào địa điểm du lịch và khai báo y tế theo quy định. Mỗi địa phương cần có bộ phận thường trực theo dõi tình hình y tế, dịch bệnh, an toàn sức khỏe của những người tham gia hoạt động phục vụ tại các điểm du lịch nông nghiệp, nông thôn. Cụ thể:

- Để đảm bảo và phòng tránh dịch bệnh khi đi du lịch, các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ và khách du lịch cần thực hiện nghiêm túc các khuyến cáo, hướng dẫn của ngành Y tế về phòng, chống dịch như: thường xuyên rửa tay đúng cách, đeo khẩu trang, giữ khoảng cách an toàn, thực hiện khai báo y tế trực tuyến để được cảnh báo nguy cơ lây nhiễm…

- Tại khu vực cửa vào của địa điểm tổ chức hoạt động dịch vụ du lịch: tổ chức đo thân nhiệt, yêu cầu người lao động, người tham dự phải khai báo y tế, sát khuẩn tay, đeo khẩu trang và giữ khoảng cách theo quy định; bố trí biển báo quy định phòng, chống dịch; bố trí đầy đủ dung dịch sát khuẩn tay; bố trí khu vực vào đơn vị có kẻ vạch giãn cách theo quy định; kiểm soát và quản lý người vào; có biện pháp kiểm soát mật độ người vào đảm bảo quy định phòng, chống dịch.

- Có phương án bố trí phòng/khu vực cách ly tạm thời (sau đây gọi là phòng cách ly) cho người tổ chức/người tham gia có một trong các biểu hiện mệt mỏi, sốt, ho, đau rát họng, khó thở... Khu vực cách ly phải đảm bảo các yêu cầu của Bộ Y tế. Bố trí đủ thùng đựng chất thải có nắp đậy; bố trí đầy đủ khu vực rửa tay, nhà vệ sinh, đảm bảo luôn có đủ nước sạch và xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay. Các địa điểm tổ chức hoạt động du lịch cần có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền về y tế của địa phương khi có yêu cầu.

- **C**ác doanh nghiệp lữ hành, vận chuyển khách du lịch, tổ chức/cá nhân quản lý khu, điểm, cơ sở lưu trú du lịch và kinh doanh dịch vụ du lịch; người lao động làm việc tại các cơ sở kinh doanh du lịch; khách du lịch, khách sử dụng dịch vụ

trong các cơ sở kinh doanh du lịch, người đến liên hệ, làm việc, người cung ứng vật tư, hàng hóa, dịch vụ cho cơ sở kinh doanh du lịch cần chấp hành các quy định của pháp luật về biện pháp phòng, chống dịch, các quy định của chính quyền địa phương, cơ quan y tế; sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định để khai báo y tế theo quy định.

6.7. Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực du lịch nông thôn là những người đang làm việc hoặc tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực/khu vực nông nghiệp, bao gồm nguồn nhân lực trực tiếp và gián tiếp. Nguồn nhân lực du lịch gián tiếp gồm lực lượng lao động làm việc ở các lĩnh vực khác có liên quan đến hoạt động du lịch.

Để có điểm đến du lịch nông thôn tốt, đòi hỏi nguồn nhân lực đảm bảo về số lượng, cơ cấu và chất lượng; có kiến thức, năng lực và thái độ tốt đáp ứng tiêu chuẩn kỹ năng nghề khu vực và thế giới. Lao động trong các doanh nghiệp trực tiếp cung ứng dịch vụ du lịch cũng như cộng đồng dân cư tham gia các hoạt động du lịch cần đáp ứng yêu cầu về sức khỏe, kiến thức, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghề nghiệp; trình độ ngoại ngữ hướng tới đạt chuẩn; phong cách, đạo đức đạt mức độ tinh tế và nhạy cảm trong phục vụ và giao tiếp. Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, khi tự động hóa thay thế con người trong hầu hết các hoạt động dịch vụ. Tuy nhiên, đối với dịch vụ du lịch, chất lượng phục vụ của nguồn nhân lực là yếu tố góp phần tạo nên giá trị của sản phẩm điểm đến du lịch.

Nhằm phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn cần phải có nguồn nhân lực du lịch ở các vùng quê. Điều này đòi hỏi các địa phương phải có cán bộ làm du lịch cần được nâng cao nhận thức, được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng, nhất là năng lực trong thiết kế/xây dựng/phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù, được tiếp cận tri thức, công nghệ mới trong xúc tiến, quảng bá, truyền thông. Đối với các hộ dân làm du lịch nông nghiệp, cần bổ sung vốn kiến thức về văn hóa bản địa, tăng cường đào tạo cung cách, kỹ năng phục vụ du lịch...

6.8. Sự tham gia của người dân

Sự tham gia nhiệt tình, thân thiện, cởi mở của người dân/nông dân địa phương là một yếu tố xã hội của điểm đến du lịch nông nghiệp, nghiệp thôn. Điều này ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách du lịch với chuyến đi của họ. Ngược lại, nếu du khách được chào đón với thái độ tiêu cực, họ sẽ không muốn trở lại điểm đến đó một lần nữa. Sự thân thiện của người dân địa phương mà cụ thể là người nông dân thể hiện qua thái độ tôn trọng du khách, khả năng trợ giúp du khách và sự sẵn sàng hỗ trợ du khách trong quá trình trải nghiệm, hưởng thụ, tiêu dùng các sản phẩm du lịch bản địa.

Người dân địa phương với vai trò là chủ của tài nguyên du lịch, tham gia vào cung cấp dịch vụ. Nếp sống của họ góp phần củng cố và phát huy các giá trị văn hóa nông nghiệp của điểm đến du lịch đồng quê. Với xu hướng ngày càng nhiều du khách muốn khám phá văn hóa bản địa tại nơi đến càng cần người nông dân chủ động phối hợp, hỗ trợ và tham gia cung cấp dịch vụ cho du khách. Hầu hết du khách đều cảm thấy yên tâm, thoải mái khi nhận được sự sẵn sàng trợ giúp của cộng đồng địa phương trong các hoạt động tại điểm đến và giao tiếp dễ dàng bằng ngôn ngữ của họ. Để làm được những việc đó, trước hết người dân phải có nhận thức đúng đắn về phát triển du lịch nông nghiệp là mang lại việc làm, tạo thu nhập và cải thiện cơ sở hạ tầng. Điều này đòi hỏi họ cần được trang bị những kiến thức liên quan đến tài nguyên du lịch địa phương, văn hóa bản địa, đặc điểm/thói quen/sở thích của thị trường khách du lịch và những kỹ năng ngoại ngữ, giao tiếp, sử dụng hệ thống dịch vụ công cộng. Sự ủng hộ của người dân đối với phát triển du lịch địa phương có thể làm tăng tính cạnh tranh của điểm đến du lịch gắn với làng quê; góp phần quan trọng cho sự thành công cho loại hình du lịch nông nghiệp, nông thôn.

6.9. Sự phát triển kinh tế - xã hội

Đây là một trong các yếu tố có tác động rất lớn đến phát triển du lịch, trong đó có ảnh hưởng cả bên trong và bên ngoài điểm đến du lịch nông thôn. Trong nhóm các nhân tố kinh tế, trực tiếp ảnh hưởng đến phát triển chiến lược sản phẩm du lịch là tốc độ tăng trưởng kinh tế, kéo theo thu nhập của dân cư và cuối cùng tác động vào nhu cầu du lịch. Khi tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, dẫn đến thu nhập của dân cư tăng lên, những nhu cầu thiết yếu được thoả mãn, tầng lớp có thu nhập cao sẽ quan tâm nhiều hơn đến việc hoạt động du lịch. Sự ảnh hưởng của yếu tố xã hội thường chậm và khó nhận ra, nhưng không kém phần quan trọng. Các khía cạnh xã hội cần quan tâm là: 1) Mức thu nhập của dân cư, tỷ lệ thất nghiệp và tình trạng chung của nền kinh tế; 2) Các yếu tố văn hóa xã hội, chẳng hạn như phong tục, văn hóa và truyền thống địa phương, có thể đóng một vai trò quan trọng cho du lịch nông thôn; 3) Trình độ học vấn, trình độ văn hoá của cộng đồng, yếu tố này có liên quan đến nhận thức của người dân đối với hoạt động du lịch, ý thức bảo vệ môi trường; 4) Các yếu tố khác như: cơ cấu dân cư, thời gian nhàn rỗi, các tệ nạn xã hội… cũng ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động phát triển sản phẩm du lịch ở mỗi địa phương; 5) Tiến bộ công nghệ, chẳng hạn như internet và phương tiện truyền thông xã hội, đã ảnh hưởng lớn đến cách thức mà khách du lịch lên kế hoạch và đặt chỗ cho chuyến đi của họ, và nó có thể là một công cụ mạnh mẽ để các khu vực nông thôn quảng bá đến nhiều đối tượng khách…

6.10. Nhu cầu của khách du lịch

Khi xem xét yếu tố nhu cầu của khách du lịch, các chuyên gia thường quan tâm đến các tiêu chí:

1) *Số lượt khách du lịch đến hàng năm:* Bên cạnh chỉ tiêu số lượt khách nội địa, chỉ tiêu số lượt khách quốc tế đến hàng năm là một trong những tiêu chí quan trọng để khẳng định thương hiệu/hình ảnh/sức hấp dẫn của một điểm đến du lịch nông nghiệp, nông thôn. Điểm đến hội tụ các yếu tố hấp dẫn, thuận lợi, an toàn, thân thiện, ấn tượng phải được nhiều du khách quốc tế quyết định lựa chọn đến và trải nghiệm. Điều tiết lượng khách quốc tế đến thích hợp theo từng thời điểm trong năm để đảm bảo tính bền vững cho điểm đến du lịch.

2) *Số ngày lưu trú bình quân của khách du lịch:* Đảm bảo hoạt động của điểm đến du lịch nông nghiệp, nông thôn không chỉ bằng tính hấp dẫn, sự an toàn, thân thiện, sự thuận tiện để lôi kéo khách quốc tế đến mà điều quan trọng bởi điểm đến có dịch vụ cạnh tranh để giữ chân khách quốc tế lưu lại, lưu lại nhiều ngày và sử dụng nhiều dịch vụ, làm cho số ngày lưu trú bình quân và chi tiêu trung bình của khách quốc tế tăng. Điểm đến du lịch nông nghiệp, nông thôn hấp dẫn và cho khách những trải nghiệm thú, vì thế mà lưu giữ khách trong thời gian dài để sử dụng nhiều dịch vụ.

3) *Chi tiêu trung bình của khách du lịch:* Chi tiêu của khách du lịch bao gồm các khoản chi cho dịch vụ vận chuyển, lưu trú, ăn uống, mua sắm hàng hóa, chi tiêu về các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí, thể thao và các chi phí khác. Khoản chi tiêu tăng chứng tỏ điểm đến du lịch có sức hấp dẫn khách cả về quy mô, số lượng và chất lượng dịch vụ. Thông qua việc đánh giá số lượt khách du lịch, số ngày lưu trú bình quân và mức chi tiêu trung bình của du khách, điểm đến du lịch sẽ quyết định duy trì, loại bỏ hay phát triển sản phẩm du lịch mới nhằm cung ứng ra thị trường cho hợp lý.

7. Phát triển du lịch nông nghiệp, thôn và những vấn đề đặt ra đối với thành phố Hà Nội

Việt Nam là một quốc gia có bề dày lịch sử phát triển nền sinh thái nông nghiệp dựa trên hệ sinh thái thiên nhiên có tài nguyên đa dạng sinh học thuộc 16 nước cao nhất thế giới. Đa dạng sinh học, đa dạng địa hình, đa dạng tài nguyên là điều kiện cho việc phát triển và tồn tại bền vững cho hệ sinh thái nông nghiệp với các sản vật thiên nhiên độc đáo. Đó chính là điều cốt lõi để đặt nền móng cho việc phát triển các sản phẩm du lịch ở một nước nông nghiệp như Việt Nam, trong đó có thủ đô Hà Nội.

Sự nghiệp nông nghiệp, nông thôn và nông dân đang tiến hành sâu rộng theo chủ trương xây dựng nông thôn mới sẽ tạo một môi trường thuận lợi cho việc phát triển du lịch nông nghiệp. Các làng nghề nông-lâm-ngư nghiệp truyền thống ở nước ta sẽ là động lực thúc đẩy phát triển du lịch nông nghiệp, đồng thời cũng là thực

hiện phong trào nông thôn mới với tốc độ vừa nhanh vừa bền vững. Điều này, không những tham gia tích cực vào việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, mở rộng đầu ra của sản phẩm mà còn bảo tồn được các giá trị văn hóa gốc của nông thôn hoặc giá trị về thương hiệu hàng hóa đặc thù. Hầu như địa phương nào ở nước ta cũng có các làng nông nghiệp truyền thống với không gian làng xã sinh động và các cảnh quan đồng quê đẹp trữ tình có tiềm năng trở thành điểm du lịch nông nghiệp hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Chúng ta có thể học hỏi rất nhiều kinh nghiệm từ các nước đã trải qua 30, 40 năm và đã thành công trong việc đặt nền móng và phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn với điểm xuất phát ban đầu như Việt Nam.

Hiện nay, lượng khách quan tâm tới du lịch nông nghiệp, nông thôn ngày càng lớn vì đa số rất quan tâm tới thực phẩm ngon, sạch và không gian sinh hoạt của các nông hộ, các trang trại, các cộng đồng nông nghiệp gắn với làng xã, thôn bản. Một không gian sống rất thực sự thoáng đạt hòa mình với thiên nhiên, mang tính đồng quê luôn có sức lôi cuốn đặc biệt với du khách trong và ngoài nước với mọi lứa tuổi khác nhau. Nội dung của sản phẩm du lịch nông nghiệp, nông thôn rất phong phú làm nguồn gốc để phát triển các sản phẩm khác như du lịch ẩm thực đồng quê, du lịch nâng cao sức khỏe không chỉ cho người lớn mà còn cho trẻ em, du lịch học đường, du lịch chuyên đề, du lịch trải nghiệm… Du lịch nông nghiệp, nông thôn luôn đem lại cho du khách những cảm xúc mới lạ mà gần gũi không bao giờ nhàm chán.

Bên cạnh tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn, Việt Nam nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng sẽ phải đối mặt với một số vấn đề khó khăn, bất cập như sau:

1) Vấn đề xung đột/mâu thuẫn lợi ích trong việc lựa chọn mô hình/chiến lược phát triển công nghiệp hay nông nghiệp của nhiều địa phương. Điều này cần phải được nghiên cứu một cách thấu đáo trong việc xây dựng nền tảng lý luận mang tính thực tiễn. Đây là vấn đề hệ trọng để đưa ra chính sách phát triển địa phương, đặc biệt cho việc phát triển du lịch nông nghiệp truyền thống theo hướng bền vững gắn với sinh kế của người dân.

2) Vấn đề quy hoạch, bảo tồn các làng nghề truyền thống nông nghiệp gắn với du lịch nông nghiệp là một việc khó khăn đòi hỏi tầm nhìn lâu dài. Điều này cần một quyết sách rất mạnh mẽ từ các cấp lãnh đạo vì liên quan trực tiếp tới chiến lược phát triển kinh tế hàng hóa và cộng đồng cư dân nông nghiệp (nông hộ, trang trại, các trung tâm khuyến nông-lâm-ngư nghiệp, các hợp tác xã).

3) Vấn đề xây dựng bộ tiêu chuẩn hóa về sản phẩm du lịch nông nghiệp bắt đầu từ tên gọi và nội dung hoạt động chuẩn xác là du lich nông nghiệp để từ đó không lúng túng trong quản lý và quảng bá sản phẩm.

4) Vấn đề kinh phí đào tạo kỹ năng tiếp đón du khách và tiếp thị các sản vật cho các nông hộ vì hàng ngày họ vẫn phải trực tiếp sản xuất nên sẽ gặp rất nhiều khó khăn nếu không có sự trợ giúp trên.

5) Vấn đề truyền thông, quảng bá, xúc tiến của địa phương, của quốc gia đối với việc phát triển du lịch nông nghiệp gắn với chương trình nông thôn mới theo hướng bền vững. Điều này đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên để cân bằng giữa bảo tồn, giữ gìn và phát triển.

8. Một số khuyến nghị phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội

Những năm gần đây, tăng trưởng xanh là xu hướng phát triển mang tính tất yếu được nhiều quốc gia quan tâm. Tăng trưởng xanh được hiểu là mô hình tăng trưởng nhằm biến những hạn chế về nguồn lực và ảnh hưởng của thảm họa thiên nhiên thành những cơ hội kinh tế giúp nâng cao tăng trưởng và giảm tác động xấu tới môi trường thông qua sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên và tăng đầu tư vào vốn tự nhiên. Rất nhiều quốc gia định hướng sử dụng mô hình tăng trưởng xanh để đồng thời đạt các mục tiêu về tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và đặc biệt là bảo vệ môi trường, thích ứng với điều kiện của biến đổi khí hậu.

Đại dịch COVID-19 và sự biến đổi khí hậu nhanh chóng đã gây ra nhiều ảnh hưởng xấu đến thế giới trên nhiều lĩnh vực và tác động nặng nề đến lĩnh vực du lịch. Đây cũng là cơ hội để thế giới đánh giá lại mô hình tăng trưởng gắn với xu thế tăng trưởng xanh, phát triển bền vững đang trở thành mục tiêu của nhiều quốc gia đang hướng tới. Hành vi tiêu dùng của du khách trong đại dịch COVID-19 và thời gian tới đang có những thay đổi, quan tâm hơn đến vấn đề an toàn, sức khoẻ và sản phẩm du lịch xanh, thân thiện môi trường. Cùng với đó, nhu cầu hướng nội, hướng tới những chương trình du lịch sinh thái có sự tham gia của cộng đồng đã và đang được nhiều du khách ưa chuộng. Ngày nay, du khách thường chọn những khu vực có tiềm năng đặc sắc về thiên nhiên và văn hóa, trải nghiệm du lịch tới những bản làng xa xôi, nơi có đông đồng bào dân tộc sinh sống, gắn với cảnh quan hoang sơ, những phong tục tập quán lâu đời được lưu truyền, chưa mai một trong cuộc sống hiện đại.

Phát triển du lịch nông nghiệp được xác định là một giải pháp động lực thúc đẩy xây dựng nông thôn mới bền vững, đồng thời nông thôn mới là nền tảng hỗ trợ cho sự phát triển đa dạng, chất lượng, ổn định của điểm đến du lịch. Phát triển du lịch nông nghiệp hiệu quả sẽ góp phần thực hiện đồng thời hai mục tiêu là phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và đạt mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới bền vững. *Trước bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng đe dọa trực tiếp đến sinh kế của người dân, định hướng phát triển kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh đang được nhiều quốc gia áp dụng. Trong đó, việc phát triển du lịch*

nông nghiệp, nông thôn theo xu hướng này cũng không phải là ngoại lệ. Phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo xu hướng tăng trưởng xanh sẽ giúp cho người dân đảm bảo cuộc sống gắn với sinh kế vốn có trên chính vùng đất của họ, nền kinh tế sẽ phát triển có tính ổn định và bền vững. Đây có thể xem là định hướng giải quyết được bài toán phát triển kinh tế phù hợp với thực tế thích ứng với biến đổi khí hậu đối với Việt Nam.

Hiện cả nước có khá nhiều mô hình phát triển du lịch nông nghiệp. Tuy nhiên, du lịch nông nghiệp vẫn còn một số hạn chế, bất cập, như chưa có tầm nhìn dài hạn, hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu, nhiều nơi phát triển mang tính tự phát, nhỏ lẻ, manh mún; sản phẩm trùng lắp, phần lớn sản phẩm nông nghiệp mới chỉ đáp ứng nhu cầu tham quan, ăn uống, trải nghiệm của du khách ở mức đơn giản, chưa tận dụng được hết lợi thế để thu hút khách, cũng như tăng khả năng chi tiêu từ khách qua khai thác các dịch vụ bổ trợ; vấn đề tiếp thị, quảng cáo sản phẩm nông nghiệp chưa được chú trọng; nhiều nông hộ chủ yếu chú ý việc tạo ra sản phẩm, ít quan tâm đến vấn đề tiếp cận thị trường, cũng như kỹ năng phục vụ du lịch nông nghiệp; nguồn nhân lực còn thiếu và yếu… Đặc biệt, việc liên kết phát triển du lịch nông nghiệp giữa các địa phương trong tỉnh và giữa các tỉnh còn hạn chế.

Từ những kết quả bước đầu và những khó khăn, bất cập, nhiều chuyên gia cho rằng, để du lịch nông nghiệp phát triển cần phải đánh giá đúng tầm quan trọng của việc phát triển du lịch nông nghiệp, từ đó có các chính sách phát triển hợp lý, dài hạn đối với loại hình du lịch này. Có quy hoạch để phát triển các cơ sở du lịch nông nghiệp bảo đảm sự đa dạng về loại hình, đồng thời cũng sẽ giúp cho công tác quản lý tốt hơn. Cùng với đó, xây dựng được mô hình và sản phẩm du lịch đặc thù, gắn với những tiềm năng, lợi thế tự nhiên, cũng như nét đặc sắc, riêng có về văn hóa, con người của từng địa phương, từng vùng miền, không để trùng lắp gây nhàm chán; phát huy vai trò chủ thể của các chủ trang trại, doanh nghiệp, hộ nông dân trong tổ chức thực hiện mô hình du lịch nông nghiệp; có chính sách xúc tiến, quảng bá du lịch nông nghiệp hiệu quả; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ phục vụ du lịch…

Để phát triển du lịch nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững, chúng tôi xin đề xuất một số khuyến nghị sau:

1) Cần tổ chức rà soát quy hoạch, xác định rõ thế mạnh để phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù, hấp dẫn riêng của từng địa phương. Trong đó, quy hoạch phát triển du lịch nông nghiệp phải gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng bản đồ du lịch nông nghiệp trong đó chỉ ra các khu vực có khả năng phát triển sản phẩm nông thôn đặc trưng trên cơ sở liên kết hình thành tuyến du lịch. Ngành du lịch và nông nghiệp cần phối hợp điều tra, khảo sát hoạt động du lịch

nông nghiệp tại địa phương để đánh giá toàn diện thực trạng phát triển cũng như khuyến nghị mô hình phát triển du lịch nông nghiệp phù hợp và các chính sách hỗ trợ tương xứng...

2) Cần đẩy mạnh tính liên kết vùng để phát triển các sản phẩm du lịch nông nghiệp đặc trưng. Việc xác định các sản phẩm chủ đạo, đặc trưng, có tính khác biệt, điểm nhấn của mỗi địa phương là điều hết sức quan trọng. Để phát huy thế mạnh của vùng, cần có sự điều phối chung của vùng trong việc nghiên cứu sản phẩm và khai thác thị trường.

3) Thực hiện một số chính sách nhằm thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân để phát triển du lịch nông nghiệp của từng vùng đặc biệt là các sản phẩm du lịch chất lượng cao, khai thác đồng thời giá trị nông nghiệp và phát triển du lịch; sử dụng lao động là người địa phương; các hoạt động du lịch có tính chất cộng đồng; các dự án sản xuất hàng hóa và dịch vụ của khu vực nông thôn vào tiêu dùng du lịch.

4) Phát triển nguồn nhân lực cho phát triển du lịch nông nghiệp. Cán bộ ngành du lịch, đặc biệt là cấp cơ sở cần được nâng cao trình độ, kỹ năng, nhất là năng lực trong tham mưu xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù, được tiếp cận tri thức, công nghệ mới trong xúc tiến, quảng bá, truyền thông. Đối với các hộ dân làm du lịch cộng đồng, cần bổ sung vốn kiến thức về văn hóa bản địa, tăng cường đào tạo cung cách, kỹ năng phục vụ du lịch...

5) Cần đổi mới và xây dựng kế hoạch hoàn chỉnh cho quảng bá cho du lịch nông nghiệp trên cơ sở giá trị đặc trưng, nổi bật của từng địa phương gắn với nhu cầu thị trường. Sản phẩm du lịch nông nghiệp phải gắn với các sản vật được sản xuất tại địa phương, gắn với chương trình "*Mỗi xã, phường một sản phẩm*" (OCOP) mang thương hiệu của địa phương. Tăng cường các hoạt động liên kết để xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm có tính cạnh tranh với thế mạnh nông nghiệp. Các doanh nghiệp lữ hành cần phối hợp các địa phương có điểm đến để nghiên cứu thị trường, định hướng nhu cầu, thúc đẩy đầu tư, phát triển sản phẩm, tiếp thị, quảng bá thu hút khách…

6) Chú trọng công tác điều phối và quản lý điểm đến nhằm phát triển du lịch nông nghiệp bền vững. Quản lý chất lượng dịch vụ lồng ghép những yếu tố về bảo tồn văn hóa và cam kết bảo đảm chất lượng dịch vụ giữa các nhà cung ứng dịch vụ với các doanh nghiệp lữ hành. Xây dựng tiêu chí đánh giá và hỗ trợ hình thành các mô hình trang trại du lịch kiểu mẫu (*Farmstay*) trên cơ sở xây dựng chuỗi giá trị nông nghiệp - du lịch.

7) Cần xây dựng kế hoạch và triển khai chương trình hỗ trợ đưa sản phẩm OCOP vào tiêu dùng du lịch. Sản phẩm nông nghiệp phải được hướng dẫn sản xuất và công nhận tiêu chuẩn chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ; công nghệ chế biến; mẫu mã, bao bì đẹp được kiểm định và đảm bảo. Nghiên cứu nhu cầu thị trường,

đẩy mạnh tiêu dùng du lịch thông qua các sản phẩm dược liệu, thực phẩm chức năng, chăm sóc sức khỏe; hàng tiêu dùng đặc sản địa phương làm quà tặng, đồ lưu niệm...

9. Thay cho lời kết

Du lịch nông nghiệp là lĩnh vực khá mới ở nước ta, do đó thành phố Hà Nội phải xây dựng tầm nhìn, chiến lược để có lộ trình thực hiện; trên cơ sở biến động các mặt của thế giới, của Việt Nam để có điều chỉnh phù hợp. Vì nhu cầu của người dân tham gia du lịch cũng thay đổi nhanh. Từ đó, xây dựng những chính sách, động lực để tạo ra sự năng động của các mô hình du lịch. Với xu thế ngày nay, dứt khoát phải là du lịch xanh, du lịch sạch, du lịch có trách nhiệm bảo vệ môi trường sinh thái.

Có thể khẳng định, du lịch nông nghiệp, nông thôn là lĩnh vực có tiềm năng phát triển rất lớn, phù hợp với điều kiện, định hướng phát triển kinh tế của nhiều địa phương, vùng miền và định hướng phát triển kinh tế của đất nước. Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả du lịch gắn với nông nghiệp bền vững, các cấp, các ngành và địa phương cần sớm xây dựng chiến lược phát triển du lịch nông nghiệp phù hợp với mô hình "*tăng trưởng xanh*", gắn với đặc thù, khả năng của từng địa phương. Vấn đề là cần có cơ chế chính sách cụ thể từ phía chính quyền để khơi dậy sức dân, để phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng phát triển bền vững của du lịch Hà Nội.

Theo các chuyên gia, việc phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội là phù hợp với xu thế thời đại, đáp ứng nhu cầu khám phá, trải nghiệm, thưởng thức của đông đảo du khách. Tuy nhiên, muốn du lịch nông nghiệp, nông thôn phát triển cần giữ nguyên gốc, nguyên sơ, chất phác chân thực của văn hoá bản địa, đó là giá trị cốt lõi của cộng đồng, không để đánh mất nó. Phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn phải có trách nhiệm với chính cộng đồng đó để phát triển kinh tế địa phương, tôn trọng những giá trị văn hóa bản địa. Chỉ khi nào người nông dân thực sự được hưởng lợi từ sự phát triển từ chính hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa phương, lúc đó du lịch nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững, góp phần tích cực vào việc xóa đói giảm nghèo của người nông dân./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

2. Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
3. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 17/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.
4. Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.
5. Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/6/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về "Phát triển du lịch Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo".
6. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
7. Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
8. Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020.
9. Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.
10. Thông báo số 19/TB-VPCP ngày 11/01/2019 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Hội thảo toàn quốc "Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới".
11. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2012), Đề án "Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn 2050".
12. Tổng cục Du lịch (2011), Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 2011-2020, Hà Nội.
13. Viện Nghiên cứu phát triển du lịch (2017), Báo cáo tổng hợp Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.
14. Viện Nghiên cứu Phát triển du lịch (2021), Đề án Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
15. Lê Huy Bá (Chủ biên), Thái Lê Nguyên (2006). Du lịch sinh thái. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
16. Phạm Thị Hồng Cúc - Ngô Thanh Loan (2016), Du lịch cộng đồng góp phần xóa đói giảm nghèo tại Việt Nam, Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, 2016.
17. Nguyễn Văn Lưu (2020), Báo cáo tư vấn, định hướng phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh ở Việt Nam.

18. Phạm Trung Lương (Chủ biên), Hoàng Hoa Quân, Nguyễn Ngọc Khánh, Nguyễn Văn Lanh, Đỗ Quốc Thông (2002). Du lịch sinh thái - Những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam. Nxb Giáo dục.

19. Hà Hữu Nga (2009), Phát triển bền vững và tương lai của khu vực dịch vụ, Tư liệu Viện Phát triển bền vững vùng Bắc Bộ. Hà Nội.

20. Bùi Quang Tuấn (2011), Khai thác và sử dụng năng lượng xanh Việt Nam, Hội thảo khoa học quốc tế "Chiến lược tăng trưởng xanh của Hàn Quốc và những gợi ý cho Việt Nam", Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Hà Nội.

21. Đoàn Thị Hồng Vân và Kim Ngọc Tuấn (2020), "Liên kết phát triển mô hình du lịch nông nghiệp giúp du lịch vùng Đông Nam Bộ cất cánh hậu covid", Kỷ yếu Hội thảo Khoa học cấp Quốc gia: Liên kết để phát triển du lịch sinh thái vùng Đông Nam Bộ: tiềm năng và những vấn đề đặt ra,

22. Châu Phương Uyên (2018), "Phát triển du lịch ở đồng bằng sông Cửu Long", Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô.

23. Claudio, L., Vincenzo, G., Luigi, M., Agostino, G., Alfonso, S (2017), "Exploring the features of agritourism and its contribution to rural development in Italy", Land Use Policy, Volume 64.

24. Corinne, V.,Carla, B (2014), "Agritourism as a sustainable adaptation strategy to climate change in the andean Altiplano", Tourism Management Perspectives, Volume 11.

25. Curtis E. Beus (2008), Agritourism: Cultivating tourist on the farm – Small Farm team, Washington State University.

26. Damir, D., Robert, B (2011), "Agritourism development in Croatia", Studies in physical culture and tourism, Vol. 18, No. 4.

27. Duncan Hilchey (1993), Agritourism in New York State Opportunities and challenges in farm - based recreation and hospitality Farming Alternatives program. Department of Rural Sociolagy, Cornell University.

28. Lee Seong-Woo (2012), "Du lịch nông nghiệp - Chiến lược phát triển nông thôn ở Hàn Quốc", Đại học Quốc gia Seoul.

29. MacDonald, R., and Jolliffe, L., (2003), Cultural rural tourism evidence from Canada. Annals of Tourism Research, 30 (2): 307–322.

30. Rátz, T, L. Puczkó (1998), Rural Tourism and Sustainable Development in Hungary; In: D. Hall - L. O'Hanlon eds.: "Rural Tourism Management: Sustainable Options" International Conference, Conference Proceedings; Scottish Agricultural College, Auchincruive, Ayr, Scotland, UK, pp.450-464.

31. Rattanasuwongchai, N. (2000), Rural Tourism-the impact on rural communities II. Thailand.

32. https://vusta.vn/tim-hieu-ve-nong-nghiep-do-thi-va-de-xuat-mot-so-giai-phap-phat-trien-nong-nghiep-do-thi-binh-duong-p69941.html. VUSTA (2012), Tìm hiểu về nông nghiệp đô thị và đề xuất một số giải pháp phát triển nông nghiệp đô thị Bình Dương.

33. http://www.itdr.org.vn/vi/nghiencuu-traodoi/831, Võ Quế, Xóa đói giảm nghèo thông qua phát triển du lịch dựa vào cộng đồng, Cập nhật: 09:25, Thứ sáu, 15/8/2014.

34. https://vov.vn/du-lich/, Diệu Linh, Du lịch cộng đồng - hướng phát triển bền vững, Cập nhật: 15:07, Thứ năm, 25/09/2014.

35. http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/18991, Du lịch cộng đồng: Xu hướng phát triển du lịch bền vững, Cập nhật: 08:35:49, Thứ ba, 06/10/2015.

36. http://dangcongsan.vn/453861.html, Quang Minh, Phát triển du lịch cộng đồng để thoát nghèo, Cập nhật: 18:11 15/09/2017.

37. https://www.sggp.org.vn/du-lich-nong-nghiep-tphcm-tiem-nang-lon-cho-khai-pha-727223.html. Gia Hân (2021), Du lịch nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh: tiềm năng lớn chờ khai phá.

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG VỀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DU LỊCH CỘNG ĐỒNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

TS. Đào Đức Huấn

Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương

Ngày 02/8/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 922/QĐ-TTg ban hành Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Đây là một trong 6 Chương trình chuyên đề thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

I. BỐI CẢNH

a) Khu vực nông thôn Việt Nam sở hữu nguồn tài nguyên đa dạng và có nhiều dư địa để phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn. Phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn góp phần tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống khu vực nông thôn. Đồng thời, phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn bó mật thiết với hoạt động sản xuất nông nghiệp *(vừa phát huy hoạt động sản xuất nông nghiệp như sản phẩm du lịch vừa góp phần tiêu thụ và gia tăng giá trị hàng nông sản)* và phát triển kinh tế nông thôn. Tuy nhiên, thực trạng phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, chủ yếu mang tính tự phát, quy mô nhỏ và chưa tương xứng với tiềm năng. Trong thời gian qua, đã có nhiều chính sách và giải pháp phát triển ngành du lịch được ban hành và triển khai thực hiện. Tuy nhiên, chưa có chính sách tổng thể cho phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn ở cấp quốc gia; chủ yếu là lồng ghép vào các chương trình phát triển và các chính sách đặc thù của từng địa phương.

b) Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đã xác định định hướng đa dạng hóa chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với lợi thế vùng miền, hoàn cảnh và cơ hội phát triển của địa phương. Một trong những định hướng quan trọng đó là *"phát triển sản phẩm đặc sản địa phương, làng nghề; phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch nông thôn trên cơ sở bảo tồn và phát huy văn hóa địa phương"*. Bên cạnh đó, thực hiện Chiến lược Phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030[1], Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lồng ghép các nội dung phát triển du lịch vào Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn

[1] Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ

mới; xây dựng các sản phẩm nông nghiệp, các mô hình phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao gắn với phát triển du lịch;...

Do đó, phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn là một hướng đi mới, giải pháp quan trọng nhằm phát triển kinh tế nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, góp phần phát huy lợi thế, giá trị khác biệt của nông nghiệp, nông thôn và nông dân; đồng thời theo đúng định hướng chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông thôn theo hướng tích hợp đa ngành, đa giá trị.

Phát triển du lịch nông thôn được xác định là một trong những giải pháp căn cơ, động lực thúc đẩy xây dựng nông thôn mới bền vững; đồng thời nông thôn mới là nền tảng hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển đa dạng, bền vững của du lịch nông thôn.

c) Sau hơn 4 năm triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai hiệu quả Chương trình, trong đó có nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch. Đến nay, cả nước đã có gần 80 sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng được công nhận là sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên. Thực tế cho thấy, phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP là một hướng đi hiệu quả cho phát triển du lịch nông thôn, đặc biệt là Bộ tiêu chí về Dịch vụ du lịch cộng đồng và Điểm du lịch đã có nhiều định hướng gắn với xây dựng nông thôn mới như: cơ sở hạ tầng, môi trường, văn hóa, tổ chức cộng đồng…

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Về quan điểm triển khai Chương trình

- Phát triển du lịch nông thôn là một trong những giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, trên cơ sở thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông thôn, góp phần hỗ trợ các địa phương thực hiện hiệu quả, bền vững các tiêu chí nông thôn mới.

- Phát triển du lịch nông thôn theo hướng ***bền vững, bao trùm và đa giá trị***, phù hợp với nhu cầu thị trường trên cơ sở sử dụng hiệu quả, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, làng nghề, các hoạt động nông nghiệp và môi trường sinh thái đặc trưng vùng miền, gắn với chuyển đổi số và đổi mới, sáng tạo.

- Phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng; thúc đẩy sự tham gia tích cực và chủ động của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế khác vào phát triển kinh tế du lịch nông thôn thông qua các hình thức liên kết chuỗi giá trị du lịch hiệu quả.

2. Mục tiêu đến năm 2025

Mục tiêu tổng quát của Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới là đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, làng nghề, văn hóa và môi trường sinh thái của các địa phương, nhằm nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích hợp đa giá trị, bao trùm và phát triển bền vững.

Theo đó, đến năm 2025, Chương trình sẽ đạt các mục tiêu cụ thể sau:

a) Phát triển, chuẩn hoá các điểm đến và sản phẩm du lịch nông thôn; mỗi tỉnh, thành phố phấn đấu có ít nhất 01 điểm du lịch nông thôn được công nhận gắn với lợi thế về nông nghiệp, văn hóa, làng nghề hoặc môi trường sinh thái của địa phương; 50% cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch nông thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

b) Đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với quá trình chuyển đổi số; ít nhất 50% điểm du lịch nông thôn được công nhận được số hóa và kết nối trên trang quảng bá, xúc tiến du lịch bằng công nghệ số.

c) Phấn đấu 100% điểm du lịch nông thôn được giới thiệu, quảng bá; 50% điểm du lịch nông thôn ứng dụng các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch.

d) Phấn đấu mỗi huyện nông thôn mới có tiềm năng du lịch xây dựng ít nhất 01 mô hình chuỗi liên kết du lịch nông nghiệp nông thôn đặc thù.

đ) Ít nhất 70% chủ cơ sở du lịch nông thôn được đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ quản lý du lịch; 80% lao động du lịch nông thôn được bồi dưỡng, tập huấn và nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ khách du lịch, trong đó ít nhất 50% là lao động nữ; mỗi điểm du lịch có ít nhất 01 nhân viên thành thạo ngoại ngữ.

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ số các điểm du lịch nông thôn trên toàn quốc.

3. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm triển khai Chương trình

a) Nâng cấp, đầu tư phát triển điểm du lịch nông thôn gắn với việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

- Định hướng, bố trí và tổ chức không gian lãnh thổ các khu du lịch, điểm du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương.

- Thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái; tiết kiệm đầu tư thông qua việc sử dụng các nguyên liệu tại chỗ, thân thiện với môi trường.

- Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ (giao thông, hệ thống điện và nước sạch, hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe, nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, hệ thống chỉ dẫn, chỉ báo, hạ tầng số và kết nối viễn thông, thu gom và xử lý rác thải, nước thải…) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền.

- Bố trí và xây dựng các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm,… đạt chất lượng phục vụ khách du lịch.

- Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động và quản lý các điểm đến (quản lý khách du lịch, quản lý lưu trú, quản lý kinh doanh du lịch; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường du lịch nông thôn,…).

- Xây dựng và phát triển các hạ tầng dịch vụ (điểm dừng nghỉ, điểm trưng bày sản phẩm đặc sản nông thôn, ăn uống, giải khát, vệ sinh…) dọc theo các tuyến đường giao thông gắn với các điểm du lịch với khoảng cách hợp lý.

b) Phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

- Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng du khách (theo khách quốc tế, nội địa; theo độ tuổi,…). Đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao và bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch.

- Hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở lưu trú và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường.

- Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao,…; phát triển các nghệ nhân; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống… để phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế; bảo tồn và phát huy các không gian văn hóa, di tích văn hoá, lịch sử, cách mạng.

- Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống… gắn với du lịch nông thôn.

c) Phát triển nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng

- Nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở về quản lý và phát triển hoạt động du lịch nông thôn.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường nâng cao năng lực nghiệp vụ, kỹ năng nghề và kỹ năng mềm, kiến thức làm du lịch cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch nông thôn, xây dựng văn hóa du lịch chuyên nghiệp, thân thiện, an toàn và văn minh.

- Chuyên nghiệp hóa việc cung cấp, kiểm tra, kiểm soát dịch vụ du lịch có chất lượng và công tác quản lý điểm du lịch nông thôn.

d) Truyền thông, xúc tiến quảng bá du lịch nông thôn

- Xây dựng, triển khai các chương trình xúc tiến quảng bá, hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn dựa trên lợi thế của hoạt động sản xuất nông nghiệp, đặc trưng văn hóa, sinh thái của các địa phương; xây dựng, phát triển và định vị thương hiệu điểm đến du lịch nông thôn.

- Tăng cường nghiên cứu, xây dựng các công cụ, phương thức, nội dung xúc tiến quảng bá du lịch nông thôn phù hợp với các loại hình du lịch và các đối tượng du khách; ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện cho xúc tiến quảng bá các điểm du lịch nông thôn, sản phẩm du lịch nông thôn, tiếp cận các thị trường du lịch, kết nối với khách hàng mục tiêu.

- Tập trung hỗ trợ, tăng cường liên kết trong hoạt động kinh doanh du lịch giữa các xã, huyện nông thôn mới có tiềm năng phát triển du lịch với các công ty lữ hành để chào bán các sản phẩm du lịch nông thôn cho khách du lịch nội địa và quốc tế.

đ) Xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm về phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững

Xây dựng thí điểm một số mô hình phát triển du lịch nông thôn theo các loại hình: du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch làng nghề, du lịch làng thông minh, du lịch không phát thải. Ưu tiên các mô hình có sản phẩm du lịch đặc sắc cho từng vùng miền và có hiệu quả kinh tế; hướng tới việc nâng cao ý thức và trách nhiệm của mọi tác nhân trong chuỗi giá trị du lịch (nhà quản lý, doanh nghiệp lữ hành, cộng đồng và du khách,…) trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và bảo vệ môi trường; sử dụng nguyên liệu và lao động tại chỗ; có áp dụng các giải pháp về chuyển đổi số; huy động sự tham gia của phụ nữ, người nghèo, người dân tộc thiểu số, người yếu thế để nâng cao đời sống, thu nhập cho người dân.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRAO ĐỔI VỀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DU LỊCH CỘNG ĐỒNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Định hướng theo bộ tiêu chí sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch

Một trong những yêu cầu về tiêu chí đánh giá về mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn trong xây dựng nông thôn mới là gắn với bộ tiêu chí OCOP về nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch, theo đó cần lưu ý về các yêu cầu nội dung về: kiến trúc, cảnh quan môi trường gắn với xây dựng nông thôn mới; tổ chức cộng đồng quản lý dịch vụ du lịch nông nghiệp nông thôn; phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch dựa trên lợi thế, đặc trưng của địa phương theo hướng liên kết vùng và chuỗi giá trị; chất lượng dịch vụ du lịch.

Các tiêu chí đánh giá, phân hạng được xếp thành 3 nhóm lớn với các tiêu chí rất cụ thể: (1) Về sản phẩm và sức mạnh cộng đồng; (2) Về khả năng tiếp thị; (3) Về chất lượng sản phẩm. Việc đánh giá này là cơ sở để các địa phương triển khai các giải pháp phát triển DLCĐ nông nghiệp, nông thôn, chuẩn hóa các sản phẩm để có thể tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP trong thời gian tới. Một số tiêu chí cụ thể bao gồm:

(1) Về sản phẩm và sức mạnh cộng đồng

Tổ chức dịch vụ cộng đồng: Bộ phận điều phối quản lý và điều hành dịch vụ, Cơ chế quản lý/quy định, Bảo vệ môi trường trong cộng đồng làm du lịch/điểm du lịch, Sử dụng năng lượng tiết kiệm.

Phát triển sản phẩm: Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm dịch vụ du lịch, Tổ chức dịch vụ theo thị trường mục tiêu.

Sức mạnh cộng đồng: Loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh, Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý, điều hành, Sử dụng lao động địa phương, Tăng trưởng sản xuất kinh doanh, Kế toán.

(2) Về khả năng tiếp thị và Câu chuyện sản phẩm

Tiếp thị: Liên kết chuỗi giá trị trong quảng bá sản phẩm, Liên kết vùng và chuỗi giá trị trong sản phẩm, Tổ chức quảng bá, bán hàng, Quảng bá sản phẩm, Bộ nhận diện quảng bá sản phẩm

Câu chuyện sản phẩm: Câu chuyện về sản phẩm, Trình bày câu chuyện sản phẩm, Sản phẩm dịch vụ du lịch trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới.

(3) Về chất lượng sản phẩm

Vị trí, Kiến trúc và cảnh quan môi trường, Bảo vệ, bảo tồn các di sản văn hóa, thiên nhiên, đa dạng sinh học liên quan đến sản phẩm dịch vụ du lịch, Chất lượng về điều kiện kinh doanh dịch vụ, Chất lượng an toàn và an ninh trật tự, Tính hoàn thiện của quá trình dịch vụ, Hoạt động trải nghiệm, Quản lý và nhân viên, Chất lượng sản phẩm dịch vụ du lịch, Chất lượng phục vụ, Tiện nghi, Hoạt động

thu hút khách du lịch, Hàng hóa dịch vụ (ăn uống, đồ lưu niệm, ...).

2. Vấn đề phát triển xanh và bền vững trong phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

Bối cảnh, yêu cầu và mục đích của Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới đó là hướng đến phát triển các mô hình du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch làng nghề, du lịch làng thông minh, du lịch không phát thải. Ưu tiên các mô hình gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và bảo vệ môi trường; sử dụng nguyên liệu và lao động tại chỗ; huy động sự tham gia của phụ nữ, người nghèo, người dân tộc thiểu số, người yếu thế để nâng cao đời sống, thu nhập cho người dân.

Trên góc nhìn tổng thể, du lịch nông nghiệp, nông thôn trong xây dựng nông thôn mới sẽ tác động và bao hàm các ý nghĩa về phát triển bền vững, trong đó gồm 5 tiếp cận cụ thể:

- Phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, tri thức bản địa.

- Phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập của người dân nông thôn.

- Phát huy vai trò cộng đồng trong phát triển nông thôn.

- Xây dựng và bảo vệ cảnh quan, môi trường và xây dựng nông thôn mới bền vững.

Sơ đồ: Vai trò của du lịch nông nghiệp, nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

Dù nhìn nhận trên góc độ kỹ thuật, nghiệp vụ về du lịch (chất lượng lịch vụ) hay khía cạnh tác động đến kinh tế - xã hội và môi trường, thì phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn đều phải hướng đến các giá trị ở khu vực nông thôn. Trong đó, các tiêu chí cần gắn với những đóng góp về mặt kinh tế, xã hội, môi trường để đo đếm, đánh giá và phục vụ công tác quản lý và xây dựng các chính sách hỗ trợ./.

CHIA SẺ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI & CỘNG ĐỒNG GẮN LIỀN VỚI NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ BỀN VỮNG NGHIÊN CỨU MÔ HÌNH TẠI THÔN K'LU, HUYỆN ĐẮCKRÔNG TỈNH QUẢNG TRỊ

TS Võ Quế
Trưởng khoa Du lịch – Đại học Công nghệ Đông Á
ThS. Bùi Thị Trang
Học viện Phụ nữ Việt Nam

1.1. TỔNG QUAN

1.1.1. Xuất xứ xây dựng mô hình phát triển du lịch gắn liền với phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh & bền vững.

Mô hình được nghiên cứu và xây dựng bởi tài trợ của Dự án Phát triển Du lịch Bền vững Tiểu vùng sông Mê Kông Mở rộng (GMS/STDP) vay vốn ADB cho một số tỉnh trong đó có Quảng trị. Mục tiêu của dự án là nhằm góp phần tăng trưởng xanh & phát triển bền vững tại các khu vực nông nghiệp, nông thôn có tiềm năng tài nguyên du lịch gắn liền với cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế, tạo việc làm, quảng bá và bảo tồn các di sản thiên nhiên gắn liền với nông nghiệp, nông nghiệp và văn hóa.

Phát triển mô hình nhằm khai thác phát triển các hành lang du lịch xuyên quốc gia trong tiểu vùng Mêkông mở rộng, đoạn hành lang sông Đắckrông (đường 9) trên đường cao tốc xuyên Á chạy dọc theo hành lang sông Đắckrông đến cửa khẩu quốc tế Lao Bảo sang tỉnh Sa-va-na-khẹt của Lào và Mục-đa-hản của Thái Lan đã được chọn là một điểm tiểu dự án tại tỉnh Quảng Trị, thuộc hợp phần 3 của dự án. Tại tỉnh Quảng trị, việc phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái dựa vào thiên nhiên và văn hóa dân tộc tại thôn K'lu và xây dựng trung tâm thông tin du lịch tại cửa khẩu quốc tế Lao Bảo được đặc biệt chú trọng.

Qua việc thực hiện thành công các hoạt động phát triển du lịch bền vững đã được đề xuất, dự án GMS đặt mục tiêu đạt được những kết quả đầu ra tại hành lang Đông – Tây[2] như sau:

[2] Tài liệu ADB/RRP

1.1.2. Mục tiêu phát triển du lịch gắn liền với nông nghiệp và cộng đồng

I. Mở ra các cơ hội kinh doanh cho người dân nông nghiệp, cộng đồng địa phương cư trú dọc đường 9 (hành lang sông Đắckrông)
II. Kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch khi đến thăm quan khu vực.
III. Tạo việc làm, đặc biệt cho phụ nữ và đồng bào dân tộc thiểu số.
IV. Bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên tại hành lang Đông-Tây (đường 9) bằng việc thiết lập các hệ thống quản lý và cơ sở hạ tầng phù hợp.
V. Thúc đẩy sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân.
VI. Xây dựng các tài liệu thuyết minh và hiện vật trưng bày nhằm gia tăng giá trị, hiểu biết và trân trọng.

1.2. VÁI TRÒ, VỊ TRÍ CỦA THÔN K'LU ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH SINH THÁI NÔNG NGHIỆP

Thôn K'lu thực sự thiếu các điểm du lịch hấp dẫn và độc đáo thu hút khách du lịch. Triển vọng phát triển du lịch của thôn K'lu có thể thấy thông qua tiềm năng phát triển du lịch mở rộng của hành lang sông Đắckrông (hành lang kinh tế Đông – Tây) bao gồm thị trấn Đắckrông, Rào Quán, thôn K'lu, cầu Đắckrông, căn cứ Khe Sanh và cửa khẩu quốc tế Lao Bảo. Thôn K'lu có vị trí chiến lược nằm tại điểm giao cắt giữa đường cao tốc Xuyên Á và đường Hồ Chí Minh, tạo nên triển vọng phát triển du lịch vô cùng to lớn cho thôn. Những điểm du lịch chính trong thôn bao gồm thôn K'lu, suối nước nóng K'lu, cầu Đắckrông, rừng K'lu và khu di tích chiến tranh (như căn cứ Khe Sanh). Các gói du lịch tiềm năng có thể khai thác tại thôn gồm trải nghiệm các hoạt động văn hóa dân tộc tại thôn K'lu, tắm suối mát và suối nước nóng K'lu, gói du lịch sinh thái xuyên rừng K'lu; các hoạt động du lịch trên sông Đắckrông và thăm quan ngắm cảnh các khu di tích lịch sử chiến tranh và khu DMZ.

1.3. CÁC VẤN ĐỀ QUAN TÂM ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH NÔNG NGHIỆP, SINH THÁI & CỘNG ĐỒNG TẠI THÔN K'LU, HUYỆN ĐắCKRÔNG

Những vấn đề quan tâm chính trong quá trình phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp, sinh thái&cộng đồng tại thôn K'lu, h. Đắckrông được trình bày trong **Bảng 1**.

Bảng-1: Các vấn đề quan tâm chính trong quá trình phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp, sinh thái&cộng đồng tại thôn K'lu

Lĩnh vực phát triển	Vấn đề	Giải pháp
Những thách thức khi thu hút khách du lịch đến thôn K'lu (điểm đến du lịch còn mới mẻ)	Thiếu các điểm du lịch hấp dẫn và nét độc đáo (USPs) mặc dù thôn có vị trí chiến lược và suối nước nóng tự nhiên	Khi quảng bá du lịch suối nước nóng và giá trị văn hóa của thôn K'lu cần kết hợp với các điểm di tích lịch sử chiến tranh tại khu vực DMZ.
	Khu vực hầu như chưa có khách du lịch đến tham quan	Đòi hỏi phải xúc tiến và quảng bá một cách hiệu quả

Lĩnh vực phát triển	Vấn đề	Giải pháp
		thông qua các khu vực như cửa khẩu Lao Bảo, thành phố Đông Hà, Huế và Phong Nha Kẻ Bàng.
Cơ sở hạ tầng yếu kém và năng lực vận chuyển còn hạn chế (không gian vật lý)	Việc tiếp cận khu vực còn hạn chế, điều kiện ăn ở, vệ sinh còn lạc hậu và không gian hạ tầng chật hẹp	Phát triển hạ tầng du lịch theo các giai đoạn. Giai đoạn đầu là nhà nghỉ cộng đồng, giai đoạn sau phát triển nhà nghỉ cộng đồng của tư nhân.
	Phá rừng khai hoang và đốt rừng làm nương rẫy	Giới thiệu hệ thống canh tác và trồng trọt thân thiện với du lịch (cây ăn quả, café, các loại rau)
Việc tiếp xúc còn hạn chế và năng lực yếu kém của cộng đồng địa phương đối với việc phát triển du lịch	Trình độ dân trí thấp và kỹ năng giao tiếp kém	Tổ chức thêm nhiều chuyến thăm quan thực tế và các khóa đào tạo
	Điều kiện vệ sinh chung và vệ sinh cá nhân còn yếu kém	Hỗ trợ đào tạo và cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao điều kiện vệ sinh, hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh cho các hộ gia đình riêng lẻ
	Tiếp xúc với các doanh nghiệp du lịch còn hạn chế	Đào tạo, huấn luyện và các chuyến tham quan thực địa
	Khung thể chế và mạng lưới du lịch lỏng lẻo	Hỗ trợ thiết lập khung thể chế, mạng lưới hợp tác hiệu quả
Kinh nghiệm, kiến thức về phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng các bên liên quan còn thiếu đồng đều.	Kiến thức và kinh nghiệm thực tế về phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng còn thiếu	Cần tổ chức nhiều hơn các khóa đào tạo và các chuyến thăm quan thực tế về du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (CBET)
	Thiếu kỹ năng và cọ xát thực tế với các phương tiện xúc tiến và quảng bá du lịch. Đầu tư vào việc xúc tiến và quảng bá du lịch chưa đầy đủ	Hợp tác chặt chẽ hơn với các hãng lữ hành. Đầu tư nhiều hơn vào việc xúc tiến và nghiên cứu thị trường

1.4. LỰA CHỌN SẢN PHẨM DU LỊCH NÔNG NGHIỆP, SINH THÁI &CỘNG ĐỒNG CHO THÔN K'LU, HUYỆN ĐắCKRÔNG

Dựa trên kết quả đánh giá sản phẩm du lịch nông nghiệp, sinh thái&cộng đồng của thôn K'lu, những sản phẩm và gói du lịch chọn lọc cho thôn K'lu, huyện Đắckrông bao gồm:

Sản phẩm du lịch được chọn: Văn hóa dân tộc thôn K'lu và sản phẩm du lịch dựa vào thiên nhiên.

Gói du lịch sinh thái được chọn:

a. Trải nghiệm văn hóa dân tộc tại thôn K'lu
b. Tắm suối thư giãn và chữa bệnh tại suối K'lu (suối mát, suối nước nóng)
c. Trải nghiệm gói du lịch sinh thái leo núi xuyên rừng K'lu
d. Các hoạt động du lịch trên sông Đắckrông
e. Gói du lịch ngắm cảnh tại các di tích lịch sử và các điểm DMZ

PHẦN 2. CÁC BƯỚC PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP, SINH THÁI VÀ CỘNG ĐỒNG

Biểu đồ 2: Hoạt động và quá trình từng bước phát triển sản phẩm du lịch sinh thái tại thôn K'lu

2.1. BƯỚC - 1: TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CỦA CỘNG ĐỒNG

PIU Quảng Trị và các cơ quan liên quan sẽ thực hiện các hoạt động dưới đây (trình bày trong Biểu đồ 3) nhằm tăng cường năng lực cho các thành viên cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại thôn K'lu, huyện Đắckrông.

2.1.1. Tham vấn cộng đồng và chương trình nâng cao nhận thức về du lịch

a. Tổ chức chương trình tham vấn cộng đồng và nhận thức về du lịch

1. Xác định các thành viên tham gia và địa điểm tổ chức chương trình: những người hưởng lợi của chương trình này gồm có cộng đồng địa phương, doanh nghiệp du lịch và các bên liên quan tại thôn K'lu.
2. Thiết kế nội dung cho chương trình tham vấn: Chương trình tham vấn cộng đồng bao gồm các nội dung sau:

- Phổ biến cho cộng đồng địa phương về:
  - Giới thiệu chung về du lịch và ngành du lịch
  - Giới thiệu về triển vọng cho phát triển du lịch sinh thái của tỉnh Quảng Trị, hành lang sông Đắckrông (hành lang kinh tế Đông – Tây) và thôn K'lu
  - Giới thiệu tóm tắt về đặc điểm của các sản phẩm du lịch đã được chọn cho thôn K'lu

- Phổ biến cho cộng đồng địa phương về khái niệm Du lịch Sinh thái Dựa vào Cộng đồng:
  - Làm thế nào để người dân địa phương có thể tham gia vào các hoạt động lập kế hoạch, phát triển, quản lý và quảng bá du lịch sinh thái tại thôn K'lu và hành lang kinh tế.
  - Làm thế nào để người dân địa phương có thể hưởng lợi từ sự phát triển Du lịch Sinh thái Dựa vào Cộng đồng.

- Những bên liên quan chủ chốt trong phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông

- Thảo luận về vai trò và trách nhiệm của người dân địa phương trong việc phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng

- Thảo luận về nỗ lực phát triển du lịch đã thực hiện, những ví dụ điển hình, thách thức và cơ hội phát triển du lịch sinh thái tại hành lang sông Đắckrông và thôn K'lu.

- Đánh giá sự quan tâm và năng lực của cộng đồng địa phương
    - Mức độ quan tâm và mong đợi của người dân địa phương đối với việc phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
    - Năng lực của cộng đồng địa phương trong phát triển và quản lý các sản phẩm du lịch sinh thái.

b. Thực hiện chương trình Tăng cường nhận thức về Du lịch, Môi trường và Văn hóa (TECAP)

Dựa trên kết quả của chương trình tham vấn cộng đồng, việc thiết kế và thực hiện chương trình nhận thức về du lịch và môi trường cho các nhóm mục tiêu tại các điểm du lịch chọn lọc được trình bày dưới đây:

1. **Xác định và thiết kế các công cụ và phương pháp thực hiện TECAP:** Các dụng cụ và phương pháp sử dụng để tổ chức trình Tăng cường Nhận thức về Văn hóa, Môi trường và Du lịch cho cộng đồng địa phương, doanh nghiệp kinh doanh du lịch và sinh viên/học sinh được trình bày dưới đây:

- Hình ảnh, tranh cổ động, sổ tay bỏ túi, bản đồ, sách quảng cáo, giấy dán… để phát triển du lịch
- Tài liệu về mô hình du lịch tại các điểm dự án (tập trung vào hoạt động phát triển CBET, hoạt động của các doanh nghiệp du lịch xanh, xử lý chất thải, bảo tồn di sản thiên nhiên và văn hóa)
- Biểu diễn chương trình ca múa nhạc chào đón khách du lịch, dọn dẹp khu vực, rác thải và bảo tồn kiến trúc, trang phục địa phương
- Chương trình phát thanh và truyền hình
- Sử dụng tạp trí ảnh về du lịch
- Thăm thực địa một vài khu vực mô hình du lịch thành công (đối với các doanh nghiệp du lịch)
- Tham quan thực tế đến các địa điểm du lịch mẫu (như mô hình nhà nghỉ cộng đồng tại thôn Chày Lập/PNKB và tại Sa Pa)
- Tổ chức các lớp giáo dục về bảo tồn di sản (cho đối tượng học sinh các trường)
- Tài liệu cho liên quan đến công tác bảo tồn (tập trung vào các tác động tích cực và tiêu cực của du lịch, cách tiếp đón du khách, công tác bảo tồn di sản thiên nhiên và văn hóa, chương trình giáo dục về bảo tồn di sản… dành cho học sinh)

- Tham quan trung tâm thông tin và thuyết minh du lịch Phong Nha.
- Các cuộc thi viết bài, vẽ tranh, biểu diễn nghệ thuật (dành cho đối tượng học sinh các trường)
- Trưng bày tranh ảnh về các di sản thiên nhiên và văn hóa của thôn K'lu và sông Đắckrông.

2. **Tổ chức TECAP cho người dân địa phương**

- Xác định các đối tượng hưởng lợi mục tiêu và địa điểm tổ chức: Tổ chức chương trình TECAP cho người dân tại thôn K'lu. Những đối tượng được hưởng lợi từ chương trình gồm cộng đồng địa phương tại thôn. Đặc biệt, chú trọng đến người nghèo, thanh niên, phụ nữ và trưởng thôn. Đồng thời, mời trưởng thôn, chủ tịch Hội phụ nữ, thành viên hợp tác xã và đại diện các tổ chức trong thôn. Có thể mời một số thành viên tại Khe Sanh.

- Thiết kế nội dung của TECAP cho người dân: Nội dung TECAP dành cho người dân địa phương bao gồm:
  - Khái niệm cơ bản về khách du lịch, ngành du lịch, hệ thống du lịch, ngành công nghiệp du lịch…
  - Tiềm năng du lịch của khu vực Bắc Trung Bộ và tỉnh Quảng Trị
  - Tiềm năng du lịch của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
  - Tầm quan trọng của phong cảnh núi đá vôi; cấu tạo địa chất/địa mạo (hang động, suối, thác, sông…); đa dạng sinh học, các địa danh lịch sử và đặc điểm văn hóa/thôn quê cho phát triển du lịch sinh thái tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
  - Những tác động tích cực tiềm ẩn của du lịch (đến Xã hội, Văn hóa, Kinh tế và Môi trường) tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
  - Những tác động tiêu cực tiềm ẩn của du lịch (đến Xã hội, Văn hóa, Kinh tế và Môi trường) tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông. Những tác động tiêu cực chủ yếu có thể bao gồm nguy cơ mai một các giá trị văn hóa, tệ nạn mãi dâm (bao gồm cả nguy cơ lây truyền HIV/AIDS) và mất trật tự xã hội.
  - Tìm câu trả lời cho câu hỏi: Vì sao du khách nên đến thăm thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông? Du khách nên thăm quan những gì khi đến thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông?
  - Người dân địa phương có thể làm gì để làm hài lòng khách du lịch? Làm thế nào để người dân địa phương có thể hưởng lợi từ du lịch?

- Hiện trạng du lịch, những cơ hội và thách thức chính trong việc phát triển du lịch tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
- Phương pháp phát triển và quá trình lập kế hoạch cho phát triển Du lịch Sinh thái Dựa vào Cộng đồng tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
- Các doanh nghiệp du lịch, các dịch vụ và sản phẩm chuỗi cung ứng (SCPs) tiềm năng trong khu vực.
- Phương pháp bảo tồn di sản văn hóa của bà con dân tộc.
- Phương pháp bảo tồn di sản thiên nhiên.
- Vấn đề quản lý rác thải và vệ sinh môi trường tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
- Sự tham gia của giới trẻ, của cả 2 giới và bà con dân tộc trong việc phát triển du lịch.

- Xác định và thiết kế các công cụ cho chương trình TECAP: Rất nhiều công cụ phổ biến có thể áp dụng cho chương trình TECAP dành cho cộng đồng địa phương, học sinh, sinh viên và thành phần tư nhân kinh doanh du lịch. Tuy nhiên, các phương tiện nghe nhìn, thăm thực địa, làm việc theo nhóm và tham gia biểu diễn là những công cụ tốt nhất ở cấp cộng đồng.

3. **Tiến hành TECAP dành cho giáo viên và học sinh**

- Xác định các đối tượng hưởng lợi mục tiêu và địa điểm tổ chức: Chương trình TECAP cho đối tượng học sinh nên tổ chức tại tất cả các trường trên địa bàn thôn K'lu. Một khóa đào tạo dành cho những đào tạo viên (ToT) có thể thực hiện dành cho một số giáo viên được chọn trước khi tiến hành đối với học sinh. Chương trình TECAP tương tự dành cho học sinh cũng có thể được tiến hành tại các trường trong các thôn bản xung quanh

- Thiết kế nội dung cho chương trình TECAP dành cho học sinh các trường: Nội dung của chương trình TECAP dành cho giáo viên và học sinh sinh viên các trường có thể gồm:
  - Những khái niệm cơ bản về khách du lịch, ngành du lịch, hệ thống du lịch, ngành công du lịch…
  - Tiềm năng du lịch của khu vực Bắc Trung Bộ và tỉnh Quảng Trị.
  - Tiềm năng du lịch của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
  - Những nét văn hóa dân tộc, cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học chính của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.

- Các sản phẩm và gói du lịch sinh thái đã được chọn của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
- Những tác động tích cực tiềm ẩn của du lịch (đến Xã hội, Văn hóa, Kinh tế và Môi trường) tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
- Những tác động tiêu cực tiềm ẩn của du lịch (đến Xã hội, Văn hóa, Kinh tế và Môi trường) tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
- Định hướng cho học sinh về cách tiếp đón khách du lịch đến thăm thôn bản.
- Định hướng cho học sinh về cách quản lý rác thải để giữ thôn bản, đường sá và trường học gọn gàng và sạch sẽ.
- Định hướng cho học sinh về cách bảo tồn truyền thống và văn hóa dân tộc mình.
- Định hướng cho học sinh về cách bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, hệ thống hang động và đa dạng sinh học…
- Thảo luận xem học sinh có thể tham gia biểu diễn những tiết mục văn hóa và truyền thống của dân tộc mình để gìn giữ các bài hát, điệu múa và âm nhạc truyền thống đồng thời phục vụ khách du lịch hay không.

- Xác định và thiết kế các công cụ cho chương trình TECAP: Rất nhiều công cụ phổ biến có thể áp dụng cho chương trình TECAP dành cho học sinh, sinh viên. Tuy nhiên, các phương tiện nghe nhìn, thăm thực địa, hoạt động ngoại khóa (thi viết văn, sưu tầm ảnh, vẽ tranh), trưng bày áp phích là những công cụ hiệu quả cho học sinh, sinh viên.

4. **Tiến hành TECAP dành cho những doanh nghiệp du lịch hiện có và doanh nghiệp tiềm năng**

- Xác định đối tượng hưởng lợi mục tiêu và địa điểm tổ chức: Chương trình TECAP cho doanh nghiệp du lịch nên được tổ chức dành cho các doanh nghiệp du lịch đang hoạt động cũng như doanh nghiệp có tiềm năng và thành viên nhóm chức năng trong du lịch dựa vào cộng đồng như điều hành nông trang/nhà nghỉ cộng đồng, chủ khách sạn/nhà nghỉ, nhà hàng và những phòng trà, lái thuyền, hướng dẫn viên du lịch địa phương, chủ cho thuê xe đạp, nhà cung cấp dịch vụ đi lại, nhà cung cấp và sản xuất (nông dân) sản phẩm chuỗi cung ứng, những người sản xuất và bán sản phẩm thủ công mỹ nghệ, chủ các cửa hàng tạp hóa, nghệ nhân biểu diễn âm nhạc/các tiết mục văn hóa, những người cung cấp dịch vụ liên lạc/mạng internet. Có thể mời thêm một số thành phần tư nhân kinh doanh du lịch tiềm năng và chuỗi cung ứng tại Khe Sanh tham gia vào chương trình đào tạo.

- Thiết kế nội dung cho TECAP dành cho doanh nghiệp du lịch: Nội dung của TECAP dành cho các doanh nghiệp du lịch có thể bao gồm:
  - Khái niệm cơ bản về khách du lịch, du lịch, hệ thống du lịch, ngành du lịch,….
  - Tiềm năng du lịch của khu vực Bắc Trung Bộ và tỉnh Quảng Trị.
  - Tiềm năng du lịch của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
  - Các sản phẩm và chương trình du lịch sinh thái được lựa chọn cho thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
  - Những tác động tích cực tiềm ẩn của du lịch (đến Xã hội, Văn hóa, Kinh tế và Môi trường) tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
  - Những tác động tiêu cực tiềm ẩn của du lịch (đến Xã hội, Văn hóa, Kinh tế và Môi trường) tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
  - Các doanh nghiệp du lịch, dịch vụ và sản phẩm chuỗi cung ứng tiềm năng trong khu vực.
  - Đặt câu hỏi với các doanh nghiệp du lịch và doanh nghiệp du lịch tiềm năng:
    a. Vì sao du khách nên đến thăm quan thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông? Thị trường du lịch hiện tại và tiềm năng của khu vực là gì? Du khách muốn thăm quan gì tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông? Làm sao để du khách có thể cảm thấy hài lòng?
    b. Làm thế nào để người dân địa phương có thể thu hút khách du lịch đến tham quan nhiều hơn? Làm thế nào để tối đa hóa số ngày lưu trú của du khách đến thăm thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
  - Thảo luận các cách thức để thành lập các doanh nghiệp du lịch xanh dựa trên kiến thức truyền thống và nguồn lực địa phương đồng thời mở rộng các đối tượng được hưởng lợi từ du lịch.
  - Phương pháp phát triển và quá trình lập kế hoạch cho loại hình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng.
  - Đánh giá ngắn gọn về năng lực của các doanh nghiệp du lịch tiềm năng trong việc thành lập và điều hành doanh và sản phẩm chuỗi cung ứng (kỹ năng, vốn, kiến thức thị trường….).
  - Thảo luận về các cơ hội dành cho giới trẻ, giới và dân tộc trong việc thành lập các dịch vụ và doanh nghiệp du lịch.

- Các vấn đề quản lý rác thải và vệ sinh môi trường tại các doanh nghiệp du lịch.

- Xác định và thiết kế các công cụ cho chương trình TECAP: Các phương tiện nghe nhìn, thăm thực địa, nghiên cứu tình huống, làm việc nhóm là công cụ hữu hiệu nhất đối với các cá nhân/ doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

2.1.2. Thực hiện Chương trình Nâng cao Năng lực cho Thành viên Cộng đồng và Doanh nghiệp Kinh doanh Du lịch về CBET

a. Đào tạo định hướng về quy hoạch, phát triển và quản lý du lịch dựa vào cộng đồng (CBET) cho người dân địa phương và doanh nghiệp du lịch

1. Xác định các đối tượng hưởng lợi mục tiêu của chương trình đạo tạo: Thành phần tham gia khóa đào tạo có thể bao gồm thành viên các nhóm chức năng trong du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng, lãnh đạo thôn, xã, chủ tịch hội phụ nữ, điều hành nhà nghỉ cộng đồng, hướng dẫn viên du lịch, nghệ nhân biểu diễn văn hóa truyền thống, giáo viên, các thành viên liên quan đến sản phẩm chuỗi cung ứng tại thôn K'lu. Có thể mời thêm các thành viên khác từ Khe Sanh và các thôn lân cận khác.
2. Chuẩn bị địa điểm tổ chức đào tạo: Nhà chính của thôn K'lu
3. Xác định thời gian đào tạo: Để bao quát hết các cấu phần nội dung phát triển CBET, khóa đào tạo sẽ kéo dài 5 ngày.
4. Thiết kế các nội dung của khóa đào tạo định hướng CBET: Nội dung của khóa đào tạo định hướng có thể bao gồm các mục như sau:

- Khái niệm cơ bản về khách du lịch, du lịch, hệ thống du lich, ngành du lịch…
- Tiềm năng du lịch của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông
- Quá trình quy hoạch và phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng
- Thiết lập và củng cố các cơ sở du lịch dựa vào cộng đồng
- Xác định và phát triển cơ sở hạ tầng du lịch sinh thái
- Xác định và thành lập các doanh nghiệp, dịch vụ và cơ sở vật chất du lịch
- Tiến hành các nỗ lực quảng bá và xúc tiến du lịch
- Bảo tồn các di sản thiên nhiên và văn hóa
- Tham gia điều hành và đánh giá các hoạt động CBET

- Nội dung chi tiết cho khóa đào tạo định hướng CBET được trình bày trong Bảng 1.

5. Xác định và thiết kế các công cụ đào tạo: Những công cụ và phương pháp sau có thể áp dụng đối với khóa đào tạo:

- Phương pháp giảng dạy, thảo luận nhóm, cho học viên xem các đoạn phim, đoạn file âm thanh.

- Thăm quan thực tế tại khu vực DMZ.

- Nghiên cứu tình huống: Đánh giá chất lượng của nghà nghỉ cộng đồng Chày Lập, Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng thuộc tỉnh Quảng Bình (ví dụ về khả năng quản lý yếu).

- Phương thức 5D trong lập kế hoạch cho du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng: Khám phá (Discovery), Kỳ vọng (Dreaming), Hướng dẫn (Direction), Thiết kế (Design) và Thực hiện (Delivery).

- Các công cụ đánh giá nhanh nông thôn (PRA): bản đồ nguồn lực du lịch, bản đồ các bên liên quan, bản đồ lễ hội.

b. Tổ chức cho các thành viên cộng đồng và các doanh nghiệp du lịch khả thi đến thăm quan học tập tại các điểm CBT mẫu.

1. Xác định các đối tượng hưởng lợi mục tiêu từ chuyến thăm quan học tập: Thành viên CBTFGs, ban lãnh đạo thôn, xã, chủ tịch hội phụ nữ, những người điều hành nhà nghỉ cộng đồng, những thành viên có liên quan đến sản phẩm chuỗi cung ứng, người biểu diễn văn hóa âm nhạc truyền thống, giáo viên trong thôn trong thôn K'lu. Ngoài ra có thể mời thêm các thành viên khác từ Khe Sanh
2. Chuẩn bị địa điểm thăm quan: Điểm du lịch mẫu phù hợp là Sa Pa.
3. Xác định thời gian thăm qua thực địa: 6 ngày
4. Thiết kế các nội dung cho chuyến đi:

- Quan sát các nguồn lực và điểm du lịch hấp dẫn tại mô hình du lịch (tự nhiên, địa điểm và hấp dẫn về văn hóa/thôn quê và lịch sử).
- Tìm hiểu về quá trình phát triển du lịch (cách du lịch khởi phát tại khu vực đó)
- Tìm hiểu và quan sát những gói và hoạt động du lịch chính trong khu vực (gói nhà nghỉ cộng đồng/nông trang, tour thăm quan thôn bản, chợ, thăm quan thư giãn, nghỉ ngơi, ngắm thác nước, tour sinh thái và leo núi mạo hiểm, thưởng thức các món ăn truyền thống…)

- Tìm hiểu về kế hoạch phát triển nguồn nhân lực du lịch trong khu vực (quản lý nhà nghỉ cộng đồng, nấu ăn, hướng dẫn viên, hướng dẫn viên thám hiểm hang động, hướng dẫn viên leo núi mạo hiểm, quản lý du lịch, quản lý thông tin du lịch…)
- Tìm hiểu về những doanh nghiệp, dịch vụ và sản phẩm chuỗi cung ứng du lịch trong khu vực.
- Quan sát cơ sở hạ tầng du lịch chính được xây dựng trong khu vực.
- Tìm hiểu về quá trình lập và sử dụng Quỹ Du lịch Thôn tại cộng đồng.
- Tìm hiểu về cơ chế chia lợi nhuận du lịch tại cộng đồng.
- Tìm hiểu và quan sát các công tác quản lý rác thải và vệ sinh môi trường.
- Tìm hiểu và quan sát về công tác bảo tồn văn hóa và thắng cảnh thiên nhiên trong khu vực.
- Tìm hiểu về cơ cấu thể chế du lịch trong khu vực và các chính sách và quy định có liên quan ở cấp địa phương.
- Tìm hiểu về mạng lưới và liên minh du lịch được thành lập như các hãng lữ hành, nhóm nghiên cứu...
- Tìm hiểu về các chính sách, quy định và quy tắc hành xử liên quan đến CBET tại địa phương.
- Tìm hiểu về việc điều hành các hướng dẫn viên du lịch địa phương.
- Tìm hiểu về các chợ địa phương, đồ thủ công, các thị trường và mối quan hệ của chúng với ngành du lịch.
- Những ý tưởng độc đáo và các công tác hiệu quả khác trong khu vực.

2.1.3. Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia vào việc bảo tồn và phát triển CBET

a. Xây dựng nhận thức về du lịch địa phương và các chiến dịch ở tại các làng.
b. Tổ chức những đợt dọn vệ sinh làng xóm và lối đi lại.
c. Tổ chức những đợt dọn vệ sinh suối K’lu và sông Đắckrông.
d. Đặt các giỏ mây và các thùng rác xung quanh thôn và dọc đường đi.
e. Tổ chức các lễ hội, sự kiện và hội chợ địa phương để gìn giữ các nét văn hóa đồng thời chào đón khách du lịch đến thăm thôn.
f. Tiến hành các nỗ lực bảo tồn, khôi phục các di sản văn hóa ở quy mô nhỏ.

g. Tham gia vào các hoạt động phát triển du lịch và bảo tồn có liên quan.

h. Hình thành các nhóm chức năng trong du lịch dựa vào cộng đồng (CBTFGs) và Ban quản lý & Phát triển Du lịch theo chức năng tại cấp thôn bản.

2.2. BƯỚC - 2: TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC THỂ CHẾ NHẰM PHÁT TRIỂN CBET

Cộng đồng địa phương, STDP/PIU Quảng Trị và những bên liên quan khác sẽ sẽ thực hiện 4 tiểu hoạt động chính được trình bày trong Biểu đồ 4 dưới đây nhằm thiết lập và/hoặc tăng cường năng lực cho các cơ quan du lịch, các bên có liên quan đến phát triển CBET tại thôn K'lu và huyện Đắckrông.

2.2.1. Thiết lập Thể chế Phát triển Du lịch nông nghiệp, sinh thái&Dựa vào Cộng đồng (CBET) tại thôn K'lu

Những các cơ quan sau đây ở cấp thôn, xã và huyện cần được thành lập:

a. Thành lập các Nhóm Chức năng trong Du lịch Sinh thái Dựa vào Cộng đồng (CBTFGs) theo chức năng:

Để hình thành, mở rộng và củng cố các doanh nghiệp, dịch vụ và sản phẩm chuỗi cung ứng liên quan đến du lịch, các Nhóm Chức năng trong Du lịch Sinh thái Dựa vào Cộng đồng (CBTFGs) đã được thành lập theo từng chức năng cụ thể. CBTFGs trong thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông có thể bao gồm nhóm vận hành nhà khách/nhà nghỉ cộng đồng và nhà hàng; nhóm hướng dẫn viên du lịch địa phương; nhóm biểu diễn các tiết mục văn hóa và sản xuất đồ thủ công.

b. Thành lập Ban Quản lý & Phát triển Du lịch thôn (VTDMCs)

Để thể chế hóa ngành du lịch từ cấp độ địa phương, Ban Quản lý & Phát triển Du lịch thôn nên được thành lập dưới hình thức đối tác công – tư để quy hoạch bền vững, phát triển và quản lý du lịch sinh thái tại thôn K'lu.

c. Thành lập Ban Quản lý & Phát triển Du lịch Xã (CTDMCs)

Để thực hiện và giám sát các hoạt động phát triển du lịch sinh thái ở cấp xã, Ban Quản lý & Phát triển Du lịch Xã (CTDMCs) cần được thành lập dưới hình thức đối tác công – tư để quy hoạch bền vững, phát triển và quản lý du lịch sinh thái tại xã Đắckrông.

d. Thành lập Ban Quản lý & Phát triển Du lịch Huyện (DTDMC)

Với mục đích lập kế hoạch, thực hiện, điều phối và giám sát các hoạt đông phát triển du lịch sinh thái ở cấp huyện, Ban Phát triển và Quản lý Du lịch huyện cần được thành lập dưới hình thức đối tác công – tư để quy hoạch, phát triển và quản lý du lịch sinh thái tại huyện Đắckrông.

Sơ đồ tổ chức dự kiến phục vụ phát triển Du lịch Sinh thái dựa vào Cộng đồng tại thôn K'lu thuộc huyện Đắckrông được trình bày trong Sơ đồ-1 dưới đây. Ngoài ra, chi tiết tóm tắt về thành phần, chức năng và vai trò/trách nhiệm của những đơn vị Thực hiện chương trình nâng cao năng lực phát triển CBET cho thành viên của các cơ quan liên quan đến CBET và các bên thực hiện chủ chốt:

a. Tiến hành đào tạo định hướng về quy hoạch, phát triển và quản lý du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (CBET) cho các cơ quan du lịch chính.

1. Xác định đối tượng hưởng lợi mục tiêu của chương trình đào tạo: Những đối tượng tham gia đào tạo có thể là những đối tượng sau đây:

   - Thành viên của các Ban Quản lý & Phát triển Du lịch Thôn, Xã và Huyện.
   - Nhân viên của các trung tâm thông tin du lịch (K'lu và Lao Bảo).
   - Cán bộ UBND huyện Đắckrông/ Phòng Văn hóa & Thông tin.
   - Cán bộ của Sở VHTTDL/Trung tâm Thông tin & Xúc tiến Du lịch và PIU Quảng Trị.
   - Những hãng lữ hành được chọn tại thành phố Đồng Hới.
   - Một số khách mời từ thị trấn Phong Nha và từ các thôn, xã, huyện có tiềm năng về du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng khác.

2. Chuẩn bị địa điểm đào tạo: Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn K'lu.
3. Thời gian đào tạo: Đào tạo tại chỗ 5 ngày.
4. Thiết kế nội dung đào tạo định hướng CBET: Nội dung đào tạo định hướng có thể bao gồm các mục sau:

   - Khái niệm cơ bản về du lịch, ngành du lịch và khách du lịch ở Việt Nam.
   - Triển vọng du lịch của thôn K"lu và hành lang sông Đắckrông (điểm du lịch, hoạt động, doanh nghiệp, thị trường)
   - Các sản phẩm, gói du lịch và hoạt động du lịch sinh thái được chọn.
   - Các tiếp cận và quá trình cơ bản của quá trình quy hoạch và phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (CBET) được áp dụng đối với thôn K"lu và hành lang sông Đắckrông.
   - Chuẩn bị chương trình phát triển nguồn nhân lực để phát triển CBET.

- Vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ giải trình của các ủy ban phát triển và quản lý du lịch (TMDCs).
- Vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ giải trình của các bên liên quan chủ chốt đối với phát triển CBET tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
- Định hướng cho bản kế hoạch phát triển du lịch trong thôn bản.
- Xác định, thiết kế và phát triển các cơ sở hạ tầng du lịch sinh thái thân thiện với văn hóa và môi trường.
- Chọn và thành lập các doanh nghiệp, dịch vụ và Sản phẩm Chuỗi Cung ứng.
- Phát triển và ứng dụng các cơ sở thuyết minh và thông tin du lịch.
- Các công cụ, cách thức và hoạt động để quảng bá và xúc tiến du lịch hiệu quả.
- Lưu trữ, bảo tồn và phục hồi các di sản thiên nhiên và văn hóa.
- Định hướng ngắn gọn về cách thức thực hiện quản lý rác thải.
- Định hướng việc chuẩn bị và tiến hành kế hoạch tham gia điều hành và đánh giá.
- Các nội dụng đặc biệt khác:
    - Cách tạo ra những gói và hoạt động du lịch thân thiện với đồng bào dân tộc và cả 2 giới.
    - Thiết lập cơ chế chia sẻ lợi ích du lịch công bằng với nhiều thành viên trong cộng đồng hơn.
    - Thành lập các mạng lưới và liên minh để huy động thêm nhiều nguồn lực và đẩy mạnh công tác quảng bá.
    - Xây dựng các hoạt động/cơ sở vật chất cho loại hình du lịch giải trí đặc biệt như tắm suối nước nóng, đi xe đạp và đi bộ thám hiểm, tour văn hóa thôn bản.

5. Xác định và thiết kế các công cụ đào tạo: Có thể sử dụng các công cụ sau trong quá trình đào tạo:

- Phương pháp giảng dạy; thảo luận nhóm; trình chiếu âm thanh và hình ảnh.

- Tham quan thực tế đến cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, căn cứ Khe Sanh, đỉnh núi K'lu và suối nóng K'lu.
- Thuyết trình về các ví dụ cụ thể: điểm du lịch hấp dẫn nhất và doanh nghiệp tốt nhất
- Phương pháp 5D cho việc lập kế hoạch : Phát hiện (Discovery), Kỳ vọng (Dreaming), Định hướng (Direction), Thiết kế (Design) và Triển khai (Delivery)
- Sử dụng công cụ Đánh giá nhanh Nông thôn: Lập bản đồ các nguồn lực, bản đồ các bên tham gia, lịch các lễ hội, biểu đồ dòng các nguồn lực (nhập khẩu và xuất khẩu), xếp hạng thu nhập…

b. Tổ chức thăm quan thực tế mô hình du lịch dựa vào cộng đồng cho các bên liên quan

1. Xác định đối tượng hưởng lợi mục tiêu của chương trình đào tạo: Đối tượng tham gia đào tạo có thể là những đối tượng sau đây:
   - Thành viên của các Ban Quản lý & Phát triển Du lịch Thôn, Xã và Huyện.
   - Nhân viên của các trung tâm thông tin du lịch (K'lu và Lao Bảo).
   - Cán bộ UBND huyện Đắckrông/ Phòng Văn hóa & Thông tin.
   - Cán bộ của Sở VHTTDL/Trung tâm Thông tin & Xúc tiến Du lịch và PIU Quảng Trị.
   - Những hãng lữ hành được chọn tại thành phố Đồng Hới.
   - Một số khách mời từ thị trấn Phong Nha và từ các thôn, xã, huyện có tiềm năng về du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng khác.
2. Địa điểm thăm quan thực tế: Địa điểm lý tưởng là Sa Pa.
3. Thời gian đào tạo: 5 ngày
4. Thiết kế nội dung các chuyến thăm quan thực tế: Nội dung của chuyến thăm quan có thể bao gồm những mục sau:
   - Quan sát các tài nguyên du lịch và điểm hấp dẫn tại các địa điểm mô hình (các địa điểm du lịch tự nhiên, văn hóa/thôn quê và lịch sử)
   - Tìm hiểu về quy trình phát triển du lịch (cách du lịch đã được khởi phát trong khu vực)

- Tìm hiểu và quan sát các hoạt động và các gói du lịch chính cung cấp đến cho du khách trong khu vực (gói nhà nghỉ cộng đồng, tour thăm quan làng bản, chợ, dã ngoại, thăm các thác nước, tour sinh thái, leo núi mạo hiểm, thưởng thức các món ăn truyền thống…)

- Tìm hiểu về kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho du lịch trong khu vực (quản lý nhà nghỉ cộng đồng, đầu bếp, hướng dẫn viên, hướng dẫn viên, quản lý du lịch, quản lý thông tin).

- Tìm hiểu về các doanh nghiệp du lịch, dịch vụ và sản phẩm chuỗi cung ứng trong khu vực.

- Quan sát các cơ sở hạ tầng du lịch chính được xây dựng trong khu vực.

- Tìm hiểu về việc lập và sử dụng Quỹ Du lịch Thôn trong cộng đồng.

- Tìm hiểu về cơ chế phân chia lợi ích du lịch trong cộng đồng.

- Tìm hiểu và quan sát việc quản lý rác thái và vệ sinh môi trường.

- Tìm hiểu và quan sát việc bảo tồn các giá trị văn hóa và cảnh quan thiên nhiên trong khu vực.

- Tìm hiểu về các cơ quan tổ chức đã được thành lập trong khu vực và về những chính sách, quy định về du lịch tại cấp địa phương.

- Tìm hiểu về việc thiết lập mạng lưới và các liên minh về du lịch như các hãng lữ hành, nhóm nghiên cứu…

- Tìm hiểu về các chính sách, quy định và nguyên tắc hành xử có liên quan đến du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng.

- Tìm hiểu về công tác điều hành hướng dẫn viên du lịch địa phương.

- Tìm hiểu về các chợ địa phương, đồ thủ công mỹ nghệ, các khu chợ và mối liên hệ của chúng với du lịch.

- Các ý tưởng cụ thể và các thực tế thành công khác trong khu vực.

c. Hỗ trợ các Ban Quản lý & Phát triển Du lịch Thôn (VTDMCs) xây dựng mạng lưới vững chắc và củng cố năng lực quản lý để phát triển du lịch

1. Tạo cơ hội cho thành viên VTDMCs địa phương tham gia khóa đào tạo và hội thảo củng cố năng lực lãnh đạo quản lý.

2. Hỗ trợ thành lập mạng lưới liên kết giữa những nhà khai thác tour du lịch tại thành phố Đông Hà, Huế, Sài Gòn và Hà Nội; liên kết các cơ quan nghiên cứu để hợp tác và quảng bá tốt hơn về sản phẩm du lịch sinh thái tại thôn K'lu và huyện Đắckrông.
3. Thành lập các kết nối liên thông đến các tổ chức phi chính phủ cấp quốc gia và quốc tế đặt tại Hà Nội, Sài Gòn và Huế như WWF, SNV, GIZ, JICA, UNDP, UNEP… nhằm gây quỹ nghiên cứu, củng cố năng lực, phát triển cơ sở hạ tầng thân thiện với môi trường và quảng bá về thôn K'lu và huyện Đắckrông.

2.2.2. Thành lập và vận hành quỹ du lịch thôn (VTF) thuộc Ban Quản lý & Phát triển Du lịch Thôn

a. Thành lập quỹ du lịch thôn (VTF) trực thuộc Ban Quản lý & Phát triển Du lịch thôn K'lu nhằm đẩy nhanh và duy trì việc phát triển sản phẩm du lịch sinh thái tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
b. Tổ chức một hội nghị tổng kết những nguồn thu và chính sách sử dụng VTF.
c. Phát triển các cách để tạo nguồn thu cho VTF: Các cách khả thi để tạo nguồn thu cho VTF bao gồm:
    1. Phí hội viên: Phí gia nhập và phí hàng tháng do các thành viên của các nhóm chức năng trong du lịch dựa vào cộng đồng đóng góp (người quản lý nhà nghỉ cộng đồng, hướng dẫn viên du lịch địa phương, chủ nhà hàng, lái thuyền, người biểu diễn văn hóa nghệ thuật)
    2. Phí thăm quan:
        - Phí đi bộ thám hiểm: Phí đi bộ vượt địa hình vào rừng K'lu
        - Phí vào thăm quan các địa điểm du lịch lịch sử, văn hóa và tự nhiên tại Khe Sanh.
        - Phí dịch vụ du lịch: Thu phí sử dụng các đồ đạc, trang thiết bị công cộng trong hoạt động của nông trang, trình diễn các tiết mục văn hóa/âm nhạc tại sân lễ hội, các điểm bên suối nước nóng, câu cá, đi thuyền, đi thuyền kayak, bơi phao, dã ngoại…
    3. Phí lưu trú: Ban Quản lý & Phát triển Du lịch thôn có thể áp dụng thuế giường nằm tối thiểu đối với các nhà khách và nhà nghỉ cộng đồng.
    4. Thuế dịch vụ: hạn chế tối đa thuế đối với người biểu diễn văn hóa, hướng dẫn viên du lịch địa phương và những nhà khai thác dịch vụ đi thuyền.
    5. Phí ưu đãi (cho VTDMC hoặc các doanh nghiệp thuộc sự quản lý của cộng đồng và các hình thức khác)

- Vận hành nhà nghỉ cộng đồng của thôn K'lu
- Vận hành các bể tắm chữa bệnh và tắm thư giãn tại suối nước nóng K'lu
- Vận hành quán cà phê, trung tâm thông tin du lịch, thôn K'lu
- Vận hành các điểm chợ bán hàng đêm và các điểm bán hàng độc đáo
- Vận hành thuyền, thuyền kayak, xe đạp thuộc sự quản lý của thôn

6. Đóng góp của khách du lịch và những người khác.

d. Phát triển cơ chế sử dụng Quỹ Du lịch Thôn (VTF)**:**

1. Quỹ Du lịch Thôn sẽ được sử dụng khi được Chủ tịch, Thư ký và Thủ quỹ của Ban Quản lý & Phát triển Du lịch ký duyệt.
2. Ban Quản lý & Phát triển Du lịch sẽ đưa ra quyết định sử dụng quỹ cho các hoạt động liên quan đến du lịch dưới đây:

- Để triển khai các chương trình tăng cường nhận thức về du lịch, môi trường và văn hóa.
- Để xây dựng các chương trình và sản phẩm du lịch mới.
- Bảo dưỡng các cơ sở hạ tầng du lịch sinh thái quy mô nhỏ.
- Để thúc đẩy các doanh nghiệp du lịch phát triển thông qua các khóa đào tạo phát triển kỹ năng và các khoản vốn vay lãi suất thấp.
- Hỗ trợ công tác tăng cường nhận thức, mở rộng mạng lưới liên kết và quảng bá du lịch.
- Đầu tư cho các công trình phục vụ du lịch thuộc sở hữu của Ban Quản lý & Phát triển Du lịch thôn (các công trình công cộng) như nhà vệ sinh cho du khách, nông trang/nhà hàng, bể bơi, điểm dã ngoại, địa điểm cắm trại, những điểm bán đồ ăn/đồ thủ công mỹ nghệ.

2.2.3. Chuẩn bị và tiến hành kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch sinh thái ở cấp độ thôn và huyện.

a. Soạn thảo các kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch sinh thái riêng cho thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông. Hiện tại, Báo cáo Đánh giá Sản phẩm Du lịch Sinh thái và Sổ tay Từng bước Phát triển Sản phẩm Du lịch Sinh thái có thể xem là kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch sinh thái tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.

b. Chuẩn bị kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch sinh thái riêng cho huyện Đắckrông. Hiện tại, Báo cáo Đánh giá Sản phẩm Du lịch Sinh thái và Sổ tay Từng bước Phát triển Sản phẩm Du lịch Sinh thái có thể xem là kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch sinh thái tại huyện Đắckrông.

c. Kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch sinh thái nên bao quát được những nội dung sau:

- Các nguồn du lịch sinh thái (tự nhiên và văn hóa) của thôn thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông
- Xác định thị trường mục tiêu (cả trong nước và quốc tế) của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông
- Xác định các sản phẩm, gói du lịch và hoạt động du lịch sinh thái đã được xác định (tự nhiên và văn hóa) cho thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông
- Các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng du lịch sinh thái cho thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông
- Các hoạt động xúc tiến phát triển doanh nghiệp cho thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông
- Các hoạt động xúc tiến và quảng bá du lịch cho thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông
- Các hoạt động bảo tồn di sản đối với thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông
- Thực hiện, điều hành và đánh giá kế hoạch đối với thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông

d. Kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch sinh thái cần thể hiện rõ những hoạt động, mục tiêu, địa điểm, thời gian, trách nhiệm, nguồn tài trợ và mục tiêu ưu tiên như đã được đề cập.

2.3. BƯỚC - 3: XÂY DỰNG CÁC SẢN PHẨM DU LỊCH NÔNG NGHIỆP, SINH THÁI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Cộng đồng địa phương, PIU tỉnh Quảng Trị và các bên liên quan sẽ thực hiện 4 tiểu hoạt động chính để xác định và phát triển gói du lịch và hoạt động du lịch sinh thái tại thôn K'lu, huyện Đắckrông, những tiểu hoạt động này được trình bày trong Biểu đồ 5.

2.3.1. Chuẩn bị bản tóm tắt các nguồn du lịch và lựa chọn các sản phẩm du lịch sinh thái

a. Chuẩn bị bản thống kê nguồn tài nguyên du lịch tại cho thôn K'lu, huyện Đắckrông: Báo cáo Đánh giá Sản phẩm Du lịch Sinh thái thôn K'lu, huyện Đắckrông cũng đã thống kê chi tiết các điểm du lịch sinh thái và hấp dẫn chính.

b. Lựa chọn các sản phẩm du lịch sinh thái bền vững cho thôn K'lu, huyện Đắckrông: dựa trên những kế quả của quá trình đánh giá sảm phẩm du lịch sinh thái tại thôn K'lu, huyện Đắckrông, 01 sản phẩm du lịch sinh thái với 05 gói tour đã được chọn cho khu vực này.

c. Định hướng người dân địa phương và các doanh nghiệp du lịch về các sản phẩm du lịch sinh thái được chọn: định hướng thành viên cộng đồng địa phương cũng như các doanh nghiệp đang và có tiềm năng về các đặc điểm của các sản phẩm du lịch sinh thái được chọn.

   1. Các điểm hấp dẫn/du lịch sinh thái chính: Tầm quan trọng về du lịch của những sản phẩm này đối với các điểm/ khu du lịch tự nhiên và văn hóa/ dân tộc là gì? Các điểm du lịch này có thể gồm thôn K'lu, suối K'lu, rừng K'lu và sông Đắckrông. Các điểm liên kết trong hành trình gồm có Khe Sanh, cửa khẩu quốc tế Lao Bảo và thị trấn Đắckrông.

   2. Điểm cốt lõi của sản phẩm du lịch sinh thái: Những trải nghiệm chính nào cho khách du lịch trong sản phẩm này? Câu trả lời là văn hóa dân tộc của đồng bào dân tộc Vân Kiều, tắm suối nước nóng K'lu, sông Đắckrông và rừng K'lu.

   3. Những chủ đề thú vị xung quanh sản phẩm này: Những hoạt động và gói du lịch chính nào trong sản phẩm này? Câu trả lời là các món ăn dân tộc và trải nghiệm đời sống đồng bào dân tộc tại nhà nghỉ cộng đồng; thưởng thức các tiết mục văn hóa và âm nhạc; tham quan thôn bản, tắm suối nước nóng.

   4. Tại sao sản phẩm này lại quan trọng với người dân địa phương: Người dân địa phương có thể được hưởng những lợi ích tiềm năng nào về xã hội, văn hóa, kinh tế và môi trường?

2.3.2. Xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch sinh thái, các hoạt động và lịch trình

a. Tiến hành họp với các thành viên cộng đồng, thành viên nhóm chức năng và cán bộ Ban Quản lý và Phát triển Du lịch về các địa điểm xây dựng sản phẩm du lịch sinh thái từ đó xác định và hoàn thành các gói du lịch sinh thái khả thi, xây dựng hoạt động và lịch trình để có thể cung cấp cho du khách trong mỗi sản phẩm du lịch sinh thái đó.

b. Cân nhắc những yếu tố sau khi xây dựng các sản phẩm và lịch trình du lịch sinh thái:

1. Sản phẩm du lịch nên kết hợp chặt chẽ giữa di sản văn hóa, tự nhiên và lịch sử.
2. Sản phẩm du lịch nên cân nhắc nhu cầu thị trường đối với những hoạt động du lịch sinh thái đã xây dựng để có thể thu hút nhiều khách du lịch hơn.
3. Sản phẩm du lịch nên có khả năng huy động thêm các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, tạo việc làm và cơ hội phát triển dịch vụ phục vụ, đồng thời gắn nhiều hơn với thanh niên, phụ nữ và đối tượng người nghèo.
4. Sản phẩm du lịch phải do cộng đồng địa phương sở hữu và do người dân địa phương thực hiện
5. Sản phẩm du lịch phải góp phần vào việc bảo tồn các di sản thiên nhiên và văn hóa tại thôn K'lu và huyện Đắckrông. Gói du lịch không được làm xuống cấp những di sản này.

c. **Phát triển các chương trình du lịch** tại thôn K'lu và sông Đắckrông: Những Sản phẩm du lịch có thể được phát triển và nâng cấp cùng với các hoạt động cụ thể được trình bày dưới đây:

1. Trải nghiệm văn hóa dân tộc tại thôn K'lu

- Phát triển nhà nghỉ cộng đồng, cơ sở lưu trú tại thôn K'lu cung cấp cơ hội và trải nghiệm cho du khách thưởng thức các món ăn, ngắm kiến trúc truyền thông và đời sống của đồng bào Vân Kiều trong nhà sàn;

- Phát triển các tiết mục âm nhạc và văn hóa của đồng bào Vân Kiều dành cho khách du lịch đến thôn K'lu. Củng cố các nhóm văn nghệ nhằm phục hồi và phát huy các tiết mục văn hóa nghệ thuật dân tộc.

- Phát triển các gói du lịch có hướng dẫn viên phục vụ khách du lịch tại thôn K'lu. Đào tạo thanh niên địa phương thành hướng dẫn viên. Tạo điều kiện cho du khách đến tham quan thôn, quan sát đời sống truyền thống, thưởng thức các món ăn, tham gia các hoạt động canh tác nông nghiệp, những kỹ năng và kiến thức truyền thống, các câu chuyện dân gian, nghe kể chuyện chiến tranh, quan sát và học cách làm các đồ thủ công truyền thống…

- Phát triển các gói du lịch nông nghiệp. Tạo điều kiện cho du khách quan sát hệ thống và hoạt động nông nghiệp truyền thống, tham gia vào các

hoạt động nông nghiệp như gặt lúa và thu hoạch sắn; đánh bắt cá trên sông suối; hái rau quả vào giỏ mây…

- Tổ chức chợ ăn đêm và chợ bán hoa quả. Bán các món ăn truyền thống, rượu, hoa quả và đồ thủ công mỹ nghệ cho khách du lịch.

2. Tắm thư giãn và chữa bệnh tại suối nước nóng K'lu

- Phát triển sản phẩm du lịch tắm chữa bệnh bằng cách xây các khoang tắm suối nước nóng tại suối K'lu;

- Phát triển chương trình du lịch thư giãn bằng việc xây dựng các khoang tắm nóng lạnh tại suối K'lu;

- Xây dựng các điểm bán đồ ăn nhanh ở gần khu vực suối nước nóng.

3. Trải nghiệm chương trình du lịch sinh thái núi K'lu

- Xây dựng tour leo núi theo vòng khép kín kết nối sông Đắckrông, rừng K'lu và lưu vực sông Đắckrông.

- Xây dưng các công cụ thông tin và thuyết minh về các loài thực vật trong rừng K'lu. Xúc tiến tour du lịch thăm quan thảm thực vật bằng việc xem xét việc tận dụng rừng để kiếm nguồn thức ăn và thuốc chữa bệnh của người dân địa phương.

- Xây điểm ngắm cảnh trên đỉnh núi K'lu.

- Nối các tuyến khép kín với một vài khu vực phát rừng làm rẫy. Cố gắng chuyển tải thông điệp rằng đây là hình thức canh tác không tốt cho môi trường.

- Phát triển các thiết bị chèo thuyền kayak dọc sông Đắckrông xuống điểm cuối của tuyến du lịch khép kín.

4. Các hoạt động du lịch trên sông Đắckrông

- Phát triển các thiết bị đánh bắt cá, chèo thuyền và đi thuyền kayak truyền thông trên sông Đắckrông. Những ngư dân địa phương và người chèo thuyền kayak có thể tham gia bằng cách vận dụng những kỹ năng và kỹ xảo địa phương.

- Phát triển các thiết bị bơi lội và cắm trại tại bờ nam của sông Đắckrông, bìa rừng K'lu.

- Phát triển các thiết bị trượt thác trên sông Đắckrông.
- Mời sản phẩm du lịch thả bèo và đi thuyền kayak từ sông Đắckrông xuống đến thành phố Đông Hà.

5. Sản phẩm du lịch ngắm cảnh đến các di tích lịch sử và các khu phi quân sự

- Phát triển các gói du lịch ngắm cảnh đến căn cứ Khe Sanh và các khu bảo tàng.
- Kết nối sản phẩm du lịch của K'lu với các gói du lịch ngắm cảnh đến các khu DMZ trong đó có sông Bến Hải.
- Kết nối sản phẩm du lịch của K'lu với các điểm mua sắm ở cửa khẩu quốc tế Lao Bảo.
- Phát triển tour du lịch đi xe đạp dọc đường Hồ Chi Minh (Quốc lộ 15).

d. Xây dựng lịch trình cho các sản phẩm du lịch sinh thái của thôn K'lu và sông Đắckrông:

Sản phẩm này có thể chương trình gọn trong 2 ngày 1 đêm. Ngày đầu tiên du khách được đón tiếp tại nhà nghỉ cộng đồng, đi bộ quanh thôn, tắm suối, tham gia các hoạt động trên sông nước, thưởng thức các tiết mục văn hóa và âm nhạc cùng với các món ăn truyền thống tại địa phương. Ngày thứ 2 sẽ thực hiện đi bộ ngắn lên núi K'lu, ngắm cảnh và đạp xe dọc đường Hồ Chí Minh. Sau bữa trưa tại nhà nghỉ cộng đồng sẽ tiếp tục hành trình đến Khe Sanh, các điểm phi quân sự và thành cổ Đông Hà.

2.3.3. Chia sẻ thông tin về các Sản phẩm du lịch, hoạt động và lịch trình cho cộng đồng địa phương và các công ty lữ hành

a. Chia sẻ thông tin về các Sản phẩm du lịch, hoạt động và lịch trình đề xuất cho các thành viên CBTFGs và Ban Phát triển & Quản lý Du lịch, các bên liên quan và hãng lữ hành ở thành phố Đông Hà và Huế thông qua các cuộc họp và hội thảo.

b. **Tổ chức chương trình du lịch làm quen:**

1. Đề ra mục tiêu cho chương trình tham quan (chương trình thử nghiệm): Để kiểm tra điểm mạnh, sức thu hút và sự phù hợp của các sản phẩm du lịch mới đề xuất, các gói du lịch, lịch trình cũng như hoạt động tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông theo suy nghĩ và quan điểm riêng của các hãng lữ hành, hướng dẫn viên du lịch và du khách khi quảng bá khu vực.

2. Xác định các thành phần tham gia tour làm quen: Thành phần tham gia có thể bao gồm các đối tượng sau:

   - Các hãng lữ hành tại TP Đồng Hới, Đông Hà, Huế, Sài Gòn và Hà Nội và các hướng dẫn viên (tập trung vào các công ty cung cấp tour liên quan đến tham quan hang động, leo núi sinh thái và mạo hiểm, đi xe đạp và trải nghiệm nhà nghỉ cộng đồng).

   - Đại diện của các hãng lữ hành quốc tế.

   - Một số khách du lịch quan tâm (Du khách của các thị trường mục tiêu đã được xác định/tiềm năng).

   - Phóng viên du lịch trong nước và quốc tế (để thông báo rộng rãi về các sản phẩm và gói du lịch mới)

   - Đại diện các công ty truyền hình và báo chí

3. Thiết kế chương trình và lịch trình: Nội dung và lịch trình của chuyến chương trình thử nghiệm được trình bày dưới đây:

   - Tóm tắt ngắn gọn về chủ đề và nội dung của các hoạt động, chương trình du lịch và sản phẩm du lịch sinh thái chọn lọc cho thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông

   - Tham quan Trung tâm Tiếp đón và Thông tin Du lịch thôn K'lu và trung tâm thông tin du lịch ở Lao Bảo

   - Tiếp đón du khách tại nhà nghỉ cộng đồng và mời du khách thưởng thức các món ăn truyền thông.

   - Tạo cơ hội cho du khách thưởng thức các tiết mục văn hóa và truyền thống cùng với đốt lửa trại.

   - Tạo cơ hội cho du khách tắm chữa bệnh tại suối nước nóng.

   - Tạo điều kiện cho du khách tắm thư giãn ở suối.

   - Dẫn du khách đi thăm quan chợ đêm.

   - Tạo cơ hội cho du khách tham gia các hoạt động đánh bắt cá, đi thuyền kayak, trượt thác và bơi lội trên sông Đắckrông.

   - Tổ chức các chương trình có hướng dẫn viên lên núi K'lu

- Tổ chức cho khách thăm quan những địa điểm lịch sử như khu vực Khe Sanh.
- Đem đến cho du khách cơ hội tiếp xúc với đồng bào dân tộc và các công ty cung cấp dịch vụ địa phương
- Sau chuyến chương trình du lịch thử nghiệm, người tham gia được đề nghị cung cấp phản hồi và ý kiến đóng góp để từ đó phát triển hơn nữa các hoạt động và sản phẩm du lịch du lịch sinh thái.

c. Ngoài ra, cung cấp cho các hãng lữ hành và hướng dẫn viên về lịch trình, nội dung Sản phẩm du lịch qua thư điện tử và thu thập ý kiến đóng góp.

2.3.4. Hoàn tất và cung cấp các chương trình du lịch, hoạt động

a. Tổ chức hội thảo chia sẻ sản phẩm du lịch sinh thái, các Sản phẩm du lịch, hoạt động du lịch với các bên liên quan và hãng lữ hành tại thị trấn huyện Đắckrông. Tổng hợp các ý kiến đóng góp, kiến nghị và xét duyệt Sản phẩm du lịch sinh thái, hoạt động và lịch trình cho từng sản phẩm du lịch sinh thái.

b. Chia sẻ thông tin về gói tour và các cuộc họp, hội thảo cho các hãng lữ hành, hướng dẫn viên biết thông qua hệ thống thư điện tử và in tài liệu.

c. Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các công ty du lịch thông qua việc cung cấp thông tin đầy đủ và tài liệu quảng bá về sản phẩm du lịch sinh thái, Sản phẩm du lịch cũng như hoạt động du lịch.

2.4. BƯỚC - 4: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG DU LỊCH SINH THÁI

Cộng đồng địa phương, PIU Quảng Trị và các bên liên quan sẽ thực hiện 3 tiểu hoạt động chính để phát triển cơ sở hạ tầng tại thôn K'lu, chi tiết các tiểu hoạt động.

2.4.1. Xác định và lựa chọn cơ sở hạ tầng du lịch sinh thái

Những cơ sở hạ tầng du lịch sinh thái đưới đây đã được xác định để phát triển sản phẩm du lịch sinh thái chọn lọc và các gói tour tại thôn K'lu, huyện Đắckrông.

a. Cơ sở lưu trú và dịch vụ

1. Xây dựng nhà nghỉ cộng đồng theo kiến trúc truyền thống địa phương
2. Giai đoạn sau này có thể xây dựng cơ sở lưu trú tư nhân.
3. Mở một số nhà hàng, hoặc nâng cấp các nhà hàng hiện có để phục vụ khách du lịch trong ngày.
4. Mở thêm một số quán cà phê và bia lạnh.
5. Mở các điểm bán đồ ăn (chỉ có đồ uống và đồ ăn nhẹ) gần suối nước nóng K'lu

b. Đường vào và phương tiện giao thông:

1. Nâng cấp đường vào nhà nghỉ cộng đồng và sân văn hóa
2. Xây dựng nhà để xe tại khu vực gần trung tâm văn hóa và trung tâm thông tin đón khách du lịch
3. Xây dựng đường mòn đi bộ đến suối K'lu
4. Xây dựng đường mòn leo núi K'lu
5. Xây dựng bến thuyền trên sông Đắckrông, tập trung chính vào tuyến leo núi khép kín trên rừng K'lu

6. Hỗ trợ Ban Quản lý & Phát triển Du lịch địa phương mua một số xe đạp, thuyền, kayaks.

c. **Điều kiện vệ sinh**

1. Nâng cấp hệ thống thoát nước trong thôn.
2. Nâng cấp hệ thống thu gom rác thải tại thôn K'lu.
3. Đặt thùng rác và trung tâm thu gom rác thải trong thôn và dọc bờ suối K'lu.

4. Hỗ trợ các hộ dân xây nhà vệ sinh nhằm nâng cao điều kiện vệ sinh trong khu vực, ở giai đoạn sau có thể xây dựng các nhà nghỉ tư nhân và đảm bảo vệ sinh sạch sẽ tại rằng suối K'lu để du khách đến tắm.

d. Cơ sở vật chất cho vui chơi giải trí và nghỉ ngơi

1. Phát triển các khoang và bể tắm suối nước nóng phục vụ tắm chữa bệnh.
2. Phát triển các thiết bị phục vụ tắm suối K'lu và trên sông Đắckrông.
3. Xây dựng trung tâm văn hóa để biểu diễn các tiết mục văn hóa và âm nhạc truyền thống và diễn các vở kịch liên quan đến chiến tranh (kịch bản có thể được xây dựng sau).
4. Xây các điểm ngắm cảnh ở đỉnh núi K'lu có thể nhìn ra sông Đắckrông, cầu Đắckrông, dãy Trường Sơn (về phía biên giới Lào) và đường Hồ Chí Minh về phía A Lưới – Huế (thung lũng A Sầu và đồi Thịt Băm).

e. Năng lượng/điện và thiết bị chiếu sáng

1. Nâng cấp hệ thống chiếu sáng và cung cấp điện trong thôn.
2. Hỗ trợ các hộ dân lắp đặt và cải tiến bếp nấu ăn.

f. Cơ sở nước sạch

1. Cải thiện và nâng cấp hệ thống nước uống nhằm đảm bảo sự an toàn, liên tục về nguồn nước sinh hoạt phục vụ du khách và người dân trong thôn.

g. Truyền thông và Internet

1. Lắp đặt hệ thống mạng internet tại nhà khách cộng đồng và trung tâm thông tin du lịch

2.4.2. Thiết kế thi công chi tiết các cơ sở hạ tầng được chọn lọc

a. Ưu tiên xây dựng những cơ sở hạ tầng cấp thiết, nguồn sẵn có và những cơ sở hạ tầng mang lại lợi ích cho người dân địa phương cũng như khách du lịch, dựa trên tinh thần trách nhiệm của người dân trong hoạt động bảo tồn di sản thiên nhiên và văn hóa.

b. Xây dựng kế hoạch đầu tư cho hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển du lịch sinh thái.

c. Xây dựng thiết kế chi tiết, lập kế hoạch quản lý môi trường và kiểm tra môi trường theo yêu cầu.

d. Trong quá trình thiết kế cơ sở hạ tầng du lịch sinh thái, cần cân nhắc một số điểm dưới đây:

1. Tôn trọng kiến trúc dân tộc địa phương như cấu trúc nhà sàn, kiểu mái và ban công…
2. Sử dụng tối đa nguyên vật liệu, lao động địa phương, kĩ thuật bản địa trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch sinh thái.
3. Trong quá trình lên phương án thiết kế cơ sở hạ tầng như các tuyến đường mòn, đường bộ, bến thuyền, điểm ngắm cảnh…cần bảo đảm:

    - Cảnh quan thiên nhiên không bị xuống cấp
    - Không sảy ra đóng cặn, xói mòn, lở đất…
    - Người dân địa phương được hưởng lợi từ hạ tầng cơ sở

4. Các vấn đề vệ sinh được giải quyết triệt để.
5. Ưu tiên sử dụng thiết bị và công nghệ năng lượng thay thế như thủy điện siêu nhỏ, năng lượng mặt trời, bể khí sinh vật, than sinh học, bếp nấu cải tiến, nước nóng năng lượng mặt trời.

Phụ lục 2 sẽ trình bày chi tiết những thiết kế cơ sở hạ tầng du lịch sinh thái chọn lọc đang được cân nhắc

2.4.3. Xây dựng, vận hành và bảo trì bảo dưỡng cơ sở hạ tầng

a. **Xây dựng cơ chế thi công, vận hành và quản lý/bảo dưỡng** cơ sở hạ tầng du lịch sinh thái.

1. TDMC sẽ giám sát quá trình thi công.

2. Xác định và phân quyền sở hữu các cơ sở hạ tầng như điểm ngắm cảnh, nhà nghỉ cộng đồng, nhà văn hóa cho Ban Quản lý & Phát triển Du lịch cấp thôn, xã và huyện.
3. Bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên thông qua sử dụng quỹ du lịch thôn và các quỹ khác.

b. **Xây dựng kế hoạch quản lý và vận hành nhà nghỉ cộng đồng:** Những điểm chính bao gồm:

1. Quyền sở hữu nhà nghỉ vẫn thuộc về thôn K'lu và Ban phát triển du lịch thôn K'lu .
2. Nhóm doanh nghiệp địa phương tại thôn K'lu phụ trách điều hành nhà nghỉ.
3. PIU Quảng Trị chịu trách nhiệm trang bị đào tạo cán bộ nhóm vận hành nhà nghỉ về kỹ năng quảng bá nhà nghỉ, nấu ăn, đón tiếp, quản lý nhà nghỉ .
4. TDMCs thôn K'lu sẽ hỗ trợ và giám sát hoạt động vận hành nhà nghỉ cộng đồng.
5. Nhóm quản lý nhà hàng và nhà nghỉ cộng đồng chịu trách nhiệm hỗ trợ và tăng cường năng lực cho các thành viên vận hành trong nhóm.
6. Nhóm vận hành nhà nghỉ và TDMCs thôn K'lu sẽ kí hợp đồng hoạt động (5 năm).
7. Phí dịch vụ du lịch sẽ dựa trên số lượng khách du lịch lưu trú tại nhà nghỉ. TDMCs thôn K'lu sẽ đưa ra mức quy định đối với dịch vụ cơ sở lưu trú tại nhà nghỉ cộng đồng. Khoảng 30% doanh thu sẽ gửi vào quỹ VTF và thành viên trong nhóm vận hành nhà nghỉ cộng đồng.
8. Phí dịch vụ thu được sẽ sử dụng xây nhà nghỉ tư nhân.
9. Nhóm kinh doanh nhà nghỉ nên hợp tác với các chủ của khu suối nước nóng K'lu, nhóm sản xuất đồ thủ công, biểu diễn văn hóa thôn K'lu cũng như các nhà cung cấp dịch vụ khác nhằm phát triển gói du lịch và thúc đẩy hoạt động kinh doanh du lịch.
10. Các nhà nghỉ cộng động sẽ tuyển người dân địa phương vào làm việc.
11. Khi phát triển và hoạt động được cơ sở lưu trú dạng nhà nghỉ cộng đồng của tư nhân, nhà nghỉ cộng đồng sẽ trở thành một bảo tàng văn hóa dân tộc.

c. **Phát triển Bản Thỏa thuận Chuyển nhượng suối nước nóng K'lu**: Một số điểm chính dưới đây cần được đề cập trong bản thỏa thuận:

1. Chủ sở hữu suối nước nóng K'lu vẫn thuộc về thôn K'lu hoặc Ban Phát triển Du lịch thôn K'lu.

2. Có thể cho thuê hoặc chuyển nhượng suối nước nóng K'lu cho một số công ty đáng tin cậy tại địa phương.
3. Ban Quản lý & Phát triển Du lịch thôn K'lu sẽ tạo điều kiện và giám sát hoạt động kinh doanh của suối nước nóng .
4. Thỏa thuận chuyển nhượng trong khoảng thời gian quy định (5 năm) sẽ được kí kết giữa các doanh nghiệp kinh doanh suối nước nóng và VTDMC của thôn K'lu.
5. Chi phí chuyện nhượng sẽ dựa trên tổng phí hoặc số lượng khách du lịch đến tham quan và tắm tại suối nước nóng.
6. Phí chuyển nhượng sẽ chuyển vào quỹ duy lịch thôn và sẽ được sử dụng cho hoạt động động phát triển du lịch thôn K'lu.

7. Nhóm kinh doanh suối nước nóng K'lu nên hợp tác với các chủ kinh doanh nhà nghỉ cộng đồng thôn K'lu, nhóm sản xuất đồ thủ công, văn hóa thôn K'lu cũng như các nhà cung cấp dịch vụ khác nhằm phát triển gói du lịch và thúc đẩy hoạt động kinh doanh du lịch.
8. Chủ kinh doanh suối nước nóng K'lu phải sử dụng lao động địa phương.
9. Các nhà kinh doanh suối nước nóng có thể mở nhà hàng bán đồ uống và đồ ăn nhẹ. Tuy nhiên, chủ kinh doanh không được kinh doanh nhà nghỉ và cung cấp dịch vụ đồ ăn.

d. **Phát triển kế hoạch hoạt động và quản lý trung tâm văn hóa và chương trình biểu diễn văn hóa/ca nhạc:** Một số điểm chính dưới đây cần nằm trong kế hoạch hoạt động và phát triển Nhà văn hóa K'lu cũng như chương trình ca múa nhạc/văn hóa:

1. Chủ sở hữu nhà văn hóa vẫn là thôn K'lu hoặc Ban Quản lý & Phát triển Du lịch thôn K'lu. Tuy nhiên, chủ sở hữu dụng cụ âm nhạc và trang phục biểu diễn vẫn là nhóm văn hóa.
2. Một nhóm diễn viên nam và nữ có kinh nghiệp tại thôn sẽ phụ trách biểu diễn chương trình ca nhạc và văn hóa .
3. PIU Quảng Trị cần đào cung cấp các chương trình đào tạo điệu múa văn hóa và nghệ thuật dân tộc cho những người biểu diễn.
4. Ban Phát triển và Quản lý Du lịch của thôn K'lu sẽ khuyến khích và giám sát hoạt động của chương trình ca múa nhạc và văn hóa.
5. Nhóm Quản lý đồ Thủ công và Văn hóa thôn (là một trong các nhóm chức năng trong du lịch sinh thái về sau) sẽ chịu trách nhiệm tạo điều kiện và phát

huy năng lực các thành viên trong vận hành các hoạt động biểu diễn và lưu giữ những giá trị này.

6. Nhóm văn hóa và TDMC sẽ ký hợp động hoạt động kinh doanh nhà văn hóa và biểu diễn tiết mục văn hóa.
7. Phí dịch vụ du lịch được xác định dựa trên số lượng khách xem chương trình biểu diễn. TDMC thôn K'lu sẽ đưa ra định mức cho các chương trình biểu diễn văn hóa. Khoảng 30% doanh thu sẽ gửi vào quỹ VTF và phần còn lại sẽ cấp cho thành viên tham gia chương trình.
8. Phí dịch vụ thu được sẽ sử dụng nhằm bảo tồn văn hóa và các hoạt động phát triển du lịch khác.

2.5. BƯỚC - 5: THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP DU LỊCH NÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ VÀ SẢN PHẨM CHUỖI CUNG ỨNG (SCPs) TRONG DU LỊCH

PIU Quảng Trị, cộng đồng địa phương và các bên liên quan khác sẽ thực hiện sáu tiểu hoạt động chính dưới đây, được trình bày trong Biểu đồ 7 để thành lập các doanh nghiệp, dịch vụ và các sản phẩm chuỗi cung ứng (SCPs) liên quan đến du lịch ở thôn K'lu.

2.5.1. Lựa chọn và phát triển doanh nghiệp du lịch

a. Tổ chức các khóa đào tạo phát triển những nhà kinh doanh du lịch để định hướng cho các doanh nghiệp du lịch tiềm năng về các vấn đề sau:

1. Xác định các nguồn du lịch và căn cứ vào đó để hình thành các doanh nghiệp, dịch vụ và SCPs có tiềm năng về du lịch
2. Đánh giá thị trường du lịch tiềm năng đối với các sản phẩm, gói du lịch tiềm năng
3. Đánh giá tính cạnh tranh của sản phẩm và năng lực của người dân địa phương ở thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông
4. Chọn lựa các doanh nghiệp, dịch vụ và SCPs du lịch cho khu vực.
5. Dự tính giá sản phẩm và tính toán lợi nhuận
6. Chuẩn bị kế hoạch kinh doanh du lịch
7. Thu xếp vốn ban đầu để thành lập doanh nghiệp du lịch

b. **Lựa chọn loại hình doanh nghiệp kinh doanh du lịch, dịch vụ và SCPs khả thi**: Dựa trên tiềm năng du lịch của khu vực, những loại hình kinh doanh du lịch, dịch vụ và SCPs được lựa chon như sau:

1. Kinh doanh du lịch: nhà khách cộng đồng giai đoạn đầu, nhà nghỉ cộng đồng vào giai đoạn sau, nhà hàng, quán trà, quán cà phê, cửa hàng bán lẻ, chương trình biểu diễn văn hóa, mạng internet
2. Dịch vụ du lịch: xe buýt, xe đạp, xe máy, dịch vụ hướng dẫn viên, câu cá truyền thống và bảo trì xe đạp
3. Chuỗi cung ứng sản phẩm (SCPs): gạo, sắn, ngô, dứa, bí đỏ, chuối, búp măng, rượu, rau, vải bông tự làm bằng tay, thịt lợn, trà thảo mộc…

Cụ thể hơn, các doanh nghiệp và dịch vụ khả thi bao gồm:

1. Các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú trong những năm đầu.
2. Các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú thuộc sự quản lý của tư nhân trong ở giai đoạn sau.
3. Các nhà hàng phục vụ khách du lịch trong ngày.
4. Quán cà phê và bia lạnh phục vụ du khách (du khách ở lại qua đêm, du khách trong ngày hay khách qua đường)
5. Bán những sản phẩm thủ công địa phương cho khách du lịch và cho các chợ khác trong khu vực.
6. Bán rượu tự nấu tại địa phương cho khách du lịch và các chợ khác trong khu vực.
7. Điều hành các thiết bị phục vụ tắm nóng/chữa bệnh bằng thảo dược.
8. Tạo cơ hội cho du khách tham gia các hoạt động đánh bắt cá bằng phương pháp truyền thống, đi thuyền kayak và bơi phao trượt thác trên sông Đắckrông.
9. Tổ chức các tour du lịch có hướng dẫn viên leo núi K'lu.
10. Tổ chức trình diễn các tiết mục văn hóa và âm nhạc (có thu phí).
11. Trình diễn các vở kịch tái hiện chiến tranh, tập trung vào các kỹ năng, kỹ xảo và sự anh dũng của người dân địa phương trong cuộc kháng chiến.
12. Bán đồ ăn và hoa quả ở chợ đêm

2.5.2. Xây dựng kế hoạch kinh doanh du lịch

a. Hỗ trợ những nhà kinh doanh du lịch tiềm năng trong các khía cạnh như: nhà nghỉ cộng đồng, suối nước nóng, nhà hàng, biểu diễn văn hóa, hướng dẫn viên du lịch…nhằm xây dựng kế hoạch kinh doanh du lịch và sản phẩm chuỗi cung ứng.

b. Nội dụng của kế hoạch kinh doanh du lịch bao gồm:

1. Cung cấp cơ sở vật chất và dịch vụ lịch như thực phẩm, phương tiện đi lại, cơ sở lưu trú, dịch vụ hướng dẫn viên, cho thuê xe và dịch vụ vui chơi giải trí…
2. Nhu cầu của du khách (trong nước và quốc tế) đối với cơ sở vật chất và dịch vụ (hàng ngày, hàng tháng, hàng năm).
3. Nguyên liệu thô và sản phẩm chuỗi cung ứng cần thiết để sản xuất cơ sở vật chất và dịch vụ.
4. Đào tạo kỹ năng và năng lực để phục vụ hoạt động kinh doanh du lịch.
5. Cơ chế cấp vốn kinh doanh (vốn cố định và lưu động).
6. Kế hoạch quảng bá/xúc tiến, thiết lập mạng lưới, hợp tác.
7. Cân nhắc bảo tồn di sản thiên nhiên-văn hóa (vệ sinh, nước thải...).

2.5.3. Tiến hành đào tạo phát triển kỹ năng du lịch

a. Đào tạo nấu ăn tại nhà nghỉ cộng đồng/cơ sở lưu trú và quản lý nhà hàng

1. Xác định người tham gia hưởng lợi: Đối tượng tham gia đào tạo gồm đơn vị kinh doanh nhà nghỉ cộng đồng/cơ sở lưu trú, nhà hàng tại thôn K’lu.
2. Nội dung đào tạo:

- Nấu ăn theo nguyên liệu và món ăn truyền thống có tại khu vực: gạo tẻ, rau, thịt, trà thảo mộc…
- Cần chú ý tới khẩu vị của du khách (trong nước và quốc tế) khi nấu ăn
- Dịch vụ đồ ăn/đồ uống: Cách phục vụ, nấu ăn cùng khách du lịch và cùng họ thưởng thức món ăn
- Quản lý nhà nghỉ cộng đồng: Cách giữ nhà nghỉ, phòng bếp, sân luôn sạch sẽ và gọn gàng? Làm thế nào để vận hành nhà nghỉ thông minh hơn, sạch sẽ, gọn gàng hơn?
- Đón tiếp du khách theo phong tục tập quán của dân tộc: Làm thế nào để thể hiện lòng mến khách đối với du khách theo cách truyền thống, cách trưng bày trang phục. Đặc biệt, du lịch cộng đồng cần có tính tương tác giữa du khách và đồng bào dân tộc.

b. Tổ chức đào tạo về bảo tồn văn hóa dân tộc và biểu diễn ca múa nhạc

1. Xác định đối tượng hưởng lợi: Chủ yếu là nam, nữ trong thôn K’lu những người đã từng tham gia vào các chương trình biểu diễn.
2. Nội dụng đào tạo:

i. Tái hiện nghệ thuật dân tộc:

a. Hiểu về nghệ thuật, trang phục, bài hát dân gian, ca múa nhạc, chuyện dân gian và tín ngưỡng dân tộc đặc sắc

b. Cách thức tái hiện nghệ thuật, trang phục, bài hát dân gian, ca múa nhạc và tín ngưỡng dân tộc đặc sắc

c. Cách thức phát triển nghệ thuật dân tộc

ii. Các điệu múa văn hóa cần tập trung vào:

a. Danh sách các tiết mục biểu diễn: nghệ thuật dân tộc, ca khúc dân gian, chương trình ca múa nhạc có thể biểu diễn phục vụ du khách

b. Nội dung và chủ đề thuyết minh các chương trình biểu diễn

c. Kỹ thuật truyền tải thông điệp rõ ràng của các tiết mục trong một thời lượng ngắn

d. Cách thức mời du khách tham gia cùng trong các chương trình biểu diễn

c. **Đào tạo hướng dẫn viên (về tham quan thôn bản, du lịch di sản lịch sử và du lịch đi bộ thăm quan) cho thanh niên**

1. Hợp tác với các hãng lữ hành tại thành phố Đông Hà để thực hiện đào tạo.
2. Lựa chọn người tham gia: Thanh niên, phụ nữ trong thôn K'lu và Khe Sanh là những đối tượng được ưu tiên đào tạo. Ngoài ra, một số cá nhân của cộng đồng như người câu cá, lái thuyền tại địa phương có thể tham gia.
3. Nội dung đào tạo gồm:

- Nhấn mạnh lĩnh vực phát triển du lịch tại Việt Nam và các tỉnh miền Trung
- Định hướng tài nguyên du lịch tại hai thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông
- Định hướng sản phẩm du lịch sinh thái, các gói du lịch và hoạt động tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông
- Chủ đề và nội dung thuyết minh cho hoạt động và gói du lịch.
- Thông tin chung và thị yếu của du khách đến thăm tỉnh Quảng Trị cũng như các thị phần tiềm năng phát triển huyện Đắckrông
- Định hướng khu vực văn hóa, trang phục, tôn giáo đồng bào dân tộc tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.

- Định hướng về phong cách sống miền quê, kiến trúc, hệ thống chăn nuôi, lịch lễ hội…của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
- Định hướng các khu vực thiên nhiên chính của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
- Định hướng phương tiện và dịch vụ du lịch chính tại khu vực
- Định hướng những quy tắc Nên làm và Không nên làm (Quy tắc môi trường và xã hội) tại khu vực
- Định hướng quy định du lịch sinh thái và đảm bảo các khách du lịch, hãng lữ hành tại khu vực thực hiện nghiêm chỉnh
- Các hình thức khuyến khích khách du lịch mua đồ ăn, đồ thủ công và sử dụng dịch vụ tại khu vực
- Định hướng về những gói du lịch liên kết như với thôn Chày Lập, PNKB tại Quảng Bình; huyện A Lưới, đồi Thịt Băm và cố đô Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế và khu vực Đà Nẵng trong khu vực miền Trung Việt Nam.

d. **Đào tạo ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Thái) cho hướng dẫn viên, thuyền viên, đơn vị kinh doanh nhà nghỉ cộng đồng.**

1. Tuyển chọn hướng dẫn viên có kinh nghiệm hoặc giáo viên tiếng anh dạy ngoại ngữ. Nếu có thể, tuyển một số tình nguyện viên nước ngoài dạy tiếng Anh và tiếng Pháp.
2. Nội dung đào tạo: Chương trình đào tạo cần ưu tiên tập trung vào những việc sau đây:

- Các điểm danh lam thắng cảnh, các hoạt động và gói du lịch
- Phương tiện và dịch vu du lịch
- Giá và thực đơn món ăn
- Nội quy hoạt động du lịch

e. Thời gian và địa điểm

f. Chào đón khách du lịch

2.5.4. Xây dựng cơ chế thành lạp doanh nghiệp du lịch và chuỗi cung ứng

a. Phát triển cơ chế hỗ trợ người nghèo, phụ nữ và thanh niên khởi nghiệp kinh doanh du lịch

1. Tạo ra gói du lịch, hoạt động du lịch tại những nơi người nghèo, phụ nữ và thanh niên có thể tham gia và kinh doanh du lịch. Bao gồm sản xuất SCPs (thịt, rau, thực phẩm, hoa quả); cung cấp dịch vụ du lịch như hướng dẫn viên, bán đồ thủ công.
2. Kinh doanh du lịch tập trung như nhà nghỉ cộng đồng, chương trình biểu diễn văn hóa và nhà tắm hơi/bể bơi, cho thuê xe đạp.
3. Cung cấp vốn lãi suất thấp hoặc không lãi xuất cho người nghèo thông qua quỹ VTF.
4. Ban hành quy định sử dụng nguồn nhân lực địa phương.
5. Ban hành quy định sử dụng chuỗi cung ứng sản phẩm sẵn có tại địa phương.
6. Ban hành quy định sử dụng hướng dẫn viên du lịch đã qua đào tạo địa phương đối với các gói du lịch trong thôn và đi bộ leo núi vượt địa hình.

b. Tăng số lượng khách du lịch, thời gian lưu trú và chi tiêu tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông

1. Tăng số lượng khách du lịch thông qua hoạt động xúc tiến du lịch và tạo thêm các Sản phẩm du lịch
2. Tăng thời gian lưu trú qua việc phát triển thêm các hoạt động du lịch (trải nghiệm văn hóa dân tộc và chiến tranh, tắm hơi, đi bộ vào rừng, thưởng thức món ăn truyền thống)
3. Tăng mức độ chi tiêu của khách du lịch thông qua nâng cao chất lượng món ăn và dịch vụ, mở thêm các loại hình thư giãn và vui chơi giải trí; mở chợ đêm bán thức ăn, bán đồ thủ công, sạp bán đồ ăn
4. Mở nhà ăn, bán thức ăn cho du khách trong nước

c. Phát triển cơ chế chia sẻ lợi nhuận du lịch cho cộng đồng rộng lớn hơn

1. Quảng bá các cơ sở lưu trú tư nhân trong dài hạn
2. Quảng bá gói du lịch thôn bản tới các địa điểm thôn/làng lân cận
3. Thành lập các doanh nghiệp du lịch dựa vào cộng đồng như nhà nghỉ cộng đồng, cho thuê xe đạp…
4. Hợp tác với các hãng lữ hành nhằm xúc tiến du lịch tình nguyện và hỗ trợ cộng đồng thông qua phát triển kỹ năng và cơ sở hạ tầng
5. Quảng bá trợ đêm và khuyến khích cộng đồng làm và bán món ăn truyền thống, hoa quả và đồ thủ công

2.5.5. Xây dựng mạng lưới và phát triển mối liên kết thị trường

a. Tăng cường năng lực cho các nhóm chức năng trong du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng nhằm đẩy mạnh và mở rộng kinh doanh du lịch.

b. Thiết lập mạng lưới du lịch tại huyện Đắckrông. Thành lập **Hiệp hội du lịch huyện Đắckrông (DDTA)** với sự tham gia của tất cả các doanh nghiệp du lịch như nhà nghỉ/khách sạn, nhà hàng/quán trà, quán cà phê, các hãng lữ hành, cho thuê xe đạp, phương tiên đi lại, chương trình biểu diễn văn hóa, sản xuất đồ thủ công.

c. Thiết lập mạng lưới hợp tác với hãng lữ hành tại Đông Hà, Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, và Hà Nội, với hướng dẫn viên, người bán đồ thủ công nhằm xúc tiến du lịch khu vự

2.5.6. Đa dạng hóa, nâng cấp và phát triển sản phẩm

a. Thường xuyên phát triển và nâng cấp cơ sở vật chất và chất lượng dịch vụ du lịch

b. Cung cấp phương tiện, dịch vụ và hoạt động du lịch hấp dẫn

c. Đa dạng hóa phương tiện và dịch vụ du lịch cả về loại hình và hoạt động

2.6. BƯỚC - 6: PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO SẢN PHẨM VÀ THÔNG TIN DU LỊCH (TII)

PIU Quảng Trị, cộng đồng địa phương và các bên liên quan khác sẽ thực hiện bốn tiểu hoạt động nhằm phát triển và chuyển giao công cụ thuyết minh và thông tin du lịch

2.6.1. Xây dựng bản thống kê và lập bản đồ các di sản thiên nhiên-văn hóa thôn K'lu

a. **Sử dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) để xây dựng bản thống kê và lập bản đồ các di sản thiên nhiên tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông:**

1. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ các danh thắng tự nhiên nổi bật của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông. Các địa danh này có thể là các ngọn núi, suối nước nóng, hồ, thung lũng, hang động…
2. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ hệ sinh thái chính, loại rừng, các khu đất ngập nước, các điểm nóng về đa dạng sinh học, các núi đá vôi được bảo tồn tốt nhất, môi trường sống của các loài động vật và chim hoang dã, môi trường sống của các loài động thực vật đặc thù đang bị đe dọa
3. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ những khu vực tự nhiên chính mà đồng bào dân tộc thường xuyên khai thác các sản vật của rừng như măng, thảo mộc.., nơi người dân địa phương tổ chức các lễ hội hoặc hội chợ truyền

thống và nơi lưu giữ những giá trị tinh thần đặc biệt của người dân địa phương

4. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ những đường mòn và di tích lịch sử, các điểm ngắm cảnh, hang động, bảo tảng, chiến trường xưa…

b. **Sử dụng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) để xây dựng bản thống kê và lập bản đồ các di sản văn hóa của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông:**

1. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ các khu định cư và sinh sống chính của đồng bào dân tộc cũng như các hộ dân
2. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ kiến trúc truyền thống như nhà sàn dài tại thôn và các đặc điểm khác
3. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ trang đồng bào dân tộc Vân Kiều
4. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ các ngôn ngữ chính, các bài hát dân gian, nhạc cụ, điệu múa, hội chợ, lễ hội và các nghi lễ truyền thống của đồng bào dân tộc
5. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ các món ăn truyền thống của đồng bào dân tộc
6. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ các khu vực linh thiêng của đồng bào dân tộc
7. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ các di tích lịch sử chính trong vùng
8. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ các truyện cổ tích và các câu chuyện liên quan đến môi trường tự nhiên và văn hóa của đồng bào dân tộc
9. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ các kiến thức, kỹ năng truyền thống và các cách thức tại địa phương
10. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ các cách sinh kế chính, cách thực hiện và các công cụ được sử dụng trong những hoạt động này
11. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ các khu vực tranh chấp, các câu chuyện xung đột và những tuyến giao thương chính trong lịch sử
12. Xác định, xây dựng tài liệu và lập bản đồ nhưng đồ thủ công mỹ nghệ truyền thống chính của khu vực.

2.6.2. Phát triển thông tin du lịch, các chủ đề và nội dung thuyết minh (TII)

a. **Chuẩn bị các chủ đề thuyết minh chính về các sản phẩm du lịch nông nghiệp, sinh thái&cộng đồng tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông**

1. Các chủ đề thuyết minh chính dành cho khách du lịch bao gồm:

a. Trải nghiệm văn hóa dân tộc tại thôn K'lu: Lưu trú tại nhà nghỉ cộng đồng với kiến trúc nhà dài, thưởng thức món ăn truyền thống, chương trình văn hóa và ca múa nhạc dân tộc, quan sát đời sống của đồng bào thông qua các chuyến đi thăm quan làng và mua đồ thủ công.

b. Đi bộ và leo núi: Đi bộ và leo núi K'lu, tìm hiểu về rừng, núi đá, lòng sông Đắckrông...

c. Trị liệu tự nhiên tại suối nước nóng: Thư giãn và tắm hơi tại suối K'lu

d. Đến thăm di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh: Trại nghiệm qua hoạt động tham quan và đạp xe tới Khe Sanh, đường mòn Hồ Chí Minh và khu vực DMZ.

2. Trong quá trình chuẩn bị các chủ đề cần tập trung định hướng và khuyến khích khách du lịch đến thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông, có thái độ tôn trọng và bảo vệ những di sản văn hóa và tự nhiên tại địa phương.

b. **Chuẩn bị nội dung thuyết minh chi tiết đối với mỗi chủ đề được chọn quảng bá thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.**

1. Phát triển các nội dung thuyết minh chi tiết bao hàm những đặc trưng sản phẩm du lịch sinh thái của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông như sau:

a. Vị trí, giao thông đường vào, phương tiện di chuyển, chi phí đi lại, phí vào cửa, các công cụ thông tin và thuyết minh du lịch, thời gian...

b. Các tính năng đặc biệt của khu vực/sản phẩm dành cho khách du lịch (nguồn gốc, bao quát khu vực, dân số, tình trạng hiện tại, đặc điểm tự nhiên, đặc điểm văn hóa…)

c. Các khu vực và hoạt động chính để khách tham quan khi du lịch tới khu vực đó

d. Các khu vực và hoạt động chính mà khách có thể tham gia trong chuyến du lịch

e. Những nguyên tắc về văn hóa/xã hội và môi trường của đồng bào các dân tộc

f. Các cách thức mang lại lợi ích cho người dân

g. Những món ăn và sản vật khách có thể mua về

h. Các biện pháp đảm bảo an toàn

2.6.3. Phát triển công cụ, nội dung thuyết minh và Thông tin Du lịch

a. Xây dựng các điểm, nội dung thuyết minh và Thông tin Du lịch thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông:

1. Phát triển Trung tâm Thông tin & Đón khách Du lịch tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông:

   - Xây dựng Trung tâm Thông tin & Đón khách Du lịch gần nhà văn hóa, điểm đỗ xe và suối nước nóng.

   - Xây dựng ít nhất 3 phòng riêng biệt:

     i. **Bàn lễ tân, đón tiếp và cung cấp thông tin**: Chào đón du khách, sắp xếp chỗ ngồi, trưng bày các địa danh hấp dẫn về du lịch trên tường. Phân phát sách hướng dẫn, tờ rơi tại quầy thu ngân. Bán vé tham quan (suối nước nóng, leo núi K'lu, các tiết mục văn hóa âm nhạc và các tiết mục khác).

     ii. **Phòng thuyết minh và thông tin du lịch**: Giới thiệu đặc điểm du lịch của khu vực (Danh lam thắng cảnh, sản phẩm và gói du lịch, hoạt động, dịch vụ và dịch vụ); giới thiệu quy tắc du lịch; nêu bật các danh thắng trên bản đồ du lịch, các đặc điểm văn hóa. Trang trí phòng thuyết minh và thông tin du lịch với tranh ảnh, bản đồ, mô hình, đồ thủ công và sản phẩm du lịch địa phương.

     iii. Phòng hậu trường cho các tiết mục văn hóa và âm nhạc: Dành riêng 1 phòng để làm hậu trường chuẩn bị cho các tiết mục văn hóa và âm nhạc. Đồng thời sử dụng phòng này để làm kho lưu trữ các công cụ thuyết minh du lịch.

2. Phát triển Trung tâm Thông tin Du lịch tại cửa khẩu quốc tế Lao Bảo:

   - Trang trí Trung tâm Thông tin Du lịch Lao Bảo bằng các công cụ chất lượng cao giới thiệu đặc điểm du lịch thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông, nét đặc trưng về du lịch của khu vực DMZ và tỉnh Quảng Trị.

   - Có tài liệu trưng bày về đường Hồ Chí Minh lịch sử nối thôn Chày Lập, VQG PNKB của tỉnh Quảng Bình với khu vực DMZ, Khe Sanh, thôn K'lu, cầu Đắckrông, đồi Thịt Băm và thị trấn A Lưới.

   - Có tài liệu trưng bày về đặc trưng của gói du lịch Văn hóa – Lịch sử - Tự nhiên khép kín trong các tỉnh miền trung bao gồm Đà Nẵng – Huế - Đông Hà – Đồng Hới – Phong Nha – DMZ – Khe Sanh/K'lu – A Lưới – Huế.

   - Phát triển và chiếu phim tài liệu (30 phút) giới thiệu đặc điểm du lịch huyện Đắckrông

- Tài liệu xúc tiến du lịch và dịch vụ mạng internet miễn phí (sách quảng bá, bản đồ, tờ rơi, CD/DVD…về thôn K'lu, tỉnh Quảng Trị và các tỉnh miền trung

b. Phát triển và lắp đặt bảng thông tin và biển chỉ dẫn thông tin du lịch

1. Lắp đặt bảng thông tin và biển chỉ dẫn thông tin du lịch kèm bản đồ tại cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, Khe Sanh, cầu Đắckrông, thôn K'lu, thị trấn Đắckrông và thành phố Đông Hà.
    - Miêu tả các đặc trưng du lịch chính (chủ đề và nội dung) tại mỗi khu du lịch.
    - Miêu tả vị trí, bản đồ của các khu vực này, tham khảo từ những khu vực chính như Cầu/Sông Đắckrông, thành phố Đông Hà, sông Bến Hải và cửa khẩu quốc tế Lao Bảo.
    - Thuyết phục du khách đóng góp vào việc bảo vệ những di sản thiên nhiên và văn hóa.
2. Lắp đặt bảng thông tin thuyết minh và biển chỉ dẫn tại cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, cầu qua sông Đắckrông, thôn k'lu, thị trấn Đắckrông và thành phố Đông Hà.
3. Các biển chỉ dẫn trên cây dọc đường đi hoặc ở các cây lớn trong rừng K'lu, dọc đường leo núi
4. Bảng thông tin và biển chỉ dẫn nên đường làm bằng chất liệu chống nước, thời tiết ẩm. Nếu có thể, cần sử dụng gỗ cứng tại địa phương và sơn màu vàng tự nhiên
5. Ban Quản lý & Phát triển Du lịch thôn K'lu sẽ giữ bảng và biển chỉ dẫn cũng như chịu trách nhiệm bảo dưỡng chúng.

2.6.4. Định hướng cán bộ thông tin & thuyết minh du lịch, hướng dẫn viên du lịch, công ty lữ hành về sản phẩm du lịch sinh thái thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.

a. Đào tạo định hướng cho hướng dẫn viên du lịch địa phương, các doanh nghiệp kinh doanh nhà nghỉ/cơ sở lưu trú và cán bộ Trung tâm Thông tin Du lịch về nội dung của các sản phẩm và gói du lịch sinh thái tại địa phương.

b. Thông tin cho các hãng lữ hành tại Hà Nội, Sài Gòn, Đông Hà, thành phố Huế về chủ đề và nội dung của các sản phẩm và gói du lịch sinh thái tạikhu vực.

c. Thông tin cho các hãng lữ hành tại Hà Nội, Sài Gòn, Đông Hà, thành phố Huế về hoạt động đào tạo hướng dẫn viên có hiểu biết về các đặc điểm lịch sử, tự nhiên, văn hóa của khu vực.

d. Tuyển chọn và đào tạo cán bộ thông tin tại Trung tâm Thông tin Du lịch Lao Bảo và trung tâm đón tiếp khách du lịch và thông tin du lịch tại thôn K'lu.

e. Đào tạo cho cán bộ đang làm việc tại Trung tâm Thông tin Du lịch Lao Bảo và trung tâm đón tiếp và thông tin du lịch thôn K'lu về kỹ năng quản lý trung tâm thông tin du lịch.

2.7. BƯỚC - 7: QUẢNG BÁ VÀ XÚC TIẾN DU LỊCH

PIU Quảng Trị, cộng đồng địa phương và các bên liên quan sẽ nỗ lực thực hiện các tiểu hoạt động dưới đây (Biểu đồ 8) để quảng bá và xúc tiến các sản phẩm du lịch sinh thái đã được chọn trong thôn thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.

2.7.1. Xác định và lựa chọn thị trường tiềm năng cho thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông

a. Nghiên cứu và khảo sát du lịch:

1. PIU Quảng Trị cùng với sở VHTTDL tỉnh Q**uảng Trị và TDMC thôn K'lu cần tiến hành nghiên cứu và khảo sát thị trường du lịch nhằm xác** định các thị trường tiềm năng; đánh giá thị hiếu của khách du lịch đối với hoạt động du lịch sinh thái trong vùng, đánh giá mức độ hài lòng của du khách và mối quan tâm đối với các hoạt động và cơ sở vật chất du lịch của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông. Có thể tiến hành ba loại hình nghiên cứu và khảo sát sau đây:

- Thu thập tài liệu: để biết các thông tin về thị trường hiện tại, sở VHTTDL, Trung tâm Thông tin Du lịch Lao Bảo và K'lu cần lưu trữ các thông tin chi tiết về khách du lịch (ngày tháng, số lượng, quốc tịch, tuổi, nghề nghiệp, loại hình du lịch theo đoàn hay cá nhân, mục đích du lịch, tổng số ngày lưu trú, chi tiêu...) của tất cả các khách tham quan tỉnh Quảng Trị, thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông. Thêm vào đó, cần lập biểu mẫu lưu trữ chuẩn để thu thập những thông tin này. Cần phân tích các thông tin này nửa năm hoặc một năm một lần.

- Khảo sát khách du lịch: nhằm thu thập thông tin chi tiết về khách du lịch và xác định thị hiếu đối với các hoạt động và tiện ích du lịch sinh thái, có thể tiến hành khảo sát thông qua Trung tâm Thông tin Du lịch Lao Bảo và trung tâm du lịch K'lu. Khách du lịch sẽ trả lời bảng hỏi khảo sát theo mẫu. Sở VHTTDL và Trung tâm Thông tin Du lịch cần hợp tác với các đơn vị kinh doanh nhà nghỉ cộng đồng, khách sạn và các hãng lữ hành quản lý công tác khảo sát.

- Phiếu thu thập ý kiến du khách: nhằm phát triển và mở rộng các gói sản phẩm du lịch, hoạt động, tiện ích cũng như dịch vụ du lịch, có thể thực hiện

điều tra phản hồi từ khách du lịch tại thôn K'lu. Các phản hồi sẽ cho thấy ý kiến của du khách về tính hiệu quả của hệ thống cung cấp dịch vụ du lịch; tính hấp dẫn của gói du lịch và hoạt động. Đồng thời các ý kiến sẽ phản ánh thị hiếu của khách đối với các sản phẩm, hoạt động và tiện ích du lịch mới trong khu vực. Sở VHTTDL/Trung tâm Thông tin Du lịch Lao Bảo và K'lu có thể soạn thảo và phân phối các câu hỏi thu thập ý khách du lịch thông qua các chủ nhà nghỉ cộng đồng/nhà khách cộng đồng tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông. Thực hiện thu thập phản hồi và phân tích 6 tháng/lần.

b. Xác định thị trường tiềm năng:

1. Phân tích tình hình hiện tại: Hiện tại, thôn K'lu chưa đón khách du lịch qua đêm. Hiện tại, có khoảng 84% du khách trong nước và chỉ có 16% du khách quốc tế ghé thăm tỉnh Quảng Trị. Trong tổng số khách đến Quảng Trị năm 2010, có khoảng 42% du khách đi trong ngày và 58% còn lại là du khách nghỉ qua đêm. Tỷ lệ du khách trong nước đi trong ngày và nghỉ qua 69%. Các thị trường lớn nhất là Thái Lan, Pháp và châu Mỹ Latinh.
2. Lựa chọn thị trường mục tiêu: Cách tốt nhất để lửa chọn thị trường mục tiêu cho thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông là:

- Thu hút một lượng du khách sau khi đến tham quan thành phố Đông Hà, và khu phi quân sự sẽ đến thăm địa phương.
- Kéo dài thời gian lưu trú của du khách tại thành phố Huế bằng việc tham quan thôn K'lu, Khe Sanh, khu phi quân sự, PNKB qua đường mòn Hồ Chí Minh.
- Thu hút du khách trong khu vực và châu Âu đến thăm tỉnh Quảng Trị thông qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo

2.7.2. Xây dựng chiến lược quảng bá và kế hoạch hành động

Dựa trên kết quả đánh giá và khảo sát thị trường du lịch, xây dựng kế hoạch và chiến lược quảng bá du lịch phù hợp.

a. Phát triển kế hoạch và chiến lược quảng bá, xúc tiến du lịch thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.

1. Dựa trên nghiên cứu, khảo sát và phân tích thị trường, cần xây dựng chiến lược và kế hoạch trong 5 năm đối với thôn thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông. Kế hoạch và chiến lược bao gồm:

- **Hoạt động du lịch hiện tại**: số lượng khách du lịch chia theo nước đến, độ tuổi, mục đích du lịch, giới tính…; thời gian lưu trú và mức chi tiêu của

khách du lịch, mùa du lịch, cơ sở lưu trú, loại hình du lịch (khách lẻ hoặc khách đi theo nhóm)…

- **Xem xét kế hoạch quảng bá:** thị trường du lịch tiềm năng, kỹ thuật và công cụ xúc tiến du lịch, nỗ lực quảng bá tại địa phương, tỉnh, quốc gia, khu vực (ASEAN) và quốc tế, đặt tên thương hiệu cho sản phẩm du lịch thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông; thiết lập mạng lưới, cơ hội và thách thức.

- **Tập trung phát triển thị trường trong tương lai**: Xác định khách du lịch trong nước và quốc tế, phân khúc thị trường theo khu vực, độ tuổi, múc đích và hoạt động…; xác định mùa du lịch và phát triển thị trường.

- **Chiến lược quảng bá (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn):** Xác định thị trường, thiết lập thương hiệu, phân loại sản phẩm, lựa chọn công cụ quảng bá và xúc tiến du lịch, thiết lập mạng lưới, giá cả, kế hoạch xúc tiến.

b. **Xây dựng chiến lược quản bá, xúc tiến du lịch và kế hoạch hành động đối với du khách trong nước**

3. Sau khi hoàn thành mở rộng tuyến đường tại thành phố Huế - A Lưới, sẽ có một số lượng lớn khách du lịch trong nước đến thăm đường HCM nối thị trấn A Lưới - Đồi Thịt Băm -thung lũng A Shau - sông Đắckrông - Khe Sanh - sông Bến Hải và vườn quốc gia PNKB. Vì vậy, ưu tiên thu hút nhiều khách trong nước tới suối nước nóng thôn K'lu và mua sắm ở cửa khẩu quốc tế Lao Bảo. Do đó, chiến lược quảng bá bên hướng tới việc hợp tác với các hãng lữ hành ở Hà Nội, Đồng Hới, Huế và Sài Gòn để thu hút đồng thời giữ chân du khách lâu hơn.
4. Thu hút thị phần khách du lịch là vợ chồng trẻ và những du khách thích khám phá du lịch trong nước đến rừng K'lu và sông Đắckrông, tham gia các hoạt động thư giãn, giải trí du lịch sinh thái tại thác Anur.

c. Xây dựng kế hoạch và chiến lược quảng bá thu hút du khách quốc tế

1. Nhờ có vị trí chiến lược và các cơ sở hạ tầng đã hoàn thiện, có thể dự đoán rằng sẽ có nhiều du khách quốc tế đến thăm thôn K'lu qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo. Do đó, chiến lược quảng bá bên tập trung vào việc hợp tác với hãng lữ hành Savanakhet (Lào) và Mục-đa-hản (Thái Lan) thu hút nhiều hơn lượng khách từ phương tây tới hai thôn. Tập trung thông tin và thu hút du khách tại của khẩu quốc tế Lao Bảo thông qua công cụ quảng bá du lịch hiệu quả.
2. Làm việc với các hãng lữ hành tại Hà Nội, Đồng Hới, thành phố Huế và Sài Gòn xúc tiến **gói du lịch văn hóa-lịch sử-thiên nhiên khép kín** tại các tỉnh

miền miền trung bao gồm: Đà Nẵng, thành phố Huế-Đông Hà-Đồng Hới-Phong Nha-khu phi quân sự-Khe Sanh/K'lu-A Lưới.

2.7.3. Chuẩn bị và phân phát tài liệu quảng bá du lịch

Xây dựng tài liệu quảng bá du lịch và giới thiệu qua các kênh phù hợp:

a. Sách quảng bá du lịch cỡ A2 đối với thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông

b. Tờ rơi riêng cho từng khu vực suối nước nóng và các di tích chiến tranh

c. Thiết lập trang web chi tiết cho thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông

d. Đĩa CD/DVDs giới thiệu đặc điểm du lịch thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông

e. Sách, lịch, giấy nhớ,..giới thiệu các danh lam thắng cảnh và khu vực huyện A Lưới

2.7.4. Thực hiện các nỗ lực giới thiệu và quảng bá du lịch

a. Định hướng và nâng cao năng lực hướng dẫn viên du lịch địa phương và các hãng lữ hành tại Hà Nội, Đông Hà, thành phố Huế và Sài Gòn về các hoạt động, gói và dịch vụ du lịch mới tại hai thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.

b. Phân phát tài liệu quảng bá thông qua các kênh thông tin phù hợp như khách du lịch, hướng dẫn viên, các hãng lữ hành, Trung tâm Thông tin Du lịch Lao Bảo, Trung tâm Thông tin Du lịch thôn K'lu, nhà nghỉ cộng đồng và khách sạn.

c. Thiết lập mạng lưới hợp tác tại khu vực nhằm xúc tiến **gói du lịch văn hóa-lịch sử-thiên nhiên khép kín** tại các tỉnh miền trung.

d. Cập nhật thông tin về sản phẩm, gói du lịch, dịch vụ cơ sở lưu trú cho hãng lữ hành và hướng dẫn viên du lịch.

e. Tổ chức lễ hội, ẩm thực địa phương. Quảng bá sản phẩm du lịch địa phương qua lễ hội văn hóa Huế.

f. Tham gia vào sự kiện, lễ hội và triển lãm tỉnh, quốc gia, khu vực và quốc tế nhằm trưng bày sản phẩm và gói du lịch mới. Hợp tác với các hãng lữ hành tại Hà Nội, thành phố Huế và Sài Gòn trưng bày sản phẩm du lịch tại triển lãm và lễ hội. Cung cấp đầy đủ sách quảng bá du lịch và CD/DVD.

f. Thiết lập cơ chế thu thập ý kiến phản hồi thường xuyên từ du khách và các hãng lữ hành. Theo đó, đa dạng sản phẩm và dịch vụ du lịch.

g. **Thực hiện chương trình du lịch làm quen (chương trình sau thử nghiệm):**

1. Đặt mục tiêu: Tăng cường kiến thức, sự tự tin cho các hãng lữ hành, hướng dẫn viên du lịch, khách du lịch nhằm xúc tiến và bán sản phẩm du lịch,

chương trình du lịch cũng như các hoạt động qua việc tự quan sát và trải nghiệm.

2. Xác định đối tượng tham gia:

- Hãng lữ hành và hướng dẫn viên du lịch tại thành phố Đông Hà
- Các hãng lữ hành và hướng dẫn viên du lịch tại Hà Nội, Đồng Hới, Huế và Sài Gòn
- Các hãng lữ hành tại Savanakhet (Lào) và Mukdahan (Thái Lan)
- Đại diện hãng lữ hành quốc tế
- Các tác gia du lịch trong nước và quốc tế (Trip Advisor, Lonely Planet..)
- Đại diện hãng thông tấn quốc tế và truyền hình
- Du khách muốn tham gia

3. Xác định địa điểm và lộ trình chương trình:

- Thành phố Đông Hà, thôn K'lu, cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, sông Bến Hải và khu phi quân sự.
- Có thể thêm gói du lịch thành phố Huế - huyện A Lưới - Đồi Thịt Băm - thôn K'lu - cửa khẩu Lao Bảo - khu phi quân sự/sông Bến Hải – VQG PNKB - Đồng Hới - Đông Hà.

4. Thiết kế nội dung gói du lịch: Nội dung gói tour làm quen gồm những nội dung sau đây:

- Giới thiệu chi tiết về chủ đề và sản phẩm du lịch sinh thái chọn lọc, hoạt động, gói du lịch thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông
- Thăm quan Trung tâm thông tin du lịch Lao Bảo, trong đó có 30 phút tài liệu chiếu giới thiệu các đặc điểm của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông và tỉnh Quảng Trị
- Mang đến cơ hội trải nghiệm đời sống văn hóa tại nhà nghỉ cộng đồng và xem chương trình văn hóa.
- Mang đến cơ hội cho khách du lịch tắm trị liệu theo phương pháp thiên nhiên tại suối K'lu

- Đi bộ leo núi lên núi K'lu
- Tạo điều kiện cho du khách tham gia những hoạt động trên sông Đắckrông.
- Thăm quan căn cứ Khe Sanh và các khu phi quân sự.
- Đạp xe dọc đường HCM lịch sử.
- Mang đến cơ hội tiếp xúc với đồng bào dân tộc và các đơn vị cung cấp dịch vụ địa phương
- Cơ hội được quan sát quá trình sản xuất và mua các sản vật và sản phẩm thủ công địa phương.
- Kiểm tra năng lực của những hướng dẫn viên địa phương
- Kết thúc chương trình thử nghiệm, thu thập phản hồi nhằm phát triển các gói và hoạt động du lịch
- Thiết lập mạng lưới những người tham gia, cung cấp thông tin xúc tiến du lịch nhằm khuyến khích họ tham gia quảng bá và xúc tiến du lịch cho khu vực thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.

2.8. BƯỚC - 8: BẢO TỒN DI SẢN THIÊN NHIÊN & VĂN HÓA

PIU Quảng Trị, cộng đồng địa phương và các bên liên quan sẽ thực hiện việc bảo tồn các di sản văn hóa và thiên nhiên của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông, những tiểu hoạt động chính được trình bày trong Biểu đồ 10 dưới đây:

2.8.1. Xác định các vùng nhạy cảm môi trường và văn hóa

a. Xác định và thông báo cho người dân địa phương về những vùng nhạy cảm về môi trường và văn hóa trong quá trình phát triển sản phẩm du lịch sinh thái tại thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.

1. Vùng nhạy cảm văn hóa bao gồm: nhà truyền thống, thức ăn và phong tục tập quán cũng như trang phục, dụng cụ âm nhạc, chuẩn mực đạo đức, ngôn ngữ, sự liên kết xã hội, sinh kế, kiến thức về địa phương, các địa điểm di tích lịch sử tại Khe Sanh và các địa điểm khác.
2. Những vùng nhạy cảm môi trường có suối K'lu, sông Đắckrông, rừng K'lu.

b. Xác định và thông báo cho người dân địa phương về những hoạt động tiềm năng chính có thể đe dọa và gia tăng ảnh hưởng lên các di sản văn hóa và thiên nhiên:

1. Các hoạt động du lịch khả thi đe dọa đến các di sản văn hóa thiên nhiên có thể như xả nước thải sinh hoạt từ nhà khách cộng đồng; gia tăng số lượng

rác thải rắn và đốt rác thải; sức ép gia tăng lên các khu rừng do hoạt động sinh kế như kiếm măng, gỗ, củi đun và chặt cây đốn rừng để canh tác; ô nhiễm dòng nước; sự xâm lấm và gián đoạn dòng chảy; phân đoạn rừng và cảnh quan do các đường mòn đi bộ; thay đổi cảnh quan do hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng.

2. Các hoạt động du lịch khả thi có thể đe dọa đến những di sản văn hóa gồm hoạt động xây dựng các ngôi nhà khối bê tông thay vì nhà cột; các trang phục và cách ăn mặc truyền thống do tiếp xúc nhiều với khách du lịch và hướng dẫn viên du lịch; thay thế thực phẩm truyền thống bằng thực phẩm đóng gói; thương mại hóa điệu múa, bài hát và buổi biểu diễn âm nhạc truyền thống; thay đổi trong thái độ đối với khách du lịch của người dân; sự thiếu tôn trọng đối với các chuẩn mực đạo đức, các sự kiện, lễ hội truyền thống và sự xâm phạm các di tích chiến tranh và văn hóa vì những mục đích thương mại, tệ nạn mại dâm hoặc bắt cóc phụ nữ.

2.8.2. Soạn thảo công cụ, tài liệu để giáo dục bảo tồn di sản thiên nhiên, văn hóa

a. Phát triển nhiều công cụ, thiết bị giáo dục nhận thức về tầm quan trọng của bảo tồn và thông báo cho người dân địa phương, các nhà kinh doanh du lịch, các hãng lữ hành, khách du lịch về điểm văn hóa, tự nhiên nhạy cảm tại các khu vực phát triển du lịch sinh thái. Việc phát triển những công cụ giáo dục bảo tồn cần tập trung vào các nhóm:

   1. Nhân dân địa phương
   2. Doanh nghiệp kinh doanh du lịch
   3. Giáo viên và học sinh
   4. Hãng lữ hành
   5. Khách du lịch

b. Phát triển chương trình nhận thức, tài liệu và công cụ giáo dục về bảo tồn:

   1. Xây dựng quy tắc du lịch sinh thái cho người dân (những điều nên và không nên làm), nhà kinh doanh du lịch, các hãng lữ hành và khách du lịch. Các nội dung chính của luật du lịch sinh thái nên chứa đựng những thông điệp sau:

      - **Với cộng đồng địa phương**: chào đón khách du lịch trong vùng, chung tay bảo tồn các di sản văn hóa và thiên nhiên, giữ gìn vùng du lịch luôn sạch sẽ và gọn gàng

      - **Với nhà kinh doanh du lịch**: phát triển các doanh nghiệp du lịch xanh thân thiện môi trường và văn hóa, luôn chào đón khách du lịch, đảm bảo

quản lý nước thải và rác thải rắn hiệu quả, tạo ra việc làm cho các thành viên nghèo

- **Với hãng lữ hành**: luôn tôn trọng các chuẩn mực và giá trị địa phương, góp phần bảo tồn các khu di sản, tạo điều kiện thuận lợi để tối đa hóa việc sử dụng và mua các dịch vụ và hàng hóa của địa phương từ khách du lịch

- **Khách du lịch**: luôn tôn trọng các chuẩn mực và giá trị của địa phương, góp phần bảo tồn các di sản trong vùng, giúp đỡ người dân địa phương bằng việc sử dụng và mua các thực phẩm cũng như dịch vụ của địa phương.

2. Thiết kế tờ hướng dẫn những điều nên và không nên làm (hãy là một du khách có trách nhiệm) bằng cả hai ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt.
3. Xây dựng chương trình bảo tồn du lịch sinh thái cho học sinh sinh viên.
4. Xây dựng công cụ giáo dục như ảnh treo tường, tờ quảng cáo hay lịch treo tường.

2.8.3. Định hướng và khuyến khích người dân địa phương bảo tồn các di sản văn hóa và tự nhiên

a. Tổ chức chương trình nâng cao nhận thức về bảo tồn các di sản văn hóa và tự nhiên cho các thành viên cộng đồng địa phương và các các nhân/doanh nghiệp kinh doanh du lịch thông qua Chương trình TECAP.

b. Tổ chức các chương trình đào tạo bảo tồn di sản, quản lý vệ sinh môi trường và rác thải cho thành viên cộng đồng địa phương, doanh nghiệp du lịch và thành viên của ban du lịch. Ngoài ra, đào tạo người dân địa phương và doanh nghiệp hoạt động du lịch về các phương pháp thu gom, phân loại và xử lý rác thải, 7 phương pháp quản lý rác thải - 7 “R” (Giảm thiểu, Tái sử dụng, Ngăn cấm, Thay thế, Sửa chữa, Tái chế và Phân hủy đúng cách), theo Biểu đồ 11.

c. Tiến hành chương trình bảo tồn di sản cho học sinh sinh viên. Tiến hành các cuộc thi nghệ thuật liên quan đến di sản. Tổ chức các chuyến tham quan ngắn đến thôn K’lu và hành lang sông Đắckrông.

d. Tổ chức thường xuyên các hội chợ văn hóa địa phương, lễ hội thực phẩm… để tái tạo các di sản văn hóa, đồng thời thu hút khách du lịch trong vùng

e. Thực hiện các hoạt động khôi phục di sản và đài tưởng niệm

f. Tiến hành các hoạt động bảo tồn di sản qua các chủ đề, đồng thời phát triển các sản phẩm du lịch. Đặc biệt quan tâm tới việc tạo ra các cơ hội kinh doanh du lịch, phát triển cơ sở hạ tầng và tạo thêm nhiều gói du lịch cho du khách.

g. Thực hiện các hoạt động cải thiện quản lý rác thải và nước thải

h. Xúc tiến việc sử dụng năng lượng thay thế và có thể tái sinh như năng lượng mặt trời, khí vi sinh và các công cụ tiết kiệm năng lượng (lò vi sóng được nâng cấp, bếp nấu công suất nhỏ, bếp nấu/bộ sấy/vòi nước năng lượng mặt trời…)

2.8.4. Định hướng và tiếp sức cho các hãng lữ hành phát triển các chương trình du lịch trách nhiệm

a. Đào tạo định hướng cho các hướng dẫn viên du lịch địa phương và hãng lữ hành thành phố Đông Hà, Huế, Sài Gòn và Hà Nội về phát triển và hoạt động gói du lịch nhạy cảm môi trường và văn hóa dành cho thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông. Cụ thể:

1. Định hướng về sản phẩm và các gói du lịch chính của các thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
2. Định hướng di sản thiên nhiên, văn hóa nhạy cảm K'lu và hành lang sông Đắckrông
3. Làm việc nhóm về phát triển và định hướng các quy định cho các hãng lữ hành và du lịch ở K'lu và hành lang sông Đắckrông.
4. Làm việc nhóm về phát triển gói tour nhạy cảm về văn hóa, xã hội và môi trường dành cho thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông.
5. Làm việc nhóm về phát triển gói tour nhạy cảm văn hóa và tự nhiên K'lu và hành lang sông Đắckrông. Gói tour du lịch sinh thái trách nhiệm nhạy cảm văn hóa và môi trường cho K'lu và hành lang sông Đắckrông cần bao gồm:

    - Sản phẩm tour: tập trung vào truyền thống văn hóa dân tộc, ví dụ như trang phục và thức ăn, văn hóa và các buổi diễn ca nhạc; các đặc điểm tự nhiên như suối A Roàng, thác Anur, Đồi Thịt Băm

    - Hoạt động: tạo ra nhiều hoạt động du lịch sáng tạo với hoạt động truyền thống, kiến thức, nguồn lực và nguồn tài nguyên địa phương. Trải nghiệm nhà nghỉ cộng đồng; biểu diễn ca múa nhạc; tour trong thôn, hoạt động du lịch nông nghiệp, tour du lịch sinh thái, leo núi và tình nguyện viên

    - Cơ sở lưu trú: lưu trú tại nhà nghỉ cộng đồng với người dân và nhà khách/quán ăn/quán trà cộng đồng. Giúp đỡ người dân địa phương chuẩn bị và phục vụ thức ăn hợp vệ sinh

    - Vận chuyển: sử dụng phương tiên giao thônng thân thiện với môi trường. Khuyến khích đi xe máy/xe đạp và cưỡi trâu

- Thức ăn: ăn thức ăn địa phương và truyền thống. Hạn chế thức ăn sẵn (đóng hộp)
- Dịch vụ: sử dụng tối đa dịch vụ hướng dẫn viên du lịch địa phương
- Rác thải: xử lý các loại rác thải theo đúng cách và tại những nơi quy định. Tương tự, giúp đỡ người dân địa phương và học sinh sinh viên quản lý và xử lý rác hợp lý
- Văn hóa địa phương: tôn trọng văn hóa, giá trị và các chuẩn mực địa phương. Khuyến khích người dân địa phương tổ chức và giao lưu văn hóa âm nhạc. Khuyến khích khách du lịch thưởng thức những buổi biểu diễn văn hóa âm nhạc có tính phí.

b. Khách du lịch sẽ được định hướng đầy đủ về tính nhạy cảm văn hóa và môi trường của thôn K'lu và hành lang sông Đắckrông thông qua những phương pháp sau:

1. Định hướng và tóm tắt về các điểm du lịch cho du khách ngay tại Hà Nội, Đông Hà, Huế và Sài Gòn
2. Chiếu phim tài liệu 30 phút tại Trung tâm Thông tin Du lịch Lao Bảo
3. Gửi thông điệp về những điều nên và không nên làm qua các tờ quảng cáo và xúc tiến du lịch.

2.9. BƯỚC - 9: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH SINH THÁI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG (CBET)

Sự tham gia nhiệt tình và mạnh mẽ của người dân địa phương và các bên liên quan sẽ đóng vai trò quan trọng trong hoạt động xây dựng kế hoạch giám sát và đánh giá (M&E). Ban QL & PT DL và nhóm chức năng trong du lịch dựa vào cộng đồng cần được định hướng và tham gia thực hiện kế hoạch giám sát, đánh giá. Biểu đồ 12 dưới đây sẽ trình bày 4 hoạt động trong quá trình giám sát và đánh giá:

2.9.1. Chuẩn bị điều kiện cơ sở

a. Xây dựng và cập nhật điều kiện cơ sở liên quan đến du lịch sinh thái cho thôn K'lu. Điều kiện cơ sở gồm những nội dung sau:

1. Điều kiện xã hội
2. Điều kiện văn hóa/tôn giáo
3. Điều kiện kinh tế/ngành công nghiệp du lịch
4. Điều kiện tự nhiên/môi trường

b. Do có sự chênh lệch khá lớn về cơ sở dữ liệu ngành du lịch như điều kiện thị trường, mức chi tiêu và thời gian lưu trú trung bình của khách du lịch; nguồn doanh thu không trực tiếp từ du lịch…nên cần thực hiện cuộc khảo sát khách du lịch nhằm thu thập dữ liệu. Thêm vào đó, có thể thu thập dữ liệu từ các nguồn thứ cấp khác từ Viện Nghiên Cứu và Phát Triển Du Lịch (ITDR), Hà Nội. Những dữ liệu này sẽ phản ánh tình hình của từng năm và là quy chuẩn cho quá trình giám sát và đánh giá hoạt động tại thôn K'lu và hành lang Sông Đắckrông.

2.9.2. Xây dựng chỉ số Giám sát & Đánh giá (E&M) và thiết bị đo lường

a. Phát triển chỉ số đo lường và thực hiện nhằm bảo đảm các hoạt động CBET đang đi đúng hướng và sẽ đạt được kết quả mong đợi. Chỉ số có thể ở dưới dạng: số liệu, xu hướng, tỉ lệ, ý kiến, lợi nhuận…

b. Lựa chọn công cụ và phương pháp khác nhau để thu thập thông tin và đánh giá chỉ số. Các hình thức chủ yếu như quan sát, thanh tra kiểm tra báo cáo định kỳ, tham vấn công luận, phiếu điều tra ý kiến, cảm nhận từ khách du lịch, ghi nhận những thông tin từ khách du lịch, mẫu khảo sát, khảo sát hộ gia đình, chất lượng cuộc sống, thông tin về UBND xã và quận huyện, hoạt động kinh doanh…

2.9.3. Thu thập dữ liệu và đánh giá kết quả

a. Thiết lập thời gian và khoảng cách cho quá trình thu thập và đánh giá dữ liệu. Dựa trên hoạt động du lịch sinh thái, dữ liệu sẽ thu thập hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm, hai năm một lần.

b. Chỉ định quan chức và cơ quan chịu trách nhiệm thu thập và đánh giá dữ liệu. Ban Quản lý & Phát triển Du lịch Thôn sẽ chịu trách nhiệm chính đối với quy trình giám sát và đánh giá sự phát triển của Du lịch Sinh thái dựa vào Cộng đồng tại thôn K'lu, huyện Đắckrông. Tuy nhiên, các bên liên quan khác như UBND huyện Đắckrông, sở VHTTDL tỉnh Quảng Trị và PIU Quảng Trị cần có trách nhiệm cung cấp và đánh giá những dữ liệu quan trọng. Công việc chính bao gồm: lưu trữ hồ sơ của khách du lịch, quản lý khảo sát khách du lịch, thực hiện những công việc khảo sát khác nhau. Những cơ quan dưới đây sẽ chịu trách nhiệm thu thập và đánh giá dữ liệu:

    1. Doanh nghiệp kinh doanh du lịch tư nhân: Lưu hồ sơ cơ sở lưu trú, khách sạn…
    2. VTDMC: Lưu trữ tất cả hồ sơ. Thường xuyên giám sát các hoạt động du lịch. Chuẩn bị báo báo định kỳ. Thực hiện khảo sát các hộ/kinh doanh.
    3. CBTFGs: Lưu hồ sơ kinh doanh, hỗ trợ VTDMCs.
    4. Trung tâm Thông tin Du lịch (Lao Bảo và thôn K'lu): Lưu hồ sơ và thực hiện khảo sát khách du lịch.

5. UBND huyện Đắckrông: Lưu hồ sơ hoạt động kinh doanh du lịch và thực hiện khảo sát tình hình kinh tế - thị trường.
6. Sở VHTTDL tỉnh Quảng Trị: Lưu dữ liệu về hoạt động kinh doanh du lịch, thực hiện các cuộc khảo sát khách du lịch và thị trường.

c. Cần phân tích và so sánh những dữ liệu thu thập được với điều kiện tiền đề. Những chỉ số thu thập được sẽ đưa ra kết quả dưới dạng: trung lập, tích cực, tiêu cực.

2.9.4. Đưa ra quyết định quản lý và xem xét hoạt động/chính sách

Sau khi có được kết quả giám sát, Ban QL & PT DL cùng các bên liên quan sẽ đưa ra quyết định phù hợp cấp thôn, huyện, tỉnh. Sau đó lưu hành, thực hiện và điều chỉnh.

NHỮNG KINH NGHIỆM TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ VỀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH DU LỊCH NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH, BỀN VỮNG VÀ BÀI HỌC VẬN DỤNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TS. Đinh Phạm Hiền

Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT

1. Mở đầu

Phát triển du lịch xanh và theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững là xu hướng chung của thế giới trong đó có Việt Nam. Có thể hiểu du lịch xanh theo nhiều cách như du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, du lịch về với thiên nhiên. Không chỉ đi theo xu hướng chung mà Việt Nam còn đi theo một xu hướng mới, riêng có của mình là phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới và được cụ thể hóa cho giai đoạn 2021-2025. Du lịch nông thôn có phạm vi rất rộng vì bao gồm tất cả các loại du lịch diễn ra tại vùng nông thôn rộng lớn. Mỗi địa phương thường chọn một số loại hình du lịch nông thôn có thế mạnh để đầu tư phát triển. Chương trình 04 của Thành ủy Hà Nội đã chọn hướng du lịch nông nghiệp, nông thôn. Tôi cho rằng điều này với hàm ý là phát triển du lịch nông nghiệp và một số loại hình du lịch nông thôn khác như du lịch làng nghề, du lịch sinh thái nhưng có gắn kết với sản phẩm nông nghiệp, làng nghề nông nghiệp. Để phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn thì cần rất nhiều khía cạnh trong đó cần xây dựng các mô hình theo hướng xanh và bền vững. Việc xây dựng mô hình để trình diễn, chuyển giao và nhân rộng những vấn đề mới đã rất quen thuộc với lĩnh vực nông nghiệp nhưng với lĩnh vực du lịch thì quá mới nên cần tìm hiểu một số kinh nghiệm của các nước và các địa phương khác. Bài viết này tập trung tổng kết một số kinh nghiệm về cách xây dựng các mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn cũng như biện pháp lan tỏa nhằm rút ra bài học cho thành phố Hà Nội. Xây dựng mô hình thường gắn với một địa điểm cụ thể chứ không nói chung nên thông tin cần rõ ràng. Các tài liệu về mô hình thường nghiên về mô tả kết quả của mô hình nhưng lại thiếu vắng mô tả cách thức xây dựng mô hình. Tuy vậy từ các nguồn khác nhau nên cũng chỉ ra được một số kinh nghiệm về cách thức xây dựng các mô hình du lịch nông thôn, du lịch nông nghiệp, du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.

2. Kinh nghiệm xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn của một số nước

(1) Kinh nghiệm Xây dựng mô hình du lịch dựa vào cộng đồng tại Bản Nam Chiao, tỉnh Trat, Thái Lan (CBT) của Thái Lan

Bản Nam Chiao, tỉnh Trat, Thái Lan là một cộng đồng gồm người đạo Hồi và đạo Phật sống hòa thuận qua nhiều thế hệ. Tất cả mọi người đều tham gia vào các hoạt động du lịch như biểu diễn múa hát truyền thống, làm nghề thủ công với trí tuệ địa phương nên Bản này đã được nhận giải thưởng cộng đồng du lịch sinh thái đón nhiều du khách trong nước và nước ngoài nhất.

Quy trình xây dựng mô hình gồm 10 khía cạnh:

1. Kết nối mạng lưới tất cả các bên liên quan tham gia vào việc lập kế hoạch;

2. Tài sản cho hoạt động du lịch là sự sẵn có của các tài nguyên của bản làng ;

3.Xác định giá trị của mọi thứ như một câu chuyện, một nghề thủ công;

4. Xây dựng mối quan hệ và quan hệ đối tác;

5. Phân khúc các bên liên quan;

6. Xác định tài sản cộng đồng;

7. Xây dựng kênh truyền thông;

8. Xác định chi phí & tác động tiêu cực;

9. Xác định nguồn thu & tác động tích cực; 10. Đối thoại

(2) Kinh nghiệm xây dựng mô hình Du lịch nông thôn tại làng Manipuri, Banglades

Trước đây tại làng Manipuri ông Niranjan Singha Raju là một doanh nhân địa phương bắt đầu làm du lịch bằng cách dùng nhà riêng của mình thành homestay và vận động những người khác mời khác đến nhà, giới thiệu các sản phẩm văn hóa và thủ công mỹ nghệ của họ, cung cấp ẩm thực địa phương nhằm thêm thu nhập. Lúc đó trong làng có 4 hộ có khả năng tiếp đón khách tại nhà nhưng để giúp nhiều người được hưởng nên ông đã phân công các hộ luân phiên làm dịch vụ (gia đình này cung cấp thực phẩm thì gia đình khác nấu ăn, ngày hôm sau lại đến 2 gia đình khác), ông còn vận động sử dụng thùng rác thân thiện với môi trường để quanh các hộ.

Khi mô hình Manipuri đã có sức hút thì bên ngoài bắt đầu hỗ trợ. Tổng cục Du lịch Bangladesh đã hỗ trợ phát triển chuyên sâu, kêu gọi các bên liên quan nâng cao năng lực cho người dân, phát triển các sản phẩm du lịch như quà lưu

niệm và cửa hàng, trang phục truyền thống, giúp kết nối với các nhà điều hành tour.

(3) Kinh nghiệm xây dựng mô hình du lịch làng chài* Kampong Ayer *của Brunei

Brunei là một nước rất nhỏ thuộc khu vực Đông nam Á, nổi tiếng với dầu mỏ và rất giàu. Điều đặc biệt là có *làng chài* Kampong Ayer (Làng nổi lớn nhất thế giới) vẫn giữ được cảnh sống và sinh hoạt của 1 làng chài gắn với du lịch.

Làng có lịch sử lâu năm vì nguồn gốc dân Brunei là dân sông nước, khoảng 10% dân số Brunei sinh sống tại đây bằng nghề chài lưới. Sau này đã xây dựng mô hình du lịch làng nghề để thể hiện văn hóa sông nước cho khách du lịch tới tham quan nghĩ dưỡng. Cách làm như sau:

Trước đây dân sống trên ghe thuyền thành cộng đồng nhưng hiện nay không chuyển lên bờ mà làm nhà nỗi trên vị trí cũ nên vẫn giữ được văn hóa làng nổi truyền thống.

Nhà cửa xây nổi trên mặt nước vẫn giữ hình dạng đơn sơ như trước đây nhưng giờ nối với nhau bằng các cầu gỗ đi lại trong làng. Mỗi nhà đều có sân để trồng các loại hoa.

Làng được chia thành các cụm có tổ trưởng quản lý và lo các dịch vụ chung nên không có trộm cắp, tệ nạn.

Để giải quyết nạn dân đổ mọi thứ ra sông thì chính phủ đã hỗ trợ bằng cách cho lập Phòng vệ sinh môi trường hàng ngày đi thu nhặt rác thải.

Để giải quyết tình trạng trước đây dân chài lưới hầu như không đi học thì nhà nước đã cho xây dựng khoảng 15 trường trong làng từ tiểu học đến trung học. Các bậc học cao hơn thì vào thành phố.

Yếu tố thu hút khách chính là nhà ổ chuột trong một đất nước hiện đại giàu có nhưng để cuộc sống của dân giống như trong đất liền thì trong nhà được trang bị đầy đủ kết nối internet, truyền hình cáp, máy điều hòa, máy giặt, điện thoại, máy fax. Đường điện kéo vào tận các nhà.

Phương tiện giao thông công cộng di lại trong làng và vào đất liền là Taxi nước (giống như ca nô) làm bằng gỗ có động cơ.

Tổ chức du lịch cho khách bằng cách chở khách bằng ta xi nước tham quan làng với phí đi lại 1 lần khoảng 25 đô la Brunei (300 ngàn đồng Viêt nam). Các dịch vụ ăn uống, nghỉ, bán hàng lưu niệm có thể do gia đình làm nghề Ta xi nước hoặc hộ khác.

(4) Một số cách xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp của Đài loan (Trung Quốc) bằng chính trí tuệ và sáng tạo của nông dân

Các mô hình doanh nghiệp nông nghiệp của Đài loan phát triển từ những năm 80 với những ý tưởng và cách thức xây dựng mô hình rát đa dạng, đơn giản và độc đáo nên đến năm 2000 thì Chính phủ đã đưa ra các chính sách thực sự với việc đầu tiên là quy hoạch thành các khu vực DLNN. Sau đây là một số cách xây dựng mô hình cụ thể tại các trang trại:

- *Mô hình Trang trại Bò bay:* Hơn 40 năm khi Đài Loan phát triển bò sữa quy mô lớn nên không tiêu thụ được nên mọi người phải bán trang trại. Ông Thi Thượng Tân đã tìm cách cứu trang trại bằng cách thay đổi tư duy từ đơn thuần là nuôi bò vắt sữa đơn thuần sang nuôi bò sửa để làm du lịch nông nghiệp, gia công, chế biến để nâng giá trị sản phẩm. Sau khi khám phá trang trại bò, cuối cùng du khách được dẫn đến nơi có bò bay. Đây không phải là một con bò thật nhưng khung cảnh thiên nhiên của trang trại đã giúp mọi người bay bổng với những ước mơ của mình.

- *Mô hình Trang trại Hoa Lộ:* Trang trại này trồng 400 loài hoa không chỉ để bán ra thị trường, mà còn dùng để chế tạo thành tinh dầu bán cho khách du lịch. Khách tới tham quan cánh đồng hoa được xông chân, massge, tắm bằng các loại tinh dầu và thưởng thức những món ăn từ các loài hoa hay nghe các câu chuyện 20 năm qua của trang trại. Khách cũng có thể thể nghỉ lại ở những căn phòng có chủ đề hoa cỏ. Trang trại Hoa Lộ tạo việc làm cho 30 nhân công thường xuyên, và nhiều giá trị gia tăng cho người dân quanh vùng.

- *Mô hình trang trại Shangrila:* Hơn 40 năm trước chỉ trồng cây ăn quả để bán nhưng sau đó khách đến nhiều và có nhu cầu ở lại nên đã phát triển đầu tư dịch vụ ăn, nghỉ dưỡng tại nông trại. Để tạo ra sự khác biệt trang trại đã tìm một hướng đi riêng là Trải nghiệm văn hóa nông thôn. Chủ trang trại cũng thuyết phục 2 con trai (1 người là luật sư, 1người là tiến sĩ vật lý) về quê cùng làm du lịch nông nghiệp. Điểm khác biệt của nông trại Shangrila là du khách được thử và chơi nhiều trò chơi dân gian quen thuộc như làm đèn lồng, chơi cù…

- Mô hình nông trại bí ngô: **Tại đây có** rất nhiều giống bí ngô khác nhau, nơi nổi tiếng để du khách đến thư giản chụp ảnh. Cổng vào nông trại được trang trí bằng những quả bí ngô được cắt tỉa và tạo hình khéo léo. Qua cổng chính là những khu vườn, giàn bí ngô trĩu quả với quy trình chăm sóc riêng. Du khách được chụp ảnh cùng bí, thưởng thức các món ăn, uống từ bí

3. Kinh nghiệm xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn của một số địa phương trong nước

***(1) Kinh nghiệm** Xây dựng làng văn hóa du lịch gắn với Chương trình OCOPs tại huyện chợ Lách Bến tre*

Làng văn hóa du lịch là một mô hình phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và môi trường bền vững ở địa bàn nông thôn. Từ năm 2017, Chợ Lách là nơi được chọn thí điểm xây dựng và phát triển Làng văn hóa du lịch - là mô hình làng điểm của Đồng bằng sông Cửu Long. Làng văn hóa du lịch kết nối 4 ấp của 4 xã, Trung tâm của Làng đặt tại khu lưu niệm nhà khoa học Trương Vĩnh Ký, từ đây khách có thể tham quan các điểm du lịch xung quanh.

Việc xây dựng mô hình gồm: - Xây dựng đề án Làng văn hóa du lịch, Chợ Lách; - Xác định loại hình du lịch chủ yếu; - Thiết kế hoạt động du lịch; - Kết nối với các doanh nghiệp để thúc đẩy OCOPs và du lịch; - Xác định hướng thực hiện lâu dài hơn.

(2) Kinh nghiệm xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp dựa vào cộng đồng ở cồn Bình thạnh, huyện Châu thành, tỉnh An Giang

Cồn Bình thạnh (cồn Ba Hòa) là cồn nổi do sông Hậu giang bồi đắp, là vùng chuyên canh rau màu lớn nhất của huyện Châu Thành, An Giang. Xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp dựa vào cộng đồng bằng cách khai thác yếu tố tự nhiên đặc thù như.

Cách xây dựng mô hình là: - Khai thác yếu tố mùa nước nổi, sống chung với lũ; - Khai thác văn hóa ẩm thực; - Xây dựng Mô hình homestay tại nhà dân; - Xây dựng mô hình hình farmstay; - Tổ chức đón khách; - Xác định nguồn thu nhập của nông dân

(3) Kinh nghiệm xây dựng mô hình thử nghiệm một số giải pháp từ nghiên cứu khoa học tại xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Đề tài khoa học Nghiên cứu giải pháp phát triển du lịch nông nghiệp trên dị bàn tỉnh Hưng Yên đã đề xuất một số giải pháp. Nhằm thấy được tính thực tiễn trong đề xuất thì đã thử nghiệm một số giải pháp tại xã với các bước sau: - Xác định một số yêu cầu về địa điểm thử nghiệm; - Chọn xã tham gia; - Vận động và giải thích về tính chất thử nghiệm của đề tài; - Lựa chọn nội dung, cách thức, thứ tự thử nghiệm và tên mô hình; - Thử nghiệm một số hoạt động trên nền sản vật Nhãn-Ong-Cá: Đi tham quan, tập huấn, kết nối với doanh nghiệp và khách, sắp xếp lại khuôn viên trang trại, hướng dãn quản lý, xúc tiến.

4. Bài học rút ra cho việc xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn của Hà Nội

- Cần đánh giá các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, đặc thù, riêng biệt, loại hình DLNN, quy hoạch phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn hiện tại và khả năng tài chính.

- Giải thích, vận động và thu hút sự tự nguyện tham gia của cộng đồng nhất là nông dân. Kích thích sự sáng tạo, sáng kiến của nông dân. Nâng cao khả năng làm du lịch, khai thác cả các bất lợi thành lợi thế.

- Xác định đúng sản phẩm và khách du lịch phù hợp với mô hình, không nên rập khuôn. Cải tiến các sản phẩm hiện có kết hợp với bổ sung sản phẩm dịch vu mới, có sản phẩm khác biệt giữa các trang trại. Vốn văn hóa địa phương cần được giữ gìn.

- Vai trò của chính quyền trong tổ chức, quản lý và hỗ trợ đầu tư, kết nối, quy hoạch, giấy tờ, hướng dẫn mô hình và hộ trợ quy chế hoạt động mô hình

- Tùy điều kiện, tùy sản phẩm du lịch nông nghiệp nông thôn mà phạm vi mô hình có thể khác nhau, có thể là một trang trại, một thôn, một xã hoặc liên xã nhưng không nên quá lớn.

- Mô hình du lịch nông nghiệp nông thôn cần có đầy đủ tiện nghi cho khách dựa trên khai thác nguyên vật liệu địa phương với sáng kiến của cộng đồng. Tránh mô hình hiện đại hóa du lịch nông thôn không có gì khác biệt so đời sống thành thị.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Bích Ngọc.Giáo trình du lịch bền vững, Nhà xuất bản Thống kê 2017

https://lic.haui.edu.vn/vn/gioi-thieu-sach-moi/giao-trinh-du-lich-ben-vung/72813

2. Chiến Thắng. 2019. Sufficiency Economy Philosophy: Thailand's Path towards Sustainable Development Goals and recommendations for community-based ecotourism development in Viet Nam

http://itdr.org.vn/en/nghien_cuu/sufficiency-economy-philosophy-thailands-path-towards-sustainable-development-goals-and-recommendations-for-community-based-ecotourism-development-in-viet-nam/ 12/06/2019

3. Ramiz Uddin & Samiha Sima, 2022. Community-Based Tourism: Connecting Thailand's Experiences and Reframing Sustainable Tourism in Bangladesh

https://www.undp.org/bangladesh/blog/community-based-tourism-connecting-thailands-experiences-and-reframing-sustainable-tourism-bangladesh.December, 2012

4. Thethaovanhoa, 2013. Kampong Ayer-Làng nổi lớn nhất thế giới ở Brunei

https://kienviet.net/2013/07/30/kampong-ayer-lang-noi-lon-nhat-the-gioi-o-brunei-video/ 30/7/2013

5.Anh Cao, 2020. Huyện Chợ Lách (Bến Tre): Xây dựng làng văn hóa du lịch gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm và định hướng thực hiện trong giai đoạn sau năm 2020

https://moha.gov.vn/75-nam/tin-tuc-su-kien-75nam/huyen-cho-lach-ben-tre-xay-dung-lang-van-hoa-du-lich-gan-voi-chuong-trinh-moi-xa-mot-san-pham-va-dinh-huong-thuc-hien-trong-giai-doan-sau-45579.html 11:03 25/12/2020

6. Đại học quốc gia thành phố Hồ chí Minh, 2020. Kỷ yếu hội thảo Chuỗi gia strij du lịch nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu long giai đoạn 2020-030.

Tiêu chí phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững

PGS.TS. Phạm Trương Hoàng
Trưởng Khoa Du lịch và Khách sạn, Trường ĐH Kinh tế quốc dân

Tóm tắt

Du lịch nông nghiệp, nông thôn là loại hình du lịch được quan tâm phát triển ở nhiều quốc gia trong thời gian gần đây, đặc biệt là tại các nước đang phát triển như Việt Nam. Phát triển du lịch nông nghiệp luôn cần được đặt trong khuôn khổ phát triển bền vững. Bài báo này khung lý thuyết, phương pháp tiếp cận và đề xuất những tiêu chí đánh giá phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững. Đây là là cơ sở để định hướng, thúc đẩy, hỗ trợ và giám sát sự phát triển của các điểm du lịch nông nghiệp, nông thôn nói chung tại Thành phố Hà Nội cũng như tại Việt Nam.

1. Khái niệm về du lịch nông nghiệp, du lịch nông thôn

Du lịch nông nghiệp, nông thôn là loại hình du lịch không chỉ là một loại hình du lịch có nhiều tiềm năng phát triển mà còn là loại hình du lịch có nhiều đóng góp cho những mục tiêu phát triển bền vững. Du lịch nông nghiệp, nông thôn được biết tới từ đầu những năm của thế kỷ trước nhưng mới thực sự được quan tâm thúc đẩy phát triển trên phạm vi toàn thế giới trong khoảng vài thập kỷ trở lại đây (Arroyo và cộng sự 2013). Lĩnh vực nghiên cứu về loại hình du lịch, vì thế cũng mới được thúc đẩy trong thời gian này và còn đang được tiếp tục mở rộng nghiên cứu (Babieri 2014).

Về góc độ khái niệm, du lịch nông nghiệp và nông thôn về cơ bản là tương đồng liên quan tới hoạt động du lịch nhưng cũng có những điểm khác biệt, từ góc nhìn về mục tiêu và phạm vi của hoạt động này. Ngay bản thân các định nghĩa về du lịch nông nghiệp và du lịch nông thôn cũng khá đa dạng và có những khác biệt nhất định, từ góc nhìn phân tích của các nhà nghiên cứu khác nhau (Arroyo và cộng sự 2013).

Một khái niệm về du lịch nông thông được biết tới khá phổ biến là khía niệm của Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO). Du lịch nông thôn (rural tourism), được UNWTO (2023) xác định là tại các địa điểm nông thôn (khu vực ngoài đô thị) với những đặc trưng cơ bản là: "(i) mật độ dân số thấp, ii) cảnh quan và việc sử dụng đất chủ yếu là nông nghiệp và lâm nghiệp và iii) cấu trúc xã hội và lối sống truyền thống". Các hoạt động du lịch nông thôn có các hoạt động trải nghiệm của khách

du lịch "liên quan đến nhiều loại sản phẩm thường liên quan đến các hoạt động dựa vào thiên nhiên, nông nghiệp, lối sống/văn hóa nông thôn, câu cá và tham quan" (UNWTO 2023).

Du lịch nông nghiệp, nhìn chung nhấn mạnh vào trải nghiệm nông nghiệp. Theo đó, "du lịch nông nghiệp (agrotourism), được định nghĩa là các hoạt động giáo dục (educational) và giải trí (recreation) được cung cấp tại các trang trại đang hoạt động" (Babieri 2014) hay được mở rộng ra là "các hoạt động liên quan đến nông nghiệp (farming) được thực hiện tại một trang trại (farm) đang hoạt động hoặc các cơ sở nông nghiệp khác nhằm mục đích giải trí hoặc giáo dục" (Arroyo và cộng sự 2013). Hoạt động du lịch nông nghiệp gắn liền với những hoạt động sản xuất nông nghiệp tại các khu vực sản xuất nông nghiệp đang hoạt động. Các hoạt động du lịch nông nghiệp làm giầu thêm hiểu biết, kiến thức và kinh nghiệm sống từ những hoạt động nông nghiệp. Địa điểm của du lịch nông nghiệp được các học giả thống nhất là tại những nơi có hoạt động sản xuất nông nghiệp. Nhìn chung du lịch nông nghiệp được xem như gắn liền với hoạt động sản xuất nông nghiệp trong khi du lịch nông thôn gắn liền với địa điểm tổ chức hoạt động du lịch là nông thôn và các trải nghiệm cũng ngày càng đa dạng, từ cảnh quan nông thôn, cảnh quan các khu vực liên quan tới các giá trị văn hóa, sinh hoạt cộng đồng nông thôn tại điểm du lịch (Sharpley and Lesley, 2004. Ecker và cộng sự, 2010). Trong phạm vi nghiên cứu này, hoạt du lịch nông nghiệp được xem là một phần trong hoạt động du lịch tại một điểm du lịch nông thôn.

2. Phát triển bền vững du lịch Du lịch nông nghiệp và du lịch nông thôn

Phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn cũng như các loại hình du lịch khác, trước hết chịu tác động của các nhân tố phát triển du lịch tại điểm đến du lịch đó cũng như năng lực cạnh tranh của điểm đến du lịch với các điểm đến du lịch khác. Các điều kiện này bao gồm các yếu tố về kinh tế xã hội, chính sách, các nhân tố phát triển ngành du lịch và doanh nghiệp du lịch. Để phát triển một điểm đến du lịch nông thôn, cần một hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng tại điểm du lịch, hệ thống các dịch vụ du lịch, tài nguyên du lịch nông nghiệp, nông thôn cũng như các điều kiện tích hợp phát triển du lịch và hỗ trợ, nghiên cứu thị trường và marketing cũng như điều kiện phát triển mạng lưới, cụm du lịch (Ecker và cộng sự, 2010). Có thể tổng hợp các yếu tố này bao gồm:

- Cơ sở hạ tầng: giao thông (khả năng tiếp cận), hệ thống điện nước, thông tin liên lạc, điều kiện kinh tế xã hội nói chung.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch: hệ thống lưu trú, ăn uống, dịch vụ phục vụ du lịch…

- Các nguồn lực cho phát triển du lịch: lao động, công nghệ thông tin, an ninh an toàn…

- Tài nguyên du lịch nông nghiệp: cảnh quan, nghề sản xuất nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp (và mở rộng ra là tài nguyên du lịch nông thôn với truyền thống, văn hóa…)

- Chính sách của nhà nước: ưu tiên phát triển du lịch, mức độ mở của nền kinh tế, môi trường, cạnh tranh về giá…

- Marketing và liên kết: khả năng liên kết với các điểm du lịch trong khu vực, thương hiệu, marketing và nghiên cứu thị trường

(Nguồn: Phát triển của tác giả từ WEF (2019), Ecker và cộng sự (2010)).

Các điều này có mối quan hệ qua lại với nhau và có mức độ quan trọng khác nhau. Có khá nhiều nghiên cứu cố gắng chỉ ra mức độ quan trọng của các yếu tố này trong phát triển du lịch nói chung cũng như phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn nói riêng. Một trong những nghiên cứu được nhắc tới nhiều với kết quả nghiên cứu được sử dụng khá phổ biến là đánh giá của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum) với báo cáo thường niên về sức cạnh tranh của điểm đến. Tuy vậy, việc đánh giá này vẫn luôn được các học giả tiếp tục nghiên cứu theo sự thay đổi của xã hội. Đặc biệt, khi đặt trong yêu cầu phát triển bền vững, những chi tiểu phát triển điểm du lịch nông nghiệp, nông thôn lại càng cần thiết.

3. Các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển của điểm du lịch nông nghiệp, nông nghiệp

Phát triển bền vững du lịch nông nghiệp, nông thôn là mối quan tâm lớn của những người nghiên cứu và xây dựng chính sách. Thực tế là không chỉ riêng đối với hoạt động du lịch nông nghiệp chi tiêu phát triển du lịch bền vững nói chung đã được xem xét từ lâu và thường xuyên được cập nhật với những yêu cầu mới trong phát triển bền vững cũng như trong sự phát triển của du lịch, của xã hội nói chung. Các chi tiêu phát triển du lịch bền vững cũng được sử dụng làm cơ sở để xây dựng và phát triển các chỉ tiêu phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn bền vững (Park và Yoon 2011).

Các chỉ tiêu phát triển du lịch bền vững tại các nước đang phát triển của UNWTO (2013)

UNWTO (2013) đã xây dựng hướng dẫn đánh giá phát triển du lịch bền vững cho các nước đang phát triển thông qua việc cụ thể hóa 12 mục tiêu phát triển du lịch bền vững do UNWTO và UNEP (2005) xây dựng. Các trụ cột cho phát triển du lịch bền vững bao gồm

Bảng 1: Các trụ cột cho phát triển du lịch bền vững của UNWTO (2013)

Các trụ cột cho phát triển du lịch bền vững / Số chỉ tiêu có thể đo lường	**Các mục tiêu phát triển du lịch bền vững theo UNWTO và UNEP (2005)**
1. Chính sách và quản trị du lịch 1.1 Vị trí của du lịch trong các chính sách và chương trình phát triển / 8 chỉ tiêu 1.2 Chính sách du lịch và khung pháp lý / 18 chỉ tiêu 1.3 Quản trị du lịch và thiết lập thể chế / 23 chỉ tiêu	Tất cả 12 mục tiêu

2. Hiệu quả kinh tế, đầu tư và năng lực cạnh tranh 2.1 Đo lường du lịch và đóng góp của nó cho nền kinh tế / 9 chỉ tiêu 2.2 Thương mại, đầu tư và môi trường kinh doanh / 14 chỉ tiêu 2.3 Thương hiệu, tiếp thị và định vị sản phẩm / 8 chỉ tiêu 2.4 Khả năng phục hồi, bảo mật và quản lý rủi ro / 4 chỉ tiêu	1. Tính khả thi về kinh tế 2. Sự thịnh vượng của địa phương 5. Sự hài lòng của khách truy cập
3. Việc làm, việc làm bền vững và nguồn nhân lực 3.1 Hoạch định nguồn nhân lực và điều kiện làm việc / 10 chỉ tiêu 3.2 Đánh giá kỹ năng và cung cấp đào tạo / 14 chỉ tiêu	3. Chất lượng việc làm
4. Giảm nghèo và hòa nhập xã hội 4.1 Cách tiếp cận tổng hợp để giảm nghèo thông qua du lịch / 9 chỉ tiêu 4.2 Tăng cường các sáng kiến du lịch vì người nghèo / 10 chỉ tiêu 4.3 Sự hòa nhập của các nhóm thiệt thòi trong ngành du lịch / 7 chỉ tiêu 4.4 Ngăn chặn các tác động xã hội tiêu cực / 8 chỉ tiêu	2. Sự thịnh vượng của địa phương 4. Công Bằng Xã Hội 6. Kiểm soát cục bộ 7. An sinh cộng đồng
5. Tính bền vững của môi trường tự nhiên và văn hóa 5.1 Liên hệ du lịch với di sản văn hóa và thiên nhiên / 7 chỉ tiêu 5.2 Tập trung vào biến đổi khí hậu / 6 chỉ tiêu 5.3 Nâng cao tính bền vững của hoạt động và phát triển du lịch / 11 chỉ tiêu 5.4 Đo lường và giám sát tác động du lịch / 5 chỉ tiêu	8. Sự phong phú về văn hóa 9. Toàn vẹn về thể chất 10. Đa dạng sinh học 11. Hiệu quả tài nguyên 12. Môi trường trong sạch

Nguồn: tổng hợp của tác giả từ UNWTO (2013)

Công cụ hướng dẫn này của UNWTO (2013) khá chi tiết nhưng do số lượng các chỉ tiêu quá lớn nên không dễ áp dụng trong thực tế.

Các chỉ tiêu phát triển du lịch nông nghiệp bền vững của Park và Yoon (2011)

Park và Yoon (2011) chỉ ra sự phức tạp trong việc xác định chỉ tiêu đo lường

Bảng 2: Các chỉ tiêu đánh giá phát triển du lịch bền vững của Park và Yoon (2011)

Khía cạnh đánh giá / trọng số	**Chỉ tiêu**
1. Chất lượng dịch vụ / 0,22 1.1. Khả năng tiếp cận / 0,31 1.2. Sự tiện lợi / 0,5	 ● Hệ thống đặt chỗ trên web ● Đúng với sách hướng dẫn du lịch và bản đồ du lịch của khách ● Có bảng chỉ dẫn đường trong phạm vi 5km ● Tỷ lệ hộ gia đình có danh mục chăn ga gối đệm

	● Sử dụng thẻ tín dụng để trả phí ● Số người đã tham gia các bài giảng về du lịch nông thôn
2. Cơ sở vật chất kỹ thuật / 0,12 2.1. Lưu trú / 0,27 2.2. Trang thiết bị hỗ trợ / 0,16 2.3. Môi trường / 0,35	● Tỷ lệ phòng cách ly với gia đình chủ nhà ● căn nhà ● Tỷ lệ phòng có nhà vệ sinh dội nước ● Tỷ lệ phòng có bồn tắm đứng ● Phòng họp cho khoảng 20 người ● Bãi đậu xe trên 20 xe ● Hệ thống xử lý rác thải trong cộng đồng của họ
3. Hệ thống quản lý / 0,2 3.1. Cộng đồng lập kế hoạch / 0,12 3.2. Hợp tác kinh doanh cộng đồng / 0,20 3.3. Quản lý của cộng đồng / 0,25 3.4. Kinh doanh du lịch / 0,23	● Kế hoạch cộng đồng dài hạn cho những năm gần nhất ● Gây quỹ trên cộng đồng của họ ● Số chuyên gia tư vấn phát triển du lịch ● Lễ hội cộng đồng ● Tỷ lệ chủ hộ có nhật ký quản lý du lịch ● Cộng đồng doanh nghiệp chế biến giá trị gia tăng ● Bán hàng trên Internet cho các sản phẩm của chính họ, cộng đồng của họ ● Biên bản và sổ sách tài khoản cho các cuộc họp hội đồng cộng đồng ● Tuyên truyền trong vòng ba năm gần nhất ● Tổ chức và tham gia hội đồng phát triển du lịch địa phương ● Ban hành thỏa thuận cộng đồng ● Tỷ lệ chủ hộ tham gia kinh doanh du lịch cộng đồng ● Nhân viên toàn thời gian để quản lý kinh doanh du lịch của họ ● Bảo hiểm cho du khách ● Xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng
4. Kết quả của hoạt động du lịch / 0,19 4.1. Sự hài lòng / 0,66	

4.2. Thu nhập và tổng doanh thu / 0,22	• Sự hài lòng của cư dân • Sự hài lòng của du khách • Tỷ lệ khách đến ngày càng tăng • Tăng tỷ lệ bán hàng trực tiếp • Số lượng một công ty một liên kết làng • Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên mỗi hỗ trợ của chính phủ

Nguồn: Tổng hợp từ Park và Yoon (2011).

Bộ tiêu chí đề xuất của Park and Yoon (2011) được xây dựng trên phương pháp khoa học từ thực tế nghiên cứu tại Hàn Quốc. Các tiêu chi đưa ra khá dễ sử dụng và đánh giá cùng với điểm trọng số đã được nghiên cứu. Nhược điểm của nghiên cứu này là bộ chỉ tiêu được sử dụng đối với các điểm du lịch đã hoạt động, không thể đánh giá được các điểm du lịch mang tính tiềm năng, chưa đi vào hoạt động.

Bộ chỉ tiêu đánh giá làng du lịch bền vững của UNWTO (2022)

Những tiêu chí của UNWTO hướng tới mục tiêu phát triển du lịch nông nghiệp trong dài hạn, hướng tới 12 mục tiêu là:

1. Giảm bất bình đẳng khu vực về thu nhập và phát triển,

2. Chống giảm dân số ở nông thôn,

3. Tiến tới bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và thanh niên,

4. Thúc đẩy chuyển đổi nông thôn và tăng cường sức kéo,

5. Tăng cường quản trị đa cấp, quan hệ đối tác và sự tham gia tích cực của cộng đồng (hợp tác công-tư-cộng đồng),

6. Cải thiện kết nối, cơ sở hạ tầng, khả năng tiếp cận tài chính và đầu tư,

7. Nâng cao cao đổi mới và số hóa,

8. Đổi mới trong phát triển sản phẩm và liên kết chuỗi giá trị,

9. Thúc đẩy mối quan hệ giữa hệ thống lương thực bền vững, công bằng và linh hoạt với du lịch để bảo tồn đa dạng sinh học, đa dạng sinh học nông nghiệp, di sản văn hóa và ẩm thực địa phương,

10. Thúc đẩy việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa.

11. Thúc đẩy các hoạt động bền vững để sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn và giảm phát thải và chất thải,

12. Tăng cường giáo dục và phát triển kỹ năng.

UNWTO (2022) đã phát triển một bộ tiêu chí đánh giá điểm du lịch nông nghiệp nhằm khuyến khích và quảng bá các điểm du lịch nông nghiệp trên thế giới, với 9 nhóm yếu tố bao gồm với các chỉ tiêu đo lường tương ứng, cụ thể như sau:

Bảng 3: Tiêu chí đánh giá làng du lịch bền vững theo UNWTO (2022)

Tiêu chí	**Chỉ tiêu đo lường**
1. Tài nguyên tự nhiên và văn hóa	1.1. Tài nguyên văn hóa được công nhận (cả vật thể và phi vật thể). 1.2. Tài nguyên thiên nhiên.
2. Phát huy và Bảo tồn Tài nguyên Văn hóa	2.1. Làng phổ biến và/hoặc thúc đẩy các chính sách, biện pháp và sáng kiến nhằm bảo tồn và phát huy các nguồn tài nguyên văn hóa của làng.
3. Bền vững về kinh tế	3.1. Làng phổ biến và/hoặc thúc đẩy các chính sách, biện pháp và sáng kiến hỗ trợ tiếp cận nguồn tài chính cho phát triển du lịch và đầu tư du lịch. 3.2. Làng phổ biến và/hoặc thúc đẩy một khuôn khổ có lợi cho phát triển kinh doanh, đặc biệt là cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME) du lịch và tinh thần kinh doanh.
4. Bền vững về xã hội	4.1. Làng phổ biến và/hoặc thúc đẩy các chính sách, biện pháp và sáng kiến nhằm thúc đẩy việc làm trong lĩnh vực du lịch. 4.2. Làng phổ biến và/hoặc thúc đẩy các chính sách, biện pháp và sáng kiến nhằm thúc đẩy cân bằng giới tính trong du lịch và hỗ trợ phát triển kỹ năng, việc làm và tinh thần kinh doanh của thanh niên (17-29 tuổi). 4.3. Làng phổ biến và/hoặc thúc đẩy các chính sách, biện pháp và sáng kiến nhằm tạo cơ hội cho các nhóm dân số dễ bị tổn thương trong du lịch: tức là những cư dân ít được đại diện từ các nhóm dân tộc thiểu số bản địa và người khuyết tật. 4.4. Làng phổ biến và/hoặc thúc đẩy các chính sách, biện pháp và sáng kiến về phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và kỹ năng, đặc biệt tập trung vào việc thúc đẩy đổi mới và giảm khoảng cách kỹ năng kỹ thuật số trong ngành du lịch. 4.5. Làng phổ biến và/hoặc thúc đẩy các chính sách, biện pháp và sáng kiến để nâng cao khả năng tiếp cận cho khách du lịch với các yêu cầu tiếp cận cụ thể.
5. Bền vững về môi trường	5.1. Làng phổ biến và/hoặc thúc đẩy các chính sách, biện pháp và sáng kiến để bảo tồn và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. 5.2. Làng phổ biến và/hoặc thúc đẩy các chính sách, biện pháp và sáng kiến nhằm chống biến đổi khí hậu. 5.3. Làng phổ biến và/hoặc thúc đẩy các chính sách, biện pháp và sáng kiến nhằm giảm nhựa sử dụng một lần trong du lịch. 5.4. Làng phổ biến và/hoặc thúc đẩy các chính sách, biện pháp và sáng kiến, để giám sát và giảm tác động của du lịch đối với việc tiêu thụ nước và tạo ra nước thải và chất thải rắn.
6. Phát triển du lịch và liên kết chuỗi giá trị	6.1. Làng được tích hợp vào một khu vực có nhiều điểm thu hút du lịch hơn (ví dụ: là một phần của tuyến đường chuyên đề cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế, của một cụm làng có các giá trị văn hóa và tự nhiên chung, công viên tự nhiên, v.v.). 6.2. Làng có các lựa chọn chỗ ở phản ánh các giá trị nông thôn và địa phương. 6.3. Làng quảng bá ẩm thực địa phương và văn hóa ẩm thực địa phương. 6.4. Làng thúc đẩy sự tham gia của nông dân, nhà sản xuất địa phương (thủ công mỹ nghệ, v.v.) vào du lịch, các sản phẩm, hoạt động và trải nghiệm liên

	quan đến truyền thống địa phương và tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch mua hàng. 6.5. Làng thực hiện hoặc ủng hộ việc thực hiện các tiêu chuẩn và hệ thống chứng nhận chất lượng du lịch trong các doanh nghiệp du lịch và các nhà cung cấp dịch vụ. 6.6. Các doanh nghiệp trong làng có các phương tiện thương mại điện tử và/hoặc thanh toán điện tử. 6.7. Làng có bảng chỉ dẫn du lịch. 6.8. Làng có khả năng tổ chức các sự kiện và/hoặc đã phát triển các sự kiện liên quan, đặc biệt liên quan đến văn hóa, kiến thức và sản phẩm địa phương. 6.9. Làng có/tham gia vào các kế hoạch/sáng kiến tiếp thị và quảng bá. 6.10. Ưu đãi du lịch làng được thể hiện tốt trong các kênh phân phối du lịch trực tuyến và ngoại tuyến. 6.11. Làng phát huy và có những sản phẩm, kinh nghiệm sáng tạo. 6.12. Du lịch mang lại tác động kinh tế tích cực cho cộng đồng, bổ sung cho các hoạt động kinh tế hiện có như nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và/hoặc thủy sản và các ngành công nghiệp chế biến liên quan.
7. Quản trị và ưu tiên du lịch	7.1. Làng có cấu trúc/khu vực dành riêng cho phát triển và quản lý du lịch (nhà nước/công tư hoặc tư nhân). 7.2. Làng phổ biến và/hoặc thúc đẩy hợp tác với các doanh nghiệp trong làng 7.3. Làng hợp tác với chính quyền quốc gia hoặc khu vực về các sáng kiến du lịch. 7.4. Làng phổ biến và/hoặc thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và người dân trong việc lập kế hoạch và phát triển du lịch; và có các biện pháp góp phần giúp du lịch cải thiện phúc lợi và sự hài lòng của người dân địa phương. 7.5. Làng hợp tác với các tổ chức giáo dục và học thuật.
8. Cơ sở hạ tầng và kết nối	8.1. Làng có cơ sở hạ tầng giao thông đầy đủ để tạo điều kiện kết nối. 8.2. Làng có đầy đủ công nghệ truyền thông và cơ sở hạ tầng kỹ thuật số.
9. Sức khỏe, An toàn và An ninh	9.1. Làng có/là một phần của kế hoạch/hệ thống y tế, an toàn và an ninh công cộng. 9.2. Làng có/gần với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. 9.3. Trong trường hợp dễ bị tổn thương trước thiên tai, thôn có/nằm trong kế hoạch khẩn cấp.

Nguồn: UNWTO (2022)

Có thể thấy đề xuất các tiêu chí của UNWTO (2022) khá toàn diện với bộ tiêu chí cụ thể, có thể áp dụng với các điểm du lịch khác nhau. Tuy vậy sự toàn diện của bộ tiêu chí này cũng đưa ra vấn đề về việc sử dụng các chi tiêu này tại Việt Nam thế nào cho phù hợp. Bên cạnh đó, trọng số của các chỉ tiêu này cũng không được UNWTO (2022) công bố gây khó khăn cho việc đánh giá tổng thể. Chương trình đánh giá các làng du lịch bền vững của UNWTO mới được triển khai chưa lâu và số lượng các làng được đánh giá chưa nhiều. Điều này gợi ý rằng hệ thống chi tiêu yêu cầu tuy rất toàn diện nhưng có thể chưa thực sự phù hợp với những làng

du lịch đang trong quá trình hình thành và phát triển cũng như đang hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Trong điều kiện Hà Nội đang xây dựng đề án phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn nhằm mục tiêu xác định tiềm năng, đánh giá mức độ phát triển và phát triển bền vững của các điểm du lịch nông thôn và từ đó có những chính sách định hướng phát triển, việc áp dụng nguyên bộ tiêu chí của UNWTO có thể gặp khó khăn.

4. Đề xuất xây dựng các chỉ tiêu đánh giá phát triển điểm du lịch nông nghiệp, nông thôn bền vững

Theo các phương pháp đánh giá phổ biến, việc xác định các chỉ tiêu đánh giá phát triển điểm du lịch nông thôn được căn cứ vào hai vấn đề đó là (1) Các tiêu chí đánh giá và (2) Mức độ quan trọng của các tiêu chí. Phương pháp phổ biến được thực hiện là phương pháp cho điểm.

Xây dựng các tiêu chí đánh giá

Dựa trên tổng hợp các nghiên cứu ở trên, nghiên cứu này đề xuất sử dụng các hướng dẫn về phát triển làng du lịch bền vững của UNWTO (2022) để xây dựng các tiêu chí phát triển điểm du lịch nông thôn tại Việt Nam. Tuy vậy cần có những điều chỉnh cần thiết để hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu áp dụng phù hợp với các điểm du lịch tại Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng.

Xác định mức độ quan trọng (trọng số) của các tiêu chí, chỉ tiêu

Hướng dẫn của UNWTO (2022) không chỉ ra trọng số cho các tiêu chí, chỉ tiêu phát triển du lịch nông thôi. Điều này đòi hỏi cần có những nghiên cứu, phương pháp thích hợp nhằm xác định trọng số này. Thực tế cho thấy việc xác định trọng số gặp phải những khó khăn nhất định khi trọng số được xây dựng có thể khác nhau giữa các địa phương (điểm đến du lịch), khác nhau theo thời điểm hoặc theo đối tượng đánh giá. Điều này đòi hỏi sự thống nhất trong phương pháp trong đó phương pháp chuyên gia được ưu tiên./.

Tài liệu tham khảo

Ecker, S, Clarke, R, Cartwright, S, Kancans, R, Please, P and Binks, B (2010). *Drivers of regional agritourism and food tourism in Australia.*

Lane, B. (1994). What is rural tourism?, *Journal of Sustainable Tourism*, 2:1-2, 7-21

Mercedes, Marzo-Navarro; Pedraja-Iglesias, Marta; Vinzón, Lucia (2015). Sustainability indicators of rural tourism from the perspective of the residents. *Tourism Geographies*, 1–17. doi:10.1080/14616688.2015.1062909

Miller G. 2001. The development of indicators for sustainable tourism: results of a Delphi survey of tourism researchers. *Tourism Management* 22(4): 351–362.

Park, Duk-Byeong; Yoo-Shik Yoon (2011). Developing sustainable rural tourism evaluation indicators. *International Journal of Tourism Research*, 13(5), 401–415. doi:10.1002/jtr.804

Sharpley, R, Lesley, R (2004), Rural Tourism - 10 Years On. International Journal of Tourism Research, 6, 119–124.

Schianetz K, Kavanagh L. 2008. Sustainability indicators for tourism destinations: a complex adaptive systems approach using systemic indicator systems. *Journal of Sustainable Tourism* 16(6): 601–628.

UNWTO (The World Tourism Organization). 2004. *Indicators of Sustainable Development for Tourism Destinations: A Guidebook*. WTO: Madrid.

UNWTO (2013). *Sustainable Tourism for Development Guidebook: Enhancing capacities for Sustainable Tourism for development in developing countries*. UNWTO

UNWTO (2023). Rural Tourism. UNWTO (https://www.unwto.org/rural-tourism, truy cập 18/2/2023

UNWTO and UNEP (2005). *Making Tourism More Sustainable: A Guide for Policy Makers*, UNWTO, Madrid and UNEP, Paris

WEF (2022). *The Travel & Tourism Competitiveness Report 2019*. WEF

PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ThS. Vũ Thị Thanh Như

Hội khoa học kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Nông nghiệp là một trong những ngành nền tảng cổ xưa nhất của nền kinh tế thế giới, trong khi đó du lịch được xem là một trong những ngành kinh tế mới của xã hội hiện đại. Đặc biệt ở một nước đang phát triển với trên 70% diện tích đất nông nghiệp như Việt Nam thì nông nghiệp vẫn được duy trì như một nguồn sinh kế quan trọng đối với đất nước. Bên cạnh đó, trước tác động của dịch bệnh COVID-19, du khách ngày càng lựa chọn du lịch chăm sóc sức khỏe, những điểm đến có môi trường tốt, điểm đến đảm bảo các tiêu chí bền vững. Bởi vậy, việc đầu tư cho phát triển du lịch nông nghiệp bền vững, khai thác tài nguyên du lịch có trách nhiệm, phát triển kinh tế du lịch ở địa phương bền vững… sẽ là xu hướng tất yếu và là một trong những giải pháp đem lại lợi ích kép thúc đẩy xây dựng nông thôn mới, hình thành cơ sở kinh tế dịch vụ tại khu vực nông thôn, đem lại sinh kế cho người nông dân, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền

thống, cảnh quan môi trường sinh thái và hỗ trợ ngược lại cho sự phát triển xanh, đa dạng và bền vững cho các vùng nông thôn trên cả nước.

Với những ưu thế đó, trong vài năm trở lại đây, nhờ có những chủ trương chính sách đúng đắn phù hợp của Đảng, Nhà nước, UBND thành phố Hà Nội cùng với sự quyết tâm đồng lòng chung sức phấn đấu vươn lên của bà con nông dân nên du lịch nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có những kết quả đáng ghi nhận. Cụ thể trên địa bàn thành phố đã hình thành nhiều mô hình trang trại sinh thái nông nghiệp gắn với du lịch, giáo dục; tiêu biểu như: Khu du lịch sinh thái Bản Rõm xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn; Làng văn hóa ẩm thực Nắng sông Hồng, Khu du lịch sinh thái Bảo Sơn… Ngoài ra tại các huyện Thanh Trì, Hoài Đức, Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn, Thạch Thất xuất hiện ngày càng nhiều mô hình trang trại nông nghiệp kết hợp với du lịch, hấp dẫn du khách bởi những vườn cây trĩu quả, giúp ta gợi nhớ về miệt vườn Tây Nam Bộ giữa lòng Hà Nội.

Tuy nhiên, du lịch nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay chủ yếu mang tính tự phát, chất lượng dịch vụ hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp, cũng như chưa có căn cứ cụ thể để định hướng phát triển cũng như tiêu chí đánh giá về các điểm đến du lịch nông nghiệp. Bài viết này nhằm ***"Đề xuất xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá về du lịch nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững"*** là cơ sở để định hướng phát triển du lịch nông nghiệp trên địa bàn thành phố theo hướng chú trọng giảm thiểu các tác động tiêu cực của hoạt động du lịch đối với môi trường, xã hội, kinh tế; đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của các điểm du lịch thông qua việc tránh lãng phí điện, nước, nhân công; đáp ứng nhu cầu của thị trường khách du lịch đang có xu hướng quan tâm đến môi trường, văn hóa địa phương và nâng cao khả năng cạnh tranh giữa các điểm du lich trước bối cảnh cạnh tranh về du lịch ngày càng gay gắt như hiện nay.

2. Một số lý luận về Du lịch nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững

* Du lịch nông nghiệp

Du lịch nông nghiệp là hoạt động mời công chúng vào một trang trại để tham gia vào những hoạt động khác nhau và trải nghiệm những hoạt động nông nghiệp. Những hoạt động du lịch nông nghiệp bao gồm ăn ở, câu cá, săn bắn, tự hái hoa quả, trồng lúa, trồng ngô,..."

Du lịch nông nghiệp là một hình thức kinh doanh thương mại, liên kết sản xuất và (hoặc) chế biến nông sản với du lịch để thu hút du khách vào nông trại, trang trại hoặc các cơ sở kinh doanh nông nghiệp khác với mục đích giải trí và

(hoặc) giáo dục cho du khách và tạo thu nhập cho trang trại, trang trại hoặc chủ doanh nghiệp (The National Agricultural Law Center, 2022).

*** Du lịch xanh và du lịch bền vững**

Du lịch xanh được hiểu là sự cam kết của tất cả các bên liên quan đến du lịch, bao gồm cả nhà nước và tư nhân, thực hiện việc giảm thiểu chi phí và tối ưu hóa lợi ích cho môi trường tự nhiên, cộng đồng địa phương, người lao động và doanh nghiệp du lịch và được thực hiện trong một thời gian dài mà không ảnh hưởng tiêu cực đến tài nguyên.

Khái niệm "du lịch bền vững" (Sustainable Tourism) xuất hiện năm 1996, được nhiều quốc gia và hiệp hội du lịch lớn trên thế giới ủng hộ. "Du lịch bền vững là việc di chuyển và tham quan đến các vùng tự nhiên một cách có trách nhiệm với môi trường để tận hưởng và đánh giá cao tự nhiên, các đặc điểm văn hóa kèm theo (có thể là cả trong quá khứ và hiện tại) theo cách khuyến cáo về bảo tồn, có tác động thấp từ du khách và mang lại những lợi ích cho sự tham gia chủ động về kinh tế - xã hội của cộng đồng địa phương." (World Conservation Union, 1996).

Khái niệm về PTDLBV ở Việt Nam đã được đưa ra trong Luật Du lịch Việt Nam 2014: "PTDLBV là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai."

Như vậy có thể hiểu: "Du lịch nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững là hình thức kinh doanh thương mại dịch vụ diễn ra tại các đơn vị đang tiến hành sản xuất nông nghiệp như hộ nông dân, trang trại, HTX, doanh nghiệp nhằm thu hút và cung cấp cho khách các dịch vụ tham quan, trải nghiệm, giáo dục, vui chơi, rèn luyện với các hoạt động nông nghiệp từ đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai".

**** Vai trò của du lịch nông nghiệp***

+ Du lịch gắn với nông nghiệp mang lại nhiều lợi ích cho cả nông nghiệp, du lịch, người dân vùng nông thôn. Sự kết hợp này có thể góp phần đa dạng hóa các hoạt động thương mại, giải quyết các vấn đề đầu ra nông sản.

+ Tour du lịch nông nghiệp còn hỗ trợ tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nông dân. Đặc biệt, vào những thời điểm mùa màng kém hoặc không phải vụ thu hoạch, sự có mặt của du khách sẽ giúp cải thiện thu nhập các trang trại.

+ Du lịch nông nghiệp tại Việt Nam hỗ trợ duy trì và quảng bá đời sống nông thôn, nâng cao ý thức về phong tục tập quán cũng như bảo tồn các phương thức canh tác truyền thống của địa phương.

3. Một số cơ sở thực tiễn về xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phát triển DLNN theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trong và ngoài nước

Trên thế giới Hội đồng du lịch toàn cầu (GSTC) đã xây dựng ra các bộ chỉ số bền vững trong phát triển du lịch. Bộ tiêu chí này gồm 4 nhóm chỉ số đó là: (i) Chứng minh việc quản lý bền vững hiệu quả; (ii) Tối đa hóa các lợi ích kinh tế xã hội cho cộng đồng địa phương và tối thiểu hóa các tác động có hại; (iii) Tối đa hóa lợi ích cho di sản văn hóa và tối thiểu hóa các tác động có hại; và (iv) Tối đa lợi ích cho môi trường và tối thiểu hóa tác động có hại. Manning, E. W. (1996)

Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) xây dựng bộ tiêu chí gồm 9 tiêu chí để đánh giá bình chọn 'Làng du lịch tốt nhất' thế giới. Cụ thể các tiêu chí bao gồm: Tài nguyên văn hóa và thiên nhiên; Quảng bá và Bảo tồn Tài nguyên Văn hóa; Kinh tế bền vững; Bền vững xã hội; Môi trường bền vững; Phát triển du lịch và liên kết chuỗi giá trị; Quản trị và ưu tiên du lịch; Cơ sở hạ tầng và kết nối; Sức khỏe, An toàn và An ninh

Tại Việt Nam phải kể đến bộ tiêu chí và Chỉ số du lịch bền vững từ Chương trình Du lịch bền vững Thụy Sỹ (SSTP). Bộ Tiêu chí và Chỉ số du lịch bền vững gồm 6 bộ tiêu chí riêng tương ứng với 6 nhóm đối tượng kinh doanh du lịch chuyên biệt: (i) Tiêu chí du lịch bền vững cho doanh nghiệp lữ hành; (ii) Tiêu chí du lịch bền vững cho cơ sở lưu trú vừa và nhỏ; (iii) Tiêu chí và Chỉ số du lịch bền vững áp dụng cho các điểm tham quan vừa và nhỏ; (iv) Tiêu chí và Chỉ số du lịch bền vững cho du lịch dựa vào cộng đồng; (v) Tiêu chí và Chỉ số du lịch bền vững áp dụng cho lưu trú tại nhà dân (Homestay); Tiêu chí du lịch bền vững cho nhà nghỉ sinh thái (Eco-Lodge). Nội dung trong đó xoay quanh 3 yếu tố chính là con người, thiên nhiên và lợi ích hay có thể hiểu các bộ tiêu chí xoay quanh mục tiêu bền vững về kinh tế; bền vững về môi trường và Bền vững xã hội.

Bên cạnh đó SSTP đã hỗ trợ tỉnh Quảng Nam xây dựng thành công Bộ Tiêu chí du lịch xanh. Bộ tiêu chí bao gồm 6 bộ tiêu chí dành cho 6 loại hình du lịch dịch vụ gồm: Khách sạn (9 chủ đề); Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê-Homestay (10 chủ đề); Khu nghỉ dưỡng (10 chủ đề); Doanh nghiệp lữ hành (5 chủ đề); Điểm du lịch dựa vào cộng đồng (9 chủ đề); Điểm tham quan (11 chủ đề).

Thời gian áp dụng 3 năm kể từ khi Quyết định có hiệu lực. Các chủ đề chính hướng đến như: Quản lý môi trường chung; Quản lý điện năng; nước; nước thải; chất thải rắn; chất lượng không khí và kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn; Hỗ trợ cộng đồng địa phương; Xây dựng và quản lý sản phẩm du lịch bền vững,…

UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 3928/QĐ-UBND về việc ban hành thí điểm bộ tiêu chí đánh giá điểm du lịch, khu du lịch chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 bao gồm 6 nhóm tiêu chí bao gồm: (i) Nhóm tiêu chí về tài nguyên du lịch; (ii) Nhóm tiêu chí về sản phẩm và dịch vụ; (iii) Nhóm tiêu chí về quản lý điểm đến; (iv) Nhóm tiêu chí về cơ sở hạ tầng; (v) Nhóm tiêu chí về sự tham gia của cộng đồng địa phương; (vi) Sự hài lòng của du khách.

3. Phương pháp tính toán và đề xuất các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.1. Căn cứ pháp lý để đề xuất

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội; Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 11/10/2021 của UBND Thành phố thực hiện Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về "Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025";

Căn cứ Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/9/2020 của UBND Thành phố thực hiện Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Kế hoạch số 73/KH-UBND của UBND Hà Nội ngày 04 tháng 3 năm 2022 về Phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

3.2. Phương pháp tính toán và Đề xuất các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.2.1. Phương pháp tính toán chung

Căn cứ vào các cơ sở lý luận, thực tiễn trong và ngoài nước cũng như những căn cứ pháp lý của Đảng, Nhà nước và UBND thành phố Hà Nội. Việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá điểm đến du lịch nông nghiệp hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững cần tập trung xác định các tiêu chí đánh giá điểm du lịch nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội và phù hợp với điều kiện thành phố Hà Nội và đánh giá khả năng áp dụng các tiêu chí này vào thực tế, tác giả đề xuất thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1: Lựa chọn tiêu chí đánh giá sơ bộ:

Dựa vào các cơ sở dự liệu trong nước và các nghiên cứu về tiêu chí đánh giá du lịch tăng trưởng xanh, tiêu chí du lịch bền vững trên thế giới và thực tế ở Việt Nam, để đưa ra các tiêu chí sơ bộ cho phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững thành phố Hà Nội. Theo UNDP (2010), việc lựa chọn tiêu chí cần đáp ứng đủ 3 yêu cầu: (1) thông tin định lượng tổng quát và đơn giản; (2) Phản ánh đúng lĩnh vực quan tâm; (3) Khả năng truyền đạt thông tin.

Bước 2: Sàng lọc thứ cấp:

Từ các tiêu chí sơ bộ đã đưa ra. Căn cứ vào tình hình thực tế của phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội, tiến hành điều chỉnh, loại bỏ và bổ sung các tiêu chí sao cho phù hợp với thực tiển bằng phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia.

Việc lựa chọn các tiêu chí để đánh giá phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững là một bước quan trọng. Trong nghiên cứu này, các tiêu chí lựa chọn dựa trên kinh nghiệm của các nghiên cứu trong và ngoài nước và xem xét đến tính phù hợp với điều kiện Hà Nội, bộ tiêu chí gồm 3 nhóm sau: (1) Tài nguyên du lịch; (2) Chính sách và Quản lý điểm du lịch; (3) Sản phẩm và dịch vụ du lịch; (4) Cơ sở hạ tầng; (5) Nhóm chỉ tiêu thể hiện kết quả kinh doanh du lịch nông nghiệp; (6) Sự tham gia của cộng đồng địa phương.

Bước 3: Xác định điểm cho các tiêu chí đánh giá

Căn cứ vào vai trò của các nhóm tiêu chí và các tiêu chí đánh giá đã xác định, phân bố tỷ lệ điểm đánh giá các khu du lịch, lấy thang điểm 100 cho mỗi điểm du lịch nông nghiệp. Tuy nhiên trong nghiên cứu giới hạn về thời gian nên việc xác định điểm cho các tiêu chí đánh giá sẽ không đề cập đến cụ thể.

3.2.2. Đề xuất các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội

(1) Tài nguyên du lịch

**** Sự đa dạng và tính độc đáo của tài nguyên du lich nông nghiệp***

Du lịch nông nghiệp là loại hình du lịch không cần đầu tư quá nhiều vào các hạng mục cao cấp như: bể bơi, nhà hàng, quầy bar… bởi những gì khách hàng tìm kiếm là một không gian mộc mạc, gần gũi với thiên nhiên. Họ muốn tự tay trải nghiệm cảm giác gieo trồng, tưới cây, chặt củi, nấu ăn,… trong không gian trong lành, yên bình. Sự đa dạng và tính độc đáo của tài nguyên du lich nông nghiệp được thể hiện qua sự đa dạng về các loại hình sản xuất nông nghiệp, và được thể hiện qua một số tiêu chí cụ thể:

+ Số lượng sản phẩm du lịch nông nghiệp trồng trọt (tham quan, khám phá, trải nghiệm các hoạt động sản xuất trồng trọt của người dân…)

+ Số lượng sản phẩm du lịch nông nghiệp chăn nuôi (tham quan, khám phá, trải nghiệm các hoạt động chăn nuôi …)

+ Số lượng sản phẩm du lịch nông nghiệp nuôi trồng thủy sản (tham quan, khám phá, trải nghiệm các hoạt động nuôi trồng thủy sản …)

**** Sức chứa của điểm tài nguyên du lịch nông nghiệp***

Sức chứa khách du lịch tại các điểm DLNN là khả năng tối đa có thể đón tiếp số lượng khách tại điểm đến DLNT trong cùng một thời điểm mà vẫn đảm bảo môi trường tự nhiên và các vấn đề kinh tế - xã hội đồng thời không làm giảm chất lượng và kinh nghiệm thu nhận của khách. Các chỉ tiêu cụ thể bao gồm:

+ Số du khách có thể tiếp nhận mỗi ngày (người)

+ Số du khách có thể tiếp nhận cho mỗi lượt tham quan (người)

**** Quản lý thời vụ của sản phẩm du lịch nông nghiệp***

+ Hồ sơ về số lượng khách tham quan (tốt nhất là phân loại theo độ tuổi và giới tính) trong mùa cao điểm và thấp điểm, để phân tích và xây dựng kế hoạch hành động.

+ Các sản phẩm nông nghiệp mang tính thời vụ, bởi vậy cần thiết kế/ xây dựng các hoạt động bổ sung để thu hút du khách trong các thời điểm trái mùa.

+ Hợp tác với cộng đồng địa phương và các điểm tham quan khác gần đó, để xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch độc đáo và hấp dẫn.

(2) Chính sách và Quản lý điểm du lịch

**** Chính sách du lịch theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững***

Hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững là một trong các nhiệm vụ trong tâm trong Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022.

Nhóm chỉ tiêu này được đánh giá bằng các tiêu chí cụ thể sau:

+ Có chính sách, kế hoạch cụ thể về phát triển du lịch nông nghiệp bền vững.

+ Có Tổ chức các buổi thảo luận / hội thảo để nâng cao nhận thức về chính sách du lịch bền vững của điểm tham quan cho nhân viên và các bên liên quan khác.

+ Nhân viên được đào tạo về cách thực hành du lịch bền vững tại điểm tham quan.

+ Có các bảng đặt trong điểm tham quan, để nhắc nhở nhân viên và khách du lịch bảo vệ môi trường (như bỏ rác vào thùng, không bẻ cây, gây hư hại đến thiên nhiên ...); tiết kiệm điện và nước.

**** Kế hoạch Giám sát quản lý điểm du lịch nông nghiệp***

+ Cần phân công một hoặc một vài điều phối viên/ nhân viên để kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, tiết kiệm điện, nước và quản lý chất thải.

+ Thống kê các trường hợp thiếu ý thức trong bảo vệ môi trường, tiết kiệm điện, nước và quản lý chất thải… tồn tại tại điểm du lịch nông nghiệp.

+ Có Báo cáo hàng quý hoặc nửa năm về các vấn đề môi trường (ví dụ: quản lý chất thải, nước thải) mà điểm tham quan đang phải đối mặt và giải quyết.

**** Tiếp thị và quảng bá cho du lịch***

+ Có chương trình quảng bá các sản phẩm và dịch vụ bền vững, phù hợp với hoàn cảnh sinh thái, xã hội và văn hóa nơi có điểm tham quan đang hoạt động.

+ Tập trung vào tiếp thị và truyền thông qua mạng xã hội và kỹ thuật số, thay vì các kênh tiếp thị và truyền thông truyền thống (như tờ rơi và tài liệu in quảng cáo).

**** Môi trường tự nhiên và vệ sinh chung***

+ Không khí trong lành, không bị ô nhiễm

+ Nguồn nước mặt (hồ, ao, sông, suối, đài phun nước,…) không bị ô nhiễm

+ Rác thải không bị vứt bừa bãi dọc đường giao thông, tại các điểm tham quan và các nguồn nước mặt (hồ, ao, sông, suối, đài phun nước, khu vực biển ven bờ,…)

+ Các trang thiết bị trong điểm du lịch như đèn chiếu sáng, biển báo, tượng đài, tiểu cảnh,… được làm sạch

+ Các khu vực bán sản vật, quà lưu niệm, các món ẩm thực trong khu du lịch phải đảm bảo vệ sinh môi trường chung

+ Rác thải được thu gom đúng vị trí quy định

+ Khu vực đang thi công được che chắn

**** Quản lý rác thải***

+ Có phương án đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu du lịch

+ Có hệ thống thu gom rác thải lẻ, trung bình có ít nhất 01 thùng rác có nắp đậy trên 300m dọc đường giao thông nội bộ

+ Có khu vực tập trung rác thải của cả khu du lịch

+ Có hệ thống xử lý rác thải riêng trong khu du lịch hoặc có phương tiện vận chuyển rác thải tới nơi xử lý rác của địa phương với tần suất 1 lần/ngày

**** Hệ thống nhà vệ sinh công cộng***

+ Có nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn phục vụ khách du lịch tại các khu chức năng và các điểm tham quan chính.

+ Có các buồng vệ sinh lưu động tại các khu công cộng khác

**** Môi trường xã hội***

- *Sự thân thiện của cộng đồng địa phương*

+ Cộng đồng địa phương không thực hiện các hành vi quấy nhiễu khách du lịch (đeo bám khách để bán hàng, chào mời dịch vụ…)

+ Giao tiếp, ứng xử thể hiện bản sắc văn hóa và sự văn minh của người dân địa phương

+ Sẵn sàng hỗ trợ khách du lịch (hướng dẫn, chỉ đường,….)

+ Tôn trọng văn hóa, ứng xử của khách du lịch từ các vùng miền đến với địa phương

+ Sẵn sàng giới thiệu và hướng dẫn khách du lịch hòa nhập và trải nghiệm phong cách văn hóa mang tính đặc trưng của địa phương.

- *Đối với du khách*

+ Cung cấp thông tin cho khách về văn hóa địa phương và những hành vi nên/ không nên làm khi đến thăm cộng đồng địa phương.

+ Giải thích và thuyết minh đầy đủ ý nghĩa và giá trị của điểm tham quan.

+ Xây dựng và phổ biến Quy tắc ứng xử dành cho khách du lịch khi đến thăm điểm tham quan và các khu vực tự nhiên xung quanh cũng như cộng đồng dân cư địa phương.

**** Bảo vệ môi trường***

- *Giảm sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu*

+ Có bằng chứng về việc giảm dần mức độ sử dụng các sản phẩm hóa học nhân tạo (nếu không có giải pháp thay thế).

+ Sử dụng các loại thuốc thân thiện với môi trường để chống muỗi và côn trùng (như tinh dầu sả chống muỗi).

- *Giảm ô nhiễm không khí*

+ Không được hút thuốc tại các khu vực công cộng và khu vực dành cho nhân viên.

+ Cung cấp xe đạp / xe điện hoặc thuyền chèo tay cho du khách (nếu có thể)

- *Giảm tiếng ồn*

+ Các hoạt động dịch vụ và vui chơi giải trí phải kết thúc theo quy định của địa phương và muộn nhất là trước nửa đêm.

**** An toàn và An ninh tại các điểm du lịch nông nghiệp***

Trong quá trình diễn ra hoạt động du lịch cần đảm bảo an toàn, an ninh tuyệt đối cho du khách và cả tại địa phương diễn ra hoạt động du lịch. Đảm bảo an toàn, an ninh du lịch thể hiện qua các tiêu chí:

+ Có báo cáo kiểm tra đảm bảo các thiết bị báo cháy và chữa cháy luôn sẵn sàng và trong tình trạng tốt.

+ Có kế hoạch hành động để chống lại các mối nguy hiểm liên quan đến tội phạm, an toàn và sức khỏe của khách du lịch.

+ Các bảng quy định về an toàn cháy nổ được treo ở nơi dễ thấy và nhân viên, khách du lịch được thông báo đầy đủ.

+ Khách tham quan được thông báo về những rủi ro có thể xảy ra tại điểm tham quan.

+ Luôn có nhân viên có kỹ năng sơ cứu cơ bản được đào tạo sẵn sàng giúp du khách.

(3) Sản phẩm và dịch vụ du lịch

Nhóm chỉ tiêu về sản phẩm và dịch vụ du lịch được thể hiện qua số lượng và chất lượng sản phẩm DLNN cụ thể:

**** Số lượng***

+ Số lượng mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch

+ Số lượng mô hình kinh tế trang trại kết hợp du lịch sinh thái

+ Số lượng mô hình du lịch sinh thái miệt vườn

+ Số lượng mô hình du lịch nghỉ dưỡng kết hợp "chữa lành"

**** Chất lượng sản phẩm DLNN***

Chất lượng sản phẩm DLNN được thể hiện qua mức độ hài lòng của khách du lịch đối với điểm đến và được đánh giá qua phiếu ý kiến khách hàng được thu thập phản hồi của khách tham quan về chất lượng, sự đa dạng và sự hài lòng của khách đối với điểm tham quan. Các cuộc Khảo sát đánh giá sự hài lòng, hành vi và mối quan tâm của khách tham quan đối với điểm tham quan được tiến hành hàng năm dưới nhiều hình thức online/ trực tiếp.

(4) Cơ sở hạ tầng

**** Hệ thống giao thông***

- Đường vào các điểm du lịch nông thôn có thể được kết nối trực tiếp với hệ thống giao thông quốc gia thông qua ít nhất 2 trong 4 loại hình giao thông: đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không (không phải thông qua hệ thống đường giao thông liên huyện hoặc có nhưng khoảng cách ngắn)

- Có trên 1 cửa ngõ vào điểm du lịch nông thôn. Các cửa ngõ này được phân bố từ nhiều hướng, nhiều địa phương khác nhau giáp ranh với điểm du lịch tạo điều kiện thuận lợi cho các phương tiện giao thông

- Có biển báo chỉ dẫn tiếp cận điểm du lịch bằng đường bộ, đường thủy với thiết kế rõ ràng (kích cỡ biển báo, cỡ chữ, hình ảnh thông tin, màu sắc,…), nội dung thông tin đầy đủ (nên để biển báo được diễn đạt song ngữ). Số lượng và vị trí đặt các chỉ dẫn phù hợp (có biển báo ở tất cả các ngã ba, ngã tư đường dẫn đến khu du lịch)

**** Hệ thống cung cấp điện***

- Thiết kế và lắp đặt hệ thống chiếu sáng với những trang thiết bị thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng dọc đường giao thông nội bộ, khu lưu trú, các phân khu chức năng và tất cả các điểm tham quan trong khu du lịch.

**** Hệ thống cấp – thoát nước***

- Có hệ thống nước sạch đảm bảo nhu cầu nước sạch của khách

- Có hệ thống lọc nước sạch theo tiêu chuẩn quốc tế (có thể uống ngay không cần đun sôi) phục vụ nhu cầu của khách du lịch.

- Có nước và hệ thống đường ống, vòi nước phục vụ công tác chữa cháy

- Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường

- Có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo an toàn cho môi trường

- Có quy trình xử lý nước thải để tái sử dụng cho các nhu cầu như tưới cây, vệ sinh,…

**** Hệ thống thông tin liên lạc***

- Số trạm viễn thông và lắp đặt các phương tiện thông tin hiện đại

- Đảm bảo thông tin liên lạc giữa các vùng nông thôn với các khu vực khác

- Tính thuận tiện và nhanh chóng, kịp thời đáp ứng tốt mọi yêu cầu của hoạt động du lịch.

(5) Nhóm chỉ tiêu thể hiện kết quả kinh doanh du lịch nông nghiệp

- Số lượng khách tham quan hàng tháng, quý, nửa năm và năm để phân tích, dự báo và xây dựng kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo.

- Thời gian lưu trú của khách du lịch nông thôn (số ngày/khách)

- Doanh thu từ các hoạt động và dịch vụ du lịch hàng tháng, quý, nửa năm và năm.

- Tổng nguồn thu của các cơ sở kinh doanh tại địa phương bình quân hàng năm.

- Tỷ lệ chi phí của các cơ sở kinh doanh DLNT về nhân lực/ nguyên vật liệu, năng lượng/ xúc tiến, quảng bá thông tin/ phân phối sản phẩm/ liên kết/ thuế và các khoản phí/ sửa chữa nhỏ/ khấu hao TSCĐ/ phát triển sản phẩm mới.

- Lợi nhuận thu của các cơ sở kinh doanh tại địa phương bình quân trong năm.

(6) Sự tham gia của cộng đồng địa phương

Sự tham gia của cộng đồng địa phương được thể hiện qua số lượng/ tỉ lệ lao động địa phương, đặc biệt là phụ nữ và những người có hoàn cảnh khó khan tham gia làm việc trong các mô hình du lịch nông nghiệp.

Các yếu tố quyết định đến sự tham gia của cộng đồng địa phương đó là:

+ Mức lương Trả tiền lương công bằng cho người lao động địa phương

+ Có hợp đồng lao động và thực hiện các điều khoản theo luật lao động đối với người lao động toàn thời gian.

+ Cung cấp hoặc hỗ trợ cho các khóa đào tạo nghề để nâng cao năng lực cho người lao động.

+ Cung cấp điều kiện làm việc hợp lý và phù hợp với các quy định hiện hành cho người lao động.

Kết luận

Phát triển du lịch nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững là hướng đi tất yếu đúng đắn cho Việt Nam nói chung và cho Hà Nội nói riêng và là một trong những kế hoạch trọng tâm của quốc gia đó là môi trường du lịch mà ở đó có sự thân thiện, an toàn giữa người dân và du khách; là sự cam kết của tất cả các bên liên quan, bao gồm Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Khai thác du lịch nhưng không ảnh hưởng tiêu cực đến tài nguyên, môi trường sinh thái.

Du lịch nông nghiệp tập trung khái thác nền tảng nông nghiệp và hướng vào lợi ích nông dân và cộng đồng địa phương. Thông qua các hoạt động du lịch giữ được những nét giá trị truyền thống của người nông dân Việt Nam, đa dạng nguồn thu nhập cho ngành nông nghiệp góp phần cải thiện cuộc sống cho người nông dân cũng như quảng bá sâu rộng các sản phẩm nông nghiệp tới các địa phương trong và ngoài nước. Nghiên cứu Đề xuất xây dựng Bộ tiêu chí gồm 6 nhóm tiêu chí đánh giá về du lịch nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội làm cơ sở để định hướng phát triển du lịch nông nghiệp trên địa bàn thành phố trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

[1] Manning, E. W. (1996). Carrying capacity and environmental indicators: what tourism managers need to know. WTO News, 2, 9-12.

[2] Ngô Thắng Lợi, Vũ Thành Hưởng (2015), Phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

[3] Mai Anh Vũ, Hà Thị Bích Hạnh (2022). Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch. Tạp chí Công Thương. Số Tháng 1/2022.

[4] Quốc hội (2021). Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu

[5] UBND tỉnh Quảng Nam, Quyết định số 3570/QĐ-UBND ban hành bộ tiêu chí du lịch xanh Quảng Nam Ngày 04/12/2021.

[6] UBND thành phố Hà Nội (2020). Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/9/2020 của UBND Thành phố thực hiện Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

[7] UBND thành phố Hà Nội (2021). Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 11/10/2021 của UBND Thành phố thực hiện Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về "Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025";

[8] UBND thành phố Hà Nội (2022). Kế hoạch số 73/KH-UBND của UBND Hà Nội ngày 04 tháng 3 năm 2022 về Phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN THEO HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ThS. NCS. Thái Thị Nhung
Học viện nông nghiệp Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Phát triển nông thôn bền vững hiện đang là một vấn đề được thảo luận rộng rãi khi đối mặt với nhiều thách thức, chẳng hạn như suy thoái môi trường, nghèo

đói và suy giảm văn hóa. Một mô hình phát triển nông thôn bền vững mà nhiều nước đã áp dụng là du lịch nông thôn (DLNT). Đây là loại hình du lịch khai thác các giá trị vùng nông thôn như một nguồn tài nguyên du lịch quý giá trong việc thu hút các thị trường khách du lịch. DLNT không chỉ là loại hình du lịch mới, tạo sự khác biệt mà còn đóng góp to lớn về mặt kinh tế, văn hóa- xã hội và bảo vệ môi trường hay nói cách khác là một hướng phát triển bền vững (Trần Thị Yến Anh, 2022). Loại hình này đã được chứng minh là mang lại lợi ích cho cộng đồng nông thôn như đa dạng hóa sinh kế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, nâng cao các giá trị văn hóa và thúc đẩy nhận thức bảo vệ môi trường. Về phía cầu, xu hướng du lịch cho thấy nhu cầu giải trí ngoài trời ở nông thôn ngày càng tăng, tương tác với người dân địa phương và văn hóa của họ, trải nghiệm bầu không khí nông thôn yên bình và thư giãn ở những khu vực làng quê.

Vấn đề du lịch nông nghiệp, nông thôn đã được các nước phát triển trên thế giới triển khai từ những năm 80 thế kỷ trước. Theo thống kê của Tổ chức du lịch thế giới, lượng khách du lịch tham gia các hình thức du lịch nông thôn và sinh thái chiếm khoảng 10% tổng lượng khách du lịch với doanh thu khoảng 30 tỷ USD/năm. Mỗi năm, tỷ lệ khách du lịch nông thôn tăng từ 10-30%, cao hơn các hình thức du lịch truyền thống khoảng 4%. Quy mô thị trường DLNT toàn cầu dự kiến đạt gần 120 tỷ USD vào năm 2027 với tốc độ tăng trưởng hàng năm là 7,4%. Đồng thời, xu hướng du lịch xanh đang nhận được sự chú ý của du khách cũng như các nhà làm du lịch trong những năm gần đây (Trần Thị Yến Anh, 2022).

Việt Nam cũng nằm trong xu thế ngày càng nhiều du khách trong và ngoài nước lựa chọn điểm đến là nông thôn để trải nghiệm, nhất là trong và sau thời kỳ bùng phát đại dịch Covid-19, du khách có xu hướng tránh các đô thị ồn ào để đắm mình trong không gian yên tĩnh, trong lành của vùng quê. Đây được dự báo là hướng đi tất yếu nhằm góp phần phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới ở nước ta trong giai đoạn tới.

UBND thành phố Hà Nội cũng đã ban hành Kế hoạch số 73/KH-UBND về phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025. UBND thành phố đề ra mục tiêu đến năm 2025, mỗi huyện, thị xã có tiềm năng và thế mạnh về phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố triển khai ít nhất từ 1 đến 3 sản phẩm "Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch"; phấn đấu có ít nhất 50% số sản phẩm này được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và công nhận OCOP đạt tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên. Thành phố phấn đấu mỗi huyện, thị xã có tiềm năng xây dựng ít nhất 1 mô hình chuỗi liên kết du lịch nông nghiệp, nông thôn đặc thù có sự tham gia của các chủ thể là nông dân, hợp tác xã, hộ kinh doanh và doanh

nghiệp. Thành phố cũng đặt mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng nghề, bồi dưỡng kiến thức du lịch cho tối thiểu 80% nhân viên làm việc trong các cơ sở dịch vụ, làng nghề phục vụ du lịch, cán bộ quản lý du lịch tại địa phương và các chủ thể hoạt động kinh doanh du lịch nông nghiệp, nông thôn. Thành phố sẽ tập trung xây dựng thí điểm 6 mô hình phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn; du lịch cộng đồng; làng du lịch thông minh; du lịch làng nghề... theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững tại các huyện: Thường Tín, Đan Phượng, Thanh Trì, Mỹ Đức, Thạch Thất và thị xã Sơn Tây. Tuy nhiên, để thúc đẩy phát triển DLNT theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững thì các nghiên cứu hiện tại chưa đề cập đến bộ tiêu chí đánh giá, do vậy thiếu cơ sở thuyết phục để đánh giá, lựa chọn giải pháp phát triển tối ưu. Bài viết sẽ trình bày kết quả nghiên cứu về các tiêu chí đánh giá phát triển DLNT theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội, làm kênh tham khảo cho các nhà quản lý du lịch Hà Nội sử dụng trong quá trình thực hiện phát triển DLNT.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Tiêu chí đánh giá về phát triển DLNT theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững là một vấn đề mới, chưa được đề cập ở . Vì vậy, khi thực hiện bài viết này, tác giả sử dụng phương pháp chủ yếu là nghiên cứu lý luận, phân tích tổng hợp và hệ thống hóa các tiêu chí trên cơ sở thu thập và kế thừa các tài liệu khoa học liên quan đã được công bố như sách, báo, giáo trình… Sau đó, tác giả tiến hành sắp xếp, phân tích theo mục tiêu nghiên cứu, đề xuất bộ tiêu chí đánh giá phát triển DLNT theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững cho địa bàn Hà Nội trong thời gian tới.

2.2. Tổng quan một số nghiên cứu trước đây về xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phát triển DLNT theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững

Phát triển du lịch nông thôn (DLNT) nói chung và phát triển DLNT theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững nói riêng đang ngày càng được chú ý quan tâm hơn của nhiều nhà nghiên cứu (Lane, 1994; Gartner, 2005; Cawley và Gillmor, 2008; Aylward và Kelliher, 2009; Ertuna và Kirbas, 2012; Ghader và Henderson, 2012; Ghasemi và Hamzah, 2014; Adeyinka-Ojoa và cộng sự, 2014; Fun và cộng sự, 2014; Lo và cộng sự, 2014). Phát triển DLNT có sự khác biệt so với một số loại hình du lịch khác. DLNT được tổ chức ở phạm vi lãnh thổ vùng nông thôn (Lane 1994, OECD, 1994; Briedenhann và Wickens; 2004; Sharpley và Jepson, 2011; Chuang, 2013) và thường gắn với các điều kiện hạn chế nhất định (khoảng cách, cơ sở hạ tầng, nhân lực,...). Theo OECD (1994), DLNT là tất

cả các hình thức du lịch hoạt động trong không gian nông thôn, có đầy đủ chức năng không gian mở tiếp xúc với thiên nhiên, di sản, xã hội truyền thống, có sự kết nối với các cộng đồng gia đình làng xóm.

Trên thế giới đã có một số công trình nghiên cứu đưa ra các bộ chỉ số bền vững trong phát triển du lịch. Một trong số đó phải kể đến Bộ tiêu chuẩn du lịch bền vững toàn cầu do Hội đồng du lịch toàn cầu (GSTC) xây dựng, đưa ra ngày 21/12/2016. Bộ tiêu chí này gồm 4 nhóm chỉ số: (i) Chứng minh việc quản lý bền vững hiệu quả; (ii) Tối đa hóa các lợi ích kinh tế xã hội cho cộng đồng địa phương và tối thiểu hóa các tác động có hại; (iii) Tối đa hóa lợi ích cho di sản văn hóa và tối thiểu hóa các tác động có hại; và (iv) Tối đa lợi ích cho môi trường và tối thiểu hóa tác động có hại. Bộ tiêu chí này có ưu điểm là đề cập toàn diện các mặt hoạt động của du lịch bền vững nhưng có nhược điểm là quá nhiều chỉ tiêu, trong đó một số chỉ tiêu là khó xác định và đo lường.

Ở Việt Nam, một số công trình nghiên cứu cũng đã đưa ra một số tiêu chí về phát triển bền vững du lịch ở các mức độ cụ thể khác nhau (Mai Anh Vũ, 2022). Tuy nhiên, về bộ tiêu chí đánh giá phát triển DLNT theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững thì cho đến nay vẫn chưa có công trình nào đề cập đến. Chỉ có một số nghiên cứu có liên quan như bài viết của Phạm Xuân Hậu (2017) về xác lập hệ thống chỉ báo, tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá tiềm năng DLNT chỉ ra 2 nhóm nhân tố: (1) Nhóm các nhân tố bên trong (vị trí địa lý; khả năng, mức độ đáp ứng và thích nghi của tài nguyên về không gian, loại hình, sản phẩm, độ bền vững; sự tham gia du lịch của cộng đồng dân cư địa phương; vai trò của nhà nước, chính quyền địa phương, cơ chế chính sách) và (2) Nhóm các nhân tố bên ngoài (đầu tư tài chính, phương tiện; công nghệ hiện đại, kinh nghiệm; thị trường tiêu thụ sản phẩm). Một nghiên cứu khác của nhóm nghiên cứu Nguyễn Thị Thu Hiền và Nguyễn Thị Tuyết Nga (2020) đã đề xuất bộ tiêu chí về phát triển du lịch bền vững bao gồm: (1) Tiêu chí đánh giá tăng trưởng kinh tế bền vững; (2) Tiêu chí đánh giá tăng trưởng kinh tế bền vững gắn liền với tiến bộ, công bằng xã hội và gắn liền với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa; (3) Tiêu chí đánh giá tăng trưởng kinh tế bền vững gắn với bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên và môi trường sinh thái. Năm 2021, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 3928/QĐ-UBND (ngày 18/8/2021) về việc ban hành thí điểm bộ tiêu chí đánh giá điểm du lịch, khu du lịch chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 bao gồm 6 nhóm tiêu chí bao gồm: (i) Nhóm tiêu chí về tài nguyên du lịch; (ii) Nhóm tiêu chí về sản phẩm và dịch vụ; (iii) Nhóm tiêu chí về quản lý điểm đến; (iv) Nhóm tiêu chí về cơ sở hạ tầng; (v) Nhóm tiêu chí về sự tham gia của cộng đồng địa phương; (vi) Sự hài lòng của du khách. Một nghiên cứu khác

của Bùi Xuân Nhàn (2022) đề xuất 9 tiêu chí trong đánh giá tài nguyên DLNT bao gồm: (1) mức độ hấp dẫn của tài nguyên du lịch nông thôn của từng địa phương; (2) thời gian khai thác các tài nguyên; (3) các yếu tố môi trường; (4) sức chứa của từng vùng; (5) độ bền vững trong khai thác tiềm năng du lịch nông thôn; (6) khả năng tiếp cận; (7) điều kiện hạ tầng; (8) khả năng phát triển; (9) hiệu quả kinh tế và xã hội. Các tiêu chí trên giúp cho việc lượng hóa tài nguyên theo thang bậc tạo cơ sở để tổ chức khai thác và quản lý, phát triển tài nguyên trong du lịch của từng địa phương. Mới đây, một nghiên cứu của Mai Anh Vũ (2022) về xây dựng bộ tiêu chí để đánh giá phát triển bền vững du lịch có thể áp dụng đối với điều kiện thực tế của các địa phương cấp tỉnh ở Việt Nam. Tác giả đã đề xuất các nhóm tiêu chí về bền vững khía cạnh kinh tế, bền vững xã hội và bền vững môi trường. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã đưa ra được bộ tiêu chí đánh giá với khá nhiều chủ đề về du lịch. Theo các quan điểm, khái niệm và định nghĩa khác nhau của các học giả trên thế giới, DLNT không phải là một loại hình du lịch riêng lẻ nào như là du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa,… Đồng thời các tiêu chí để đánh giá phát triển DLNT thường khác nhau giữa các nước, điều này phụ thuộc vào đặc điểm, đặc trưng của nông thôn ở mỗi quốc gia, vùng và địa phương. Tuy nhiên, việc xây dựng bộ tiêu chí về phát triển DLNT hướng đến tăng trưởng xanh và bền vững là vấn đề mới, vẫn chưa được xây dựng và ban hành.

2.3. Các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nông thôn ở nhiều địa phương thuộc Hà Nội sau 10 năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới đã có sự thay da đổi thịt, là tiền đề cho phát triển DLNT. Trong bối cảnh nông thôn mới giai đoạn 2 sắp tới, DLNT sẽ góp phần thực hiện một số tiêu chí cơ bản trong việc xây dựng nông thôn mới nâng cao. Dưới đây là bộ tiêu chí đánh giá phát triển DLNT theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững, cụ thể cho một địa phương là thành phố Hà Nội:

1. Nhóm tiêu chí về đánh giá giá trị tài nguyên nhằm phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội

1.1. Về khả năng thu hút

- Vị trí của điểm DLNT: thể hiện bằng sự tập trung về không gian của các cảnh quan DLNT bao gồm một số tiêu chí:

+ Khoảng cách đến các điểm có tài nguyên DLNT

+ Khoảng cách giữa các điểm tài nguyên DLNT

+ Thời gian đi đường

+ Các loại phương tiện giao thông có thể sử dụng đến điểm DLNT

+ Chi phí vận chuyển.

- Sức hấp dẫn của điểm DLNT (giá trị về tài nguyên tự nhiên và nhân văn): được thể hiện bằng vẻ đẹp của cảnh quan nông thôn, sự đa dạng về các loại hình sản xuất nông nghiệp, tính đặc sắc và độc đáo của nền văn hóa bản địa, giá trị thẩm mỹ thu hút khách du lịch đến với thiên nhiên.

Tiêu chí này thể hiện ở số lượng điểm đến DLNT được công nhận: Nhiều điểm đến du lịch nông thôn được hình thành trên cơ sở khai thác giá trị đặc sắc, mang đậm dấu ấn của văn hóa, sinh thái vùng miền.

- Thời gian hoạt động du lịch: Thời gian hoạt động du lịch cho biết tính chất thường xuyên hay mùa vụ của hoạt động DLNT; điều này phụ thuộc vào hướng khai thác, đầu tư, kinh doanh phục vụ tại điểm DLNT.

- Sức chứa khách du lịch của điểm DLNT: là lượng khách tối đa có thể đón tiếp tại điểm đến DLNT trong cùng một thời điểm mà chưa gây ra những tổn hại đến môi trường và quyền lợi của du khách. Các chỉ tiêu cụ thể bao gồm:

+ Số du khách có thể tiếp nhận mỗi ngày (người)

+ Số du khách có thể tiếp nhận cho mỗi lượt tham quan (người)

Mỗi điểm DLNT có các điều kiện liên quan đến địa hình, khí hậu, mức độ quản lý,... là khác nhau. Nên tiêu chí về sức chứa cần được nghiên cứu tính toán phù hợp với điều kiện thực tế của từng điểm DLNT.

- Độ bền vững và thời gian khai thác của các điểm DLNT: Tiêu chí này phản ánh khả năng bền vững của các thành phần hoặc yếu tố về cảnh quan nông nghiệp, nông thôn, các nét văn hóa nông thôn đặc sắc của bản địa trước áp lực của hoạt động DLNT.

1.2. Về khả năng khai thác

- Cơ sở vật chất kỹ thuật (CSVCKT) và cơ sở hạ tầng (CSHT): Hoạt động DLNT chỉ có thể khai thác tốt tiềm năng khi được đầu tư xây dựng CSVCKT và CSHT có tính đến yếu tố hài hòa với môi trường cảnh quan nông thôn, không làm phá vỡ các cảnh quan tự nhiên của nơi đến.

- Mức độ quản lý: Tiêu chí này cho biết khả năng quản lý những vấn đề liên quan đến hoạt động du lịch tại các điểm DLNT.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của các điểm DLNT.

Trước hết, để xác định hiệu quả kinh tế của mỗi điểm DLNT cần phải đưa ra những tiêu chuẩn định lượng về mặt kinh tế hay nói cách khác chính là giá trị về mặt kinh tế mà nhà kinh doanh DLNT nhận được. Các tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả kinh tế của điểm DLNT có thể xếp thành hai nhóm như sau:

+ Số lượng khách du lịch quốc tế và nội địa đến tham quan trải nghiệm hàng năm tại những địa điểm DLNT.

+ Những tiêu chuẩn quyết định khả năng sinh lợi đối với giá trị hiện hành hàng năm, dựa vào lợi nhuận thu được hàng năm tại nơi kinh doanh du lịch.

Lợi nhuận = Tổng doanh thu – Tổng chi phí = TR - TC

Tỷ suất lợi nhuận = Tổng doanh thu / Tổng chi phí = TR/TC

Những tiêu chí này làm căn cứ để xác định mức độ thuận lợi hoặc không thuận lợi về tiềm năng cũng như mức độ tốt hoặc không tốt về thực trạng phát triển DLNT ở các điểm du lịch trên địa bàn thành phố Hà Nội; làm căn cứ tham khảo để các nhà quản lý, kinh doanh và điều hành du lịch xem xét giữa tiềm năng và hiện trạng phát triển có tương xứng không, từ đó để xuất được các giải pháp khai thác phù hợp.

2. Nhóm tiêu chí về quy hoạch và lập kế hoạch phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội

- Xây dựng quy hoạch phát triển du lịch nông thôn

Ở Việt Nam hiện nay chưa có chính sách quy hoạch tổng thể cho DLNT cấp quốc gia, chưa có quy hoạch hạ tầng nhân lực cho phát triển DLNT. Các cơ chế, chính sách quản lý với mô hình DLNT và đảm bảo liên kết chuỗi đối với các công ty lữ hành còn lỏng lẻo. Các chính sách hiện nay thường liên quan đến du lịch hoặc nông nghiệp, nông thôn hay các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

- Công tác lập kế hoạch phát triển du lịch nông thôn

Với quy định và chính sách về du lịch như Luật du lịch năm 2017; chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030; các quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí du lịch; các chính sách về tín dụng cho phát triển du lịch, quỹ hỗ trợ phát triển du lịch; ưu đãi đầu tư, xúc tiến quảng bá du lịch.

Chính sách về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới: Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2011-2020; Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và

bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao, huyện NTM, huyện NTM nâng cao, và tỉnh NTM; Chương trình OCOP; chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM; Chương trình bảo vệ môi trường; Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Thiếu vắng các chính sách cụ thể thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân cho phát triển DLNT (đất đai, ưu đãi liên kết đầu tư, tiếp cận vốn đầu tư,…).

3. Nhóm chỉ tiêu về hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.1. Hệ thống giao thông

- Mạng lưới đường bộ, đường sông, đường hàng không, cảng hàng không quốc tế,… là những đầu mối nối liền giữa Hà Nội với các vùng kinh tế trong nước và mở rộng giao lưu hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới. Sau 9 năm triển khai xây dựng nông thôn mới, diện mạo nông thôn Hà Nội đã được đổi mới, khang trang, sạch đẹp hơn, các công trình hạ tầng cơ sở được các địa phương tập trung đầu tư, nâng cấp, đã và đang hỗ trợ tốt cho việc sản xuất và sinh hoạt của người dân nông thôn.

- Hệ thống đường cao tốc từ Hà Nội tỏa ra các tỉnh, kết nối với hệ thống quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện khá hiện đại và đồng bộ, góp phần thúc đẩy liên kết các địa phương trong vùng.

- Các yêu cầu về hạ tầng như, hệ thống điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, thông tin tuyên truyền, nhà ở dân cư,… ở các xã cần cơ bản hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân nông thôn, tạo điều kiện tích cực cho phát triển DLNT.

3.2. Hệ thống cung cấp điện

- Sản lượng điện tăng lên và chất lượng điện cung cấp tốt hơn

- Phát triển mạng lưới điện rộng khắp để đảm bảo vững chắc nguồn điện phục vụ nhu cầu người dân nông thôn và đáp ứng hoạt động DLNT.

3.3. Hệ thống cấp – thoát nước

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung nông thôn hoạt động bền vững

- Xử lý ô nhiễm môi trường nước

3.4. Hệ thống thông tin liên lạc

- Số trạm viễn thông và lắp đặt các phương tiện thông tin hiện đại

- Đảm bảo thông tin liên lạc giữa các vùng nông thôn với các khu vực khác

- Tính thuận tiện và nhanh chóng, kịp thời đáp ứng tốt mọi yêu cầu của hoạt động du lịch

4. Nhóm chỉ tiêu về hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển DLNT trên địa bàn thành phố Hà Nội

4.1. Cơ sở lưu trú (Khách sạn, homestay, trang trại)

- Số lượng khách sạn trên địa bàn thành phố Hà Nội đạt tiêu chuẩn từ 3-5 sao trong bán kính 5km so với điểm DLNT.

- Số lượng nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay): Homestay là sản phẩm hoàn chỉnh không phải chỉ là dịch vụ lưu trú. Du khách ngoài việc lưu trú sẽ sinh hoạt chung với người dân địa phương như thành viên trong gia đình, để trải nghiệm các giá trị sống và văn hóa của địa phương.

- Số lượng trang trại trồng trọt có hoạt động lưu trú cho du khách

- Số lượng trang trại chăn nuôi có hoạt động lưu trú cho du khách

- Số lượng trang trại nuôi trồng thủy sản có hoạt động lưu trú cho du khách

- Số lượng trang trại tổng hợp có hoạt động lưu trú cho du khách

- Số lượng trang trại nông nghiệp ngoài sản xuất nông nghiệp có kết hợp thêm các hoạt động du lịch nông nghiệp, nông thôn.

4.2. Cơ sở vui chơi giải trí

- Số lượng cơ sở vui chơi giải trí phục vụ du khách DLNT

5. Nhóm chỉ tiêu về phát triển sản phẩm và dịch vụ DLNT trên địa bàn thành phố Hà Nội

Có rất nhiều sản phẩm du lịch và dịch vụ DLNT. Dưới đây là một số loại sản phẩm chính tập trung vào 2 khía cạnh về số lượng và chất lượng sản phẩm DLNT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5.1. Phát triển về mặt số lượng sản phẩm DLNT

- Số lượng sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng văn hóa sinh thái nông nghiệp độc đáo, đáp ứng nhu cầu tham quan, trải nghiệm của du khách.

- Số lượng mô hình du lịch gắn với sinh thái nông nghiệp, nông thôn được đầu tư khai thác.

- Số lượng tour du lịch nông nghiệp, nông thôn độc đáo, chất lượng được du khách đón nhận.

Một là, du lịch nông thôn gắn với các tham quan di sản văn hóa

Du lịch di sản là những hoạt động kết nối du khách với văn hóa, môi trường tự nhiên và cộng đồng dân cư địa phương ở các khu di sản. Đây là sản phẩm du lịch có hàm lượng văn hóa cao, tôn trọng tự nhiên.

- Số lượng các di sản có giá trị cấp quốc gia và quốc tế (đình, đền, chùa, miếu mạo, di tích lịch sử cách mạng, di sản nghệ thuật, biểu diễn,…) kết hợp với các nguồn tài nguyên khác để phát triển DLNT gắn với tâm linh.

- Mức độ tập trung các di sản có giá trị cấp quốc gia và quốc tế

Hai là, du lịch nông thôn gắn với sinh thái

- Số lượng vườn quốc gia trên địa bàn có thể khai thác phát triển du lịch sinh thái

Ba là, du lịch nông thôn gắn với làng văn hóa

- Số lượng các làng có di sản văn hóa phi vật thể như múa rối nước hay giữ nét cảnh quan của làng quê nông thôn.

Bốn là, du lịch nông thôn gắn với nông nghiệp

- Số lượng các sản phẩm du lịch nông nghiệp (trải nghiệm canh tác lúa nước cho khách du lịch quốc tế và học sinh, sinh viên)

Năm là, du lịch cộng đồng

- Số lượng các sản phẩm du lịch cộng đồng, giao thương, kết nối và mở rộng không gian văn hóa

Sáu là, du lịch nông thôn gắn với làng nghề truyền thống

- Số lượng làng nghề truyền thống có thể tham gia vào phát triển DLNT

5.2. Phát triển về mặt chất lượng sản phẩm DLNT

Sản phẩm DLNT cần phù hợp với lợi thế địa phương, tính đa dạng và bền vững của sản phẩm DLNT phải phù hợp với chiến lược phát triển sản phẩm du lịch của địa phương đó. Để có thể đánh giá chất lượng các sản phẩm DLNT, chúng ta sẽ dựa vào các yếu tố cấu thành nên chất lượng sản phẩm DLNT.

Một là, không gian và cơ sở vật chất kỹ thuật của DLNT

- Khung cảnh nông thôn đẹp, gần gũi với thiên nhiên

- Cơ sở lưu trú khang trang, đồng bộ và an toàn

- Nhà vệ sinh, phòng tắm đạt chuẩn

- Nơi phục vụ ăn uống sạch sẽ và tiện nghi

- Vận chuyển nội bộ thuận tiện, phù hợp và an toàn

- Các dịch vụ bổ sung, vui chơi giải trí đa dạng, đáp ứng nhu cầu du khách

- Tỷ lệ du khách hài lòng với cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ DLNT

Hai là, đội ngũ nhân lực phục vụ DLNT

- Người dân thân thiện, cởi mở

- Nhân viên phục vụ lưu trú, ăn uống thân thiện, sẵn sàng giúp đỡ khách

- Nhân viên phục vụ lưu trú, ăn uống có nghiệp vụ tốt

- Nhân viên phục vụ các dịch vụ bổ sung (văn nghệ, bán hàng,…) thân thiện, có nghiệp vụ tốt.

- Hướng dẫn viên du lịch thân thiện, có chuyên môn tốt

- Số lượng nhân viên phục vụ đủ để đáp ứng nhu cầu du khách

- Tỷ lệ du khách hài lòng với đội ngũ nhân viên phục vụ DLNT

Ba là, chất lượng các dịch vụ của DLNT

- Dịch vụ vận chuyển

- Dịch vụ lưu trú

- Dịch vụ ăn uống

- Dịch vụ thăm quan

- Dịch vụ thuyết minh

- Dịch vụ vui chơi giải trí

- Dịch vụ mua sắm

- Dịch vụ thông tin

- Dịch vụ y tế, an ninh

- Có công khai giá cả các dịch vụ

- Có đa dạng các hình thức thanh toán

5.3. Đánh giá chung của du khách về chất lượng dịch vụ DLNT

- Tỷ lệ du khách đánh giá chất lượng dịch vụ DLNT ở các mức rất tốt, tốt, bình thường, không tốt, rất không tốt

- Tỷ lệ du khách dự định sẽ tiếp tục tham gia các điểm DLNT trong thời

gian tới

- Tỷ lệ du khách có ý định sẽ giới thiệu cho bạn bè, người thân về các điểm DLNT

- Tỷ lệ du khách có ý định quay lại các điểm DLNT đã trải nghiệm

6. Nhóm chỉ tiêu về phát triển các cơ sở kinh doanh DLNT trên địa bàn thành phố Hà Nội

6.1. Loại hình kinh doanh và thời gian kinh doanh DLNT

- Số lượng các loại hình cơ sở kinh doanh DLNT (hộ gia đình, doanh nghiệp)

- Thời gian hoạt động của các cơ sở kinh doanh DLNT

6.2. Quy mô kinh doanh của các cơ sở kinh doanh DLNT

- Diện tích dành cho kinh doanh DLNT (ha)

- Tổng lượng vốn đầu tư cho kinh doanh DLNT (tỷ đồng)

- Sức chứa của cơ sở kinh doanh DLNT (số khách/ngày)

- Khả năng phục vụ ăn uống cho du khách (người/ngày)

6.3. Đội ngũ lao động trong các cơ sở kinh doanh DLNT

- Số lượng lao động toàn thời gian của các cơ sở kinh doanh DLNT (người)

- Số lượng lao động bán thời gian của các cơ sở kinh doanh DLNT (người)

- Cơ cấu độ tuổi lao động trong cơ sở kinh doanh DLNT

- Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tại các cơ sở kinh doanh DLNT (người) về các kiến thức chung về du lịch, kỹ năng giao tiếp, nấu ăn, phục vụ bàn, phục vụ buồng, thuyết minh, hướng dẫn, ngoại ngữ, bán hàng,…

7. Nhóm chỉ tiêu về hoạt động và kết quả kinh doanh của DLNT trên địa bàn thành phố Hà Nội

7.1. Thời vụ du lịch và công suất kinh doanh

- Tỷ lệ du khách phân bố theo tháng của DLNT

- Tỷ lệ du khách phân bố trong tuần

- Tỷ lệ du khách phân bố cuối tuần/ ngày nghỉ lễ

7.2. Kết quả hoạt động kinh doanh DLNT

- Số lượt khách DLNT được đón tiếp trong 1 năm (lượt khách)

- Mức độ tham gia dịch vụ của khách DLNT (dịch vụ ăn uống, vận chuyển nội khu, trải nghiệm cuộc sống nông thôn, lưu trú, thăm quan cảnh quan, trải nghiệm công việc nông nghiệp, mua sắm,…)

- Thời gian lưu trú của khách du lịch nông thôn (số ngày/khách)

- Chi tiêu của khách du lịch nông thôn (triệu đồng/khách/chuyến hoặc triệu đồng/ngày khách).

- Tổng nguồn thu của các cơ sở kinh doanh DLNT bình quân trên 01 khách

- Tỷ lệ chi phí của các cơ sở kinh doanh DLNT về nhân lực/ nguyên vật liệu, năng lượng/ xúc tiến, quảng bá thông tin/ phân phối sản phẩm/ liên kết/ thuế và các khoản phí/ sửa chữa nhỏ/ khấu hao TSCĐ/ phát triển sản phẩm mới.

8. Nhóm chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của du lịch nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội

8.1. Nhóm chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ DLNT, tăng trưởng giá trị tăng thêm của ngành du lịch (%)

- Tốc độ tăng trưởng lượng khách DLNT

- Đóng góp của giá trị tăng thêm của DLNT vào GRDP của địa phương (%)

- Đóng góp của giá trị gia tăng cho nông nghiệp và kinh tế nông thôn

- Lượng vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư cho DLNT

- Tốc độ phát triển các đơn vị kinh doanh, hoạt động trong lĩnh vực DLNT

- Công suất sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển DLNT

- Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu của các cơ sở kinh doanh DLNT

8.2. Nhóm chỉ tiêu về hiệu quả xã hội

- Số lượng lao động nông thôn có việc làm liên quan đến phát triển DLNT

- Tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm liên quan đến phát triển DLNT

- Mức độ đóng góp cho xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho nông dân

- Đóng góp của DLNT cho bảo vệ tài nguyên du lịch nhân văn

- Mức độ hài lòng của cộng đồng địa phương với hoạt động DLNT

- Tỷ lệ du khách/ Người dân địa phương (thời kì cao điểm)

- Văn hóa địa phương đa dạng, hấp dẫn khách DLNT

8.2. Nhóm chỉ tiêu về hiệu quả môi trường

- Môi trường tự nhiên của điểm DLNT trong lành, sạch sẽ

- Tỷ lệ khu, điểm tài nguyên DLNT được khai thác, đầu tư, tôn tạo và bảo vệ đáp ứng yêu cầu chống suy giảm tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Chất lượng môi trường (nước, đất, không khí, rác thải, âm thanh, ánh sáng,…) tại các khu, điểm DLNT

- Ý thức trách nhiệm của du khách với tài nguyên DLNT và môi trường

- Ý thức trách nhiệm của cơ sở kinh doanh DLNT với tài nguyên và môi trường nông thôn.

- Các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác ở địa phương tác động tốt đến DLNT

- An ninh, trật tự tại địa phương đảm bảo phát triển DLNT

3. Kết luận

Phát triển DLNT theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững là một hướng đi đúng đắn và xu thế trong thời gian tới trên địa bàn thành phố Hà Nội. Phát triển DLNT góp phần mở rộng không gian du lịch, làm giảm áp lực quá tải tại khu vực đô thị. Việc cung cấp sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tại chỗ sẽ tạo thêm nguồn sinh kế ổn định, cải thiện đời sống cho người nông dân, giúp người dân gắn bó với quê hương, nâng cao ý thức xây dựng môi trường văn hóa, cảnh quan; bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, tạo điểm khác biệt để thu hút khách du lịch. Thông qua khách du lịch, sản phẩm nông nghiệp tại địa phương được tiêu dùng trực tiếp, thúc đẩy xuất khẩu tại chỗ, đem lại giá trị gia tăng cho nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Ngoài ra, DLNT còn hỗ trợ truyền thông cho sản phẩm nông nghiệp bản địa thông qua công tác truyền thông điểm đến, xúc tiến quảng bá sản phẩm du lịch.

Để thực hiện được điều đó, nghiên cứu đề xuất 8 nhóm tiêu chí nhằm đánh giá phát triển DLNT theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên đìa bàn thành phố Hà Nội bao gồm: (1) Nhóm tiêu chí đánh giá giá trị tài nguyên DLNT; (2) Nhóm tiêu chí về quy hoạch và lập kế hoạch phát triển DLNT; (3) Nhóm tiêu chí về cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển DLNT; (4) Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho phát triển DLNT; (5) Nhóm tiêu chí về phát triển sản phẩm và dịch vụ DLNT; (6) Nhóm tiêu chí về phát triển các cơ sở kinh doanh DLNT; (7) Nhóm tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của DLNT; (8)

Nhóm tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của phát triển DLNT. Để đánh giá được các tiêu chí này một cách hiệu quả nhất, cần có phương pháp xác định đúng đắn. Tuy nhiên, đây là giới hạn của bài viết vì mới dừng lại ở việc đề xuất các nhóm tiêu chí mà chưa đề xuất phương pháp tính toán các tiêu chí cũng như cách thức thu thập thông tin, số liệu để tính toán các tiêu chí trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aylward, Elaine and Kelliher, Felicity (2009), "Rural tourism development: proposing an integrated model of rural stakeholder network relationships", Galway Mayo Institute of Technology (Last Modified:22 Aug 2016).
2. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2011, "Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030", Hà Nội.
3. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2014, "Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới", Hà Nội.
4. Hội đồng Du lịch bền vững Toàn cầu (2016), Tiêu chuẩn Du lịch Bền vững GSTC, Phiên bản thứ 3, ngày 21 tháng 12 năm 2016.
5. Lane, B. (1994). Sustainable Rural Tourism Strategies: A Tool for Development and Conservation", Interamerican Journal of Environment and Tourism, 1(1), 12–18.
1. Nguyễn Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thu Hiền (2020), "Nghiên cứu các tiêu chí đánh giá và những nhân tố tác động đến phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam", Tạp chí Công Thương, số 16, T7.
2. Mai Anh Vũ, Nguyễn Xuân Hiếu (2020), "Những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững", Tạp chí Công Thương, Số T7.
3. Mai Anh Vũ, Hà Thị Bích Hạnh (2022). Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch. Tạp chí Công Thương. Số Tháng 1/2022.
4. Mỹ An. 2022. Du lịch nông thôn sẽ là xu thế tất yếu. http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Doi-thoai/1044749/du-lich-nong-thon-se-la-xu-the-tat-yeu. Ngày truy cập: 12/01/2023.

5. Phạm Xuân Hậu. 2017. Xác lập hệ thống chỉ báo, tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá tiềm năng DLNt áp dụng cho nông thôn Việt Nam. Tạp chí Khoa học – Trường Đại học sư phạm TP HCM.
6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2017, "Luật Du lịch", Hà Nội.
7. Thủ tướng Chính phủ (2013), Quyết định số 201/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Hà Nội.
8. Trần Thị Yến Anh (2022). Phát triển du lịch nông thôn Vùng Đồng bằng sông Hồng. Luận án Kinh tế phát triển. Viện chiến lược và phát triển – Bộ kế hoạch và Đầu tư.
9. UBND thành phố Hà Nội, 2021. Quyết định số 3928/QĐ-UBND về việc ban hành thí điểm Bộ tiêu chí đánh giá điểm du lịch, khu du lịch chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.
10. UBND thành phố Hà Nội, 2022. Quyết định số 3098/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN Ở HÀ NỘI

GS. TS. Hồ Văn Vĩnh

1. Vai trò và nội hàm du lịch nông thôn

Du lịch nông thôn (rural tourism) đang trở thành xu thế của thời đại. Trong một bản tóm tắt chính sách du lịch, Tổng thư ký Liên hiệp quốc Antonio Guterres đã nhấn mạnh: "*Đối với cộng đồng nông thôn, người bản địa và nhóm dân cư yếu thế, du lịch là phương tiện để hội nhập, trao quyền và thu nhập*", điều đó phù hợp với các nước đang phát triển, trong đó có nước ta. Trong các nghị quyết của Đảng gần đây như Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đặc biệt Nghị quyết 29-NQ/TW của Hội nghị trung ương 6 khóa XIII về *Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* đã chỉ rõ: *Tập trung phát triển mạnh một số ngành dịch vụ có lợi thế và có hàm lượng tri thức, công nghệ cao như: Du lịch, thương mại, viễn thông, công nghệ thông tin, logistics...,* trong đó du lịch ở vùng nông thôn được đặt lên hàng đầu. Nếu như du lịch nông thôn của cả nước được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm thì đối với Hà Nội, với vị thế thủ đô lại càng được quan tâm hàng đầu.

Để nghiên cứu và lý giải tầm quan trọng cũng như quan điểm và định hướng phát triển du lịch nông thôn của Hà Nội, xin được làm rõ thêm khái niệm, phạm trù và nội hàm của du lịch nông thôn.

Du lịch nông thôn là chuỗi các hoạt động dịch vụ và tiện nghi được cung cấp ở vùng nông thôn để khai thác các giá trị ở nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu trải nghiệm của cư dân không sống ở nông thôn hoặc cư dân ở vùng nông thôn khác.

Như vậy phạm trù du lịch nông thôn là khá rộng, bao gồm các loại hình du lịch diễn ra ở nông thôn, quy lại có ba loại hình chính: du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng:

- *Du lịch nông nghiệp* (agrical tourism) hay còn gọi là du lịch canh nông, hoặc du lịch trang trại, là du lịch diễn ra ở vùng sản xuất nông nghiệp với phương thức canh tác đặc thù của địa phương nhằm trải nghiệm các hoạt động sản xuất nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và thưởng thức các sản phẩm nông nghệp đó;

- *Du lịch sinh thái* (ecological tourism) là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa gắn với bảo vệ môi trường sinh thái;

- *Du lịch cộng đồng* (community- based tourism) là loại hình du lịch dựa trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng do cộng đồng dân cư tổ chức quản lý, khai thác và hưởng thụ như du lịch làng nghề chẳng hạn.

Như vậy trong du lịch nông thôn đã bao gồm du lịch nông nghiệp nên cũng không cần sử dụng thuật ngữ du lịch nông nghiệp, nông thôn, trên tinh thần đó trong tiêu đề bài hội thảo này tôi chỉ dùng thuật ngữ *du lịch nông thôn*.

2. Vài nét về du lịch nông thôn ở Hà Nội.

Hà Nội là thủ đô, là trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế, quốc phòng, an ninh của cả nước, lại là một thành phố được xây dựng và phát triển trên một nghìn năm, với gần 5.000 di tích hay danh thắng lịch sử, trong đó có 2.104 di tích đã được xếp hạng(có 765 di tích quốc gia), ngoài ra còn có du lịch hội nghị, hội thảo, các trung tâm biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao quốc tế…. đặc biệt nổi tiếng như Hoàng thành Thăng Long, văn bia tại Văn Miếu Quốc Tử Giám và lễ hội Thánh Gióng đã đượcUNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Năm 2022, Hà nội đã đón 18,7 triệu khách, trong đó khách nội địa đạt khoảng 17,2 triệu lượt người, ước đạt doanh thu từ du lịch đạt 60 nghìn tỷ đồng (Hà Nội mới 31/12/2022), đứng thứ hai sau thành phố Hồ Chí Minh về lượt khách và doanh thu về du lịch.

Tuy nhiên du lịch Hà Nội cũng còn những hạn chế như tình trạng chèo kéo khách hàng, trộm cắp, cướp giật, lừa đảo du khách nước ngoài làm ảnh hưởng xấu đến danh tiếng của thủ đô nghìn năm văn hiến.

Xét riêng về du lịch nông thôn, Hà nội cũng có nhiều lợi thế, nhất là từ ngày 1/8/2008 sáp nhập thêm toàn tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh của tỉnh Vĩnh Phúc và 4 xã của huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình đưa diện tích từ 1.000km2 lên 3.300km2 và dân số từ 3,4 triệu người lên 6,2 triệu người. Nhờ mở rộng địa giới hành chính mà Hà nội có thêm nhiều điểm đến du lịch nông thôn như chùa Hương, làng cổ Đường Lâm, vườn quốc gia Ba vì, Đền Hai Bà Trưng (Mê Linh) v.v.. càng thu hút khách trong nước và nước ngoài đến thăm. Tuy nhiên các mô hình du lịch nông thôn của Hà nội còn mang tính tự phát, chưa bài bản, thiếu sự liên kết, thiếu bền vững nên hiệu quả chưa cao. Ngoài ra, một nguyên nhân đáng nói là do vị thế thủ đô, rất nhiều di tích lịch sở văn hóa cấp quốc gia nổi tiếng nằm trong nội đô nên du khách trong nước cũng như quốc tế chủ yếu thăm các điểm du lịch ở nội thành, ít có thời gian, công sức và kinh phí để đi du lịch ở vùng nông thôn nếu không có sự hấp dẫn đáng kể hoặc thật cần thiết.

3. ***Một số quan điểm phát triển du lịch nông thôn ở Hà Nội***

1. *Phát triển du lịch nông thôn ở Hà Nội không chỉ là tất yếu mà còn phải được đi đầu trong cả nước nhằm hoàn thành CNH, HĐH, văn minh, hiện đại.* Phát triển du lịch nông thôn là một trong những nội dung quan trọng của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, góp phần đưa nông thôn Hà Nội chuyển biến một cách tích cực, thực chất và có chất lượng, nhận thức được điều đó, UBND thành phố Hà Nội đã có kế hoạch phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới đến năm 2026 và xa hơn. Như vậy việc phát triển du lịch nông thôn, xây dựng các điểm du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng là nội dung cốt lõi của nông thôn mới Hà nội, với vị thế thủ đô của cả nước nên phải đi đầu trong việc hoàn thành sự nghiệp CNH, HĐH theo đường lối Đại hội XIII và Hội nghị TW 6 về Tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, mà một trong những yếu tố quan trọng có tính quyết định là phát triển du lịch nông thôn.

2. *Chủ thể phát triển du lịch nông thôn là cư dân ở nông thôn,* bao gồm những người nông dân canh tác trên mảnh đất được cấp quyền sử dụng đất hoặc thuê thêm đất, các chủ hộ làng nghề, các chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, dưới sự quản lý của chính quyền địa phương. Dựa trên định hướng phát triển du lịch nông thôn, các chủ thế này bỏ vốn để xây dựng các điểm du lịch một cách tự giác với sự tư vấn của các nhà khoa học, các doanh nhân và của chính quyền địa phương, thực hiện kết hợp bốn nhà trong phát triển du lịch nông thôn.

3. *Đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển du lịch nông thôn*, trước hết là lợi ích của cư dân địa phương tham gia hoạt động du lịch nông thôn.

Hoạt động kinh doanh bao giờ cũng lấy lợi nhuận làm mục tiêu hàng đầu, trong du lịch nông thôn có hai chủ thể kinh doanh đều cần lợi nhuận để duy trì và phát triển, đó là các công ty du lịch và các điểm đến du lịch nông thôn.. Du khách tham gia du lịch nông thôn có thể có 2 hình thức: tự túc và theo tour. Nếu tự túc thì du khách tự trả tiền cho chủ điểm du lịch theo sự thỏa thuận đôi bên, thường là chủ điểm du lịch quy định hợp lý để thu hút du khách tối đa. Còn đi theo tour thì phải đảm bảo lợi ích của chủ điểm du lịch nông thôn, kể cả người phục vụ một cách tương xứng, tạo động lực để cả công ty du lịch cũng như chủ điểm du lịch ngày càng gắn kết, thúc dẩy du lịch nông thôn ngày càng phát triển. Tuy nhiên, nếu có mâu thuẫn lợi ích thì các công ty du lịch phải chủ động xử lý nhằm duy trì được điểm du lịch nông thôn, tạo được "lợi ích kép", nếu không cả hai sẽ thua lỗ và phá sản.

4. *Phát triển bền vững du lịch nông thôn Hà Nội*. Bất kỳ quá trình phát triển kinh tế-xã hội nào cũng đòi hỏi tính bền vững. Phát triển bền vững là một yêu cầu

được Liên Hợp quốc đề ra, kêu gọi toàn cầu thực hiện nhằm xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường sinh thái và khí hậu trái đất, đảm bảo mọi người ở khắp mọi nơi được hưởng hòa bình và thịnh vượng, chung quy lại bền vững trên ba mặt: kinh tế, môi trường sinh thái và xã hội. Phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn Hà Nội cũng phải dựa trên ba trụ cột đó, gắn kết phát triển tiềm năng và lợi thế về nông nghiệp, làng nghề để có thu nhập cao cho cả công ty du lịch cũng như cư dân nông thôn tham gia làm du lịch, từ đó mà cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của cư dân vùng nông thôn, xây dựng nông thôn mới đoàn kết, giàu tình nhân ái, bảo vệ bản sắc văn hóa vùng miền và từng địa phương. Cùng với yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội là bảo vệ môi trường sinh thái, gìn giữ và bảo đảm môi trường trong lành, thu hút du khách về nông thôn để thư giãn, nghỉ dưỡng, thở hít không khí trong lành mà họ đã quá chịu đựng ô nhiễm môi trường ở chốn thành thị ngày càng tăng. Đó là con đường phát triển bền vững du lịch nông thôn ở Hà Nội.

4. *Định hướng giải pháp phát triển du lịch nông thôn ở Hà Nội trong thời gian tới.*

Thứ nhất, *phổ biến và nâng cao nhận thức cho dân cư nông thôn và cán bộ công chức trong hệ thống chính trị về vai trò, sự cần thiết và giải pháp phát triển du lịch nông thôn ở Hà Nội.*

Hà nội là thủ đô với khối lượng sản phẩm du lịch lịch sử, văn hóa, tâm linh đồ sộ trong nội thành, hơn nữa du lịch nông thôn cũng là vấn đề mới nên ít người biết và quan tâm, trong khi đó du lịch nông thôn lại là một trong những nội dung quan trọng và biện pháp khả thi để hoàn thành CNH, HĐH thủ đô. Từ đó phải tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương quan trọng này cho cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp của thành phố, nhất là cán bộ cơ sở ở vùng nông thôn để họ ủng hộ và tạo điều kiện cho những ai muốn xây dựng các điểm đến du lịch nông thôn. Còn về phía người dân vùng nông thôn cũng hiểu được đây là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước để họ tự giác tham gia hoạt động du lịch nông thôn. Để chủ trương phát triển du lịch nông thôn ở Hà Nội thực sự đi vào cuộc sống thì ngoài tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng cần tổ chức các buổi phổ biến trực tiếp, các cuộc hội thảo chuyên đề về du lịch nông thôn, giải đáp những thắc mắc, vướng mắc mà người dân muốn tham gia du lịch nông thôn chưa thật thông suốt để họ yên tâm bỏ vốn đầu tư phát triển du lịch nông thôn.

Thứ hai, *quy hoạch vùng du lịch nông thôn của Hà Nội*. Hà Nội có tiềm năng và lợi thế về du lịch nông thôn, đã xuất hiện nhiều mô hình có hiệu quả cao. Để phát huy lợi thế và xây dựng thương hiệu du lịch nông thôn Hà Nội thì cần coi

trọng quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch khu vực nông thôn gắn với du lịch nông thôn. Hiện Hà Nội có 17 huyện, trong đó có một số huyện chuẩn bị lên quận, sẽ được đô thị hóa nhanh, tất nhiên trong đó vẫn có những điểm đến du lịch nông thôn có giá trị, những huyện còn lại được quy hoạch cho phát triển nông nghiệp, làng nghề có thể trở thành điểm du lịch và các khu du lịch sinh thái. Ngoài quy hoạch các vùng, các điểm du lịch nông thôn cũng cần quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông, thông tin, cơ sở lưu trú, cơ sở ăn uống, vui chơi giải trí. Việc thực hiện quy hoạch du lịch nông thôn dựa trên tinh thần tự nguyện là chính, đối với kết cấu hạ tầng được thực hiện bởi các thành phần kinh tế dưới sự quản lý, hướng dẫn và kiểm tra của các cơ quan chức năng Nhà nước.

Thứ ba*, nhanh chóng số hóa hoạt động du lịch nông thôn*. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tạo điều kiện và thúc đẩy chuyển đổi số nền kinh tế, trong đó ngành du lịch Hà Nội có nhiều điều kiện chuyển nhanh số hóa mọi hoạt động, bao gồm cả du lịch nông thôn. Nhanh chóng số hóa ngành du lịch nông thôn cho phép hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh gắn kết với du khách, các công ty du lịch trong và ngoài nước, các điểm du lịch nông thôn, các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ, và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Trong chuyển đổi số ngành du lịch nông thôn thì nhiệm vụ hàng đầu là quảng cáo trên mạng điện tử. Số hóa du lịch cho phép du khách được truy cập các dữ liệu để nắm bắt sản phẩm du lịch một cách chi tiết, còn doanh nghiệp du lịch đáp ứng yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, thuận lợi và tiết kiệm, tất cả đều thực hiện onlines, tiết kiệm cả cả công sức và chi phí,

Thứ năm*, hoàn thiện quản lý nhà nước đối với du lịch nông thôn ở Hà Nội*. Hiện nay ở nước ta có 10 tỉnh, thành phố được thành lập sở du lịch, trong đó có Hà Nội, điều đó nói lên tầm quan trọng của quản lý nhà nước đối với du lich nói chung, du lịch nông thôn nói riêng của thành phố, điều đó không có nghĩa quản lý nhà nước đối với du lịch chỉ do sở du lịch đảm nhiệm mà do toàn bộ hệ thống công quyền của thành phố, từ UBND thành phố đến các đơn vị cơ sở.Tuy nhiên sở du lịch thành phố vẫn là cơ quan chức năng quản lý nhà nước về du lịch, trong đó có du lịch nông thôn. Ngoài chức năng tham mưu cho lãnh đạo thành phố về phát triển du lịch nông thôn, sở du lịch càn tập trung vào các chức năng và nhiệm vụ sau đây:

- Định hướng phát triển du lịch nông thôn thành phố trong chiến lược chung phát triển kinh tế-xã hội của thành phố đến năm 2030 và tầm nhìn xa hơn;

- Phối hợp với sở Kế hoạch và đầu tư, sở Nông nhiệp và phát triển nông thôn, sở Tài nguyên và môi trường để định hướng xây dựng quy hoạch phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn thành phố;

- Nâng cao chất lượng nhân sự trong du lịch nông thôn, trước hết bố trí cán bộ chuyên theo dõi mảng du lịch nông thôn, tập trung đào tạo, tập huấn cho nhân sự ở các điểm du lịch nông thôn, nhất là đối với các điểm du lịch mới và sắp được thành lập;

- Tạo mối liên kết du lịch với các địa phương trong cả nước và liên kết trong nước với thế giới, thực hiện số hóa du lịch nông thôn nhất là quảng cáo trên mạng thông tin điện tử;

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp về du lịch nông thôn để kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền, đồng thời tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về du lịch nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

LIÊN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ThS. Phạm Diễm Hảo
Sở Du lịch Hà Nội

1. Mở đầu

Du lịch nông nghiệp, nông thôn là loại hình du lịch mới, du lịch xanh và bền vững đang được Việt Nam coi trọng. Đặc biệt trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn thôn mới giai đoạn 2021-2023 thì Du lịch nông thôn là một trong 3 chương trình quan trọng nhất dó là chương trình phát triển du lịch nông thôn, chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOPs và chương trình chuyển đổi số trong nông nghiệp nông thôn. Du lịch nông thôn ở Việt Nam tuy mới hình thành từ đầu những năm 2000 trở lại đây, nhưng mang lại lợi ích không nhỏ cho nhiều vùng nông thôn tại các tỉnh, thành phố như Đồng tháp, Lâm đồng, Cần thơ, Hà Nội, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Quảng Ninh, Hòa Bình, Quảng Nam. Du lịch nông thôn bao gồm nhiều lợi trong đó đáng chú ý nhất ở Việt Nam là du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Các sản phẩm dịch vụ của du lịch nông thôn bao gồm rất nhều loại như: trải nghiệm nông nghiệp nông thôn, nghỉ dưỡng, tham quan chụp ảnh, dịch vụ hướng dẫn khách tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, trang trại, làng nghề; dịch vụ ẩm thực, chế biến các món ăn, đồ uống từ sản phẩm nông nghiệp, phục vụ ăn uống cho khách; dịch vụ lưu trú tại trang trại, nhà dân; dịch vụ cho thuê phương tiện vận chuyển tại điểm du lịch; bán hàng thủ công mỹ nghệ; tổ chức cho khách trải nghiệm các hoạt động kinh tế, văn hóa xã hội ở làng xã như: học làm nông nghiệp, dệt vải, làm hàng thủ công, nấu ăn...

Thành phố Hà Nội có vùng nông nghiệp nông thôn rộng lớn với rất nhiều tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn, cho đến nay trên địa bàn Thành phố đã hình thành một số điểm du lịch nông nghiệp, nông thôn nhưng nhìn chung còn lẻ tẻ, quy mô nhỏ và lượng khách còn rất nhỏ bé so với khách du lịch nói chung. Để thúc đẩy du lịch nông nghiệp, nông thôn thì cần tác động từ rất nhiều phía nhưng trong đó không thể thiếu sự liên kết thành các chuỗi du lịch. Bài này tập trung vào khía cạnh liên kết các bên liên quan trong du lịch nông nghiệp, nông thôn.

2. Một số lý luận về liên kết giữa các bên liên quan trong du lịch nông nghiệp, nông thôn

- Liên kết kinh tế

Theo David (1999) thì liên kết kinh tế chỉ các tình huống khi mà các khu vực khác nhau của một nền kinh tế thường là khu vực công nghiệp và nông nghiệp hoạt động phối hợp với nhau một cách có hiệu quả và phụ thuộc lẫn nhau, là một yếu tố của quá trình phát triển.

Theo Trần Văn Hiếu (2005) thì liên kết kinh tế là quá trình xâm nhập, phối hợp với nhau trong SXKD của các chủ thể kinh tế dưới các hình thức tự nguyện nhằm thúc đẩy SXKD theo hướng có lợi nhất trong khuôn khổ luật pháp, thông qua hợp đồng kinh tế để khai thác tốt các tiềm năng của các chủ thể tham gia liên kết. Liên kết kinh tế có thể tiến hành theo chiều dọc hoặc chiều ngang, trong nội bộ ngành hoặc giữa các ngành, trong một quốc gia hay nhiều quốc gia, trên phạm vi khu vực và quốc tế.

Phạm Thị Minh Nguyệt (2006) cho rằng liên kết kinh tế là những phương thức hoạt động của hợp tác kinh tế và phát triển ngày càng phong phù, đa dạng theo sự phát triển của hợp tác kinh tế. Tất cả các mối quan hệ kinh tế được hình thành giữa hai hay nhiều đối tác với nhau dựa trên những hợp đồng đã ký kết đều gọi là liên kết kinh tế.

Hồ Quế Hậu (2012) cho rằng liên kết kinh tế trong kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế là sự chủ động nhận thức và thực hiện mối liên hệ kinh tế khách quan giữa các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế xã hội, nhằm thực hiện mối quan hệ phân công và hợp tác lao động để đạt tới lợi ích kinh tế xã hội chung.

Như vậy có thể hiểu một cách tổng quan: "Liên kết kinh tế là những hình thức phối hợp hoạt động, do các đơn vị kinh tế tự nguyện tiến hành để cùng nhau bàn bạc và đề ra các chủ trương, biện pháp có liên quan đến công việc sản xuất, kinh doanh của mình, nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển theo hướng có lợi nhất".

- Liên kết giữa các nhà

Đa số các liên kết đều nói tới các nhà, một số gọi là 4 nhà, một số gọi tới 5 nhà và hơn nữa. Liên kết giữa các nhà chính là chìa khóa giúp phát triển kinh tế nói chung, kinh tế ngành nói riêng, đảm bảo hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia. Trong liên kết mỗi nhà có những vị trí khác nhau. Nhà nước tạo cơ chế, hành lang pháp lý, giải quyết xung đột của các bên và trong một số trường hợp còn hỗ trợ một phần các nguồn lực cho liên kết. Nhà khoa học nghiên cứu tạo ra các tiến bộ khoa học công nghệ giúp phát triển liên kết và làm các dịch vụ khoa học công

nghệ theo yêu cầu liên kết. Người kinh doanh, người sản xuất như nông dân và doanh nghiệp là thành phần chủ yếu nhất trong quá trình liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ-hai giai đoạn chính của quá trình kinh doanh du lịch nông nghiệp. Có thể nói không có nông dân (cùng các tổ chức của họ) và doanh nghiệp thì không thể có kinh doanh du lịch nông nghiệp. Muốn du lịch nông nghiệp phát triển để sản phẩm dịch vụ du lịch nông nghiệp tham gia được vào các chuỗi cung ứng địa phương, quốc gia và toàn cầu thì không thể thiếu sự liên kết giữ các nhà trong đó có nông dân, người làm nghề, người làm lữ hành, người làm lưu trú, vận chuyển khách. Liên kết giữa các nhà trong chuỗi cung ứng sản phẩm du lịch nông nghiệp, nông thôn là con đường tất yếu, là giải pháp, động lực để phát triển du lịch nông nghiệp nong thôn phục vụ cho Chương trình xây dựng nông thôn mới. Quá trình liên kết đó có những đặc điểm riêng và đóng vai trò quan trọng: Góp phần đảm bảo các bên cùng có lợi; làm tăng hiệu quả trong kinh doanh nông nghiệp và du lịch nông nghiệp nông thôn. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay của Việt Nam tuy nhà nước đã cho nhiều chính sách, nhiều văn bản hướng dẫn, khuyến khích liên kết nói chung và liên kết trong phát triển du lịch nói chung và du lịch nông nghiệp, nông thôn nói riêng vẫn còn nhiều nút thắt khiến cho việc tiêu thụ các mặt hàng nông sản cũng như các sản phẩm dịch vụ du lịch còn bỏ ngỏ dẫn đến tình trạng đứt gãy chuỗi liên kết một cách dễ dàng. Với sự đa dạng của các loại hình du lịch nông nghiệp, nông thôn nên trong liên kết cũng thể hiện khác nhau, sự bất cập cũng không đồng nhất vì vậy mỗi địa phương cần có những nghiên cứu cụ thể nhằm đề ra giải pháp thích hợp.

- Liên kết giữa các bên liên quan

Trong liên kết thường gọi các thành phần tham gia theo các tên khác nhau như các nhà, các bên liên quan, các tác nhân…Tuy cùng tính chất là tạo mối quan hệ liên kết và cùng thực hiện nguyên tắc liên kết nhưng cũng có sự khác nhau ở một số điểm. Trong đó khi nói tới các bên liên quan thì có thể là liên quan trực tiếp (Tham gia trực tiếp vào các công đoạn của chuỗi) hoặc liên quan gián tiếp, liên quan trong hỗ trợ. Du lịch nông nghiệp thường là nhỏ lẻ, gần gũi và tạo sự an toàn thoải mái thân mật giữa bên cung sản phẩm và khách du lịch. Để du lịch nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững, lan tỏa thì sự liên kết giữa các bên theo nguyên tắc cùng tham gia, cùng đóng góp, cùng hưởng lợi, cùng chia sẽ tủi ro và thực hiện theo cam kết chính thức hoặc không chính thức. Các bên liên quan có thể là người sản xuất nông nghiệp, cư dân địa phương, khách du lịch, cơ sở kinh doanh du lịch, chính quyền, các đoàn thể địa phương và hội nghề nghiệp.

3. Liên kết giữa các bên liên quan trong phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn thành phố Hà Nội

Hà Nội có nhiều nơi có điểm hoặc mô hình du lịch nông nghiệp nông thôn và các biểu hiện hiện của liên kết các bên liên quan như:

Mô hình du lịch nông nghiệp nông thôn xã Hồng Vân có sự liên kết giữa chính quyền, HTX, doanh nghiệp, người dân và các cơ sở giáo dục.

Mô hình du lịch nông nghiệp nông thôn xã Đan Phượng huyện Đan Phượng có sự liên kết giữa chủ trang trại, chính quyền, khách du lịch, người quen và các trường học.

Điểm du lịch bãi đá sông Hồng có sự liên kết giữa chủ vườn, khách du lịch và doanh nghiệp

Điểm du lịch làng nghề hoa giấy Phù đông, huyện Gia lâm có sự liên kết giữa chủ vườn, HTX, chính quyền, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật thành phố Hà Nội.

Điểm du lịch trang trại đồng quê xã Vân Hòa huyện Ba vì có sự liên kết giữa doanh nghiệp, hộ nông dân, chính quyền, nhà khoa học, chuyên gia du lịch và nông nghiệp.

Điểm du lịch làng nghề mây tre đan Phú Vinh, Phú nghĩa, Chương Mỹ có sự liên kết giữa nông dân, nghệ nhân, chính quyền, doanh nghiệp, đại diện làng nghề.

Có thể khẳng định tất cả các điểm du lịch đều có sự liên kết vì nếu chỉ đơn độc không thể làm du lịch. Sự liên kết thể hiện khác nhau nhưng nhìn chung còn chưa đầy đủ các thành phần, tự liên kết theo nhu cầu hoạt động mà chưa được tổ chức theo nguyên tắc của liên kết nên chưa có những ràng buộc bền chặt, nếu có thì chỉ một số khâu.

Để các sản phẩm du lịch nông nghiệp nông thôn của thành phố Hà Nội đến được những đối tượng khách du lịch trên địa bàn hoặc từ các tỉnh thành khác thì cần có sự liên kết các bên liên quan trong nhiều khía cạnh và nhiều nội dung khác nhau. Khi có liên kết thì các bên đều có lợi. Hưởng lợi trực tiếp là hộ dân kinh doanh du lịch, doanh nghiệp kết nối, khách du lịch. Hưởng lợi gián tiếp là nông dân tham gia vào cung cấp sản phẩm nông nghiệp trong du lịch, những người có tay nghề, chuyên môn trong việc tạo ra các sản phẩm trong du lịch nông thôn như quà tặng, OCOPs. Do lợi ích của các cộng đồng dân cư làm du lịch được ràng buộc bởi những quyền lợi trực tiếp hay gián tiếp (cung cấp thực phẩm, nguyên liệu đầu vào cho các hộ dân làm du lịch), nên họ có ý thức xây dựng và tuân thủ các nguyên tắc hay quy định. Tham gia hoạt động du lịch nông thôn, người dân còn có cơ hội tiếp xúc, giao lưu với nhiều đối tượng du khách, giúp họ có thêm

kiến thức, kỹ năng, tư duy..., đặc biệt là giới trẻ có thể thay đổi suy nghĩ, cải thiện hành vi, thậm chí là có định hướng tương lai thấu đáo hơn.

Ngành du lịch muốn tồn tại lâu dài để tạo nên sức mạnh phát triển bền vững cần phát huy và liên kết cũng như chịu sự tác động qua lại với các ngành khác như công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, giao thông vận tải, ngoại giao….vì những ngành này chính là nguồn lực, điều kiện chung ảnh hưởng tới sự phát triển du lịch thông qua việc cung cấp các sản phẩm phục vụ ăn uống, phục vụ lưu trú, hàng lưu niệm, hình thành các điểm và sự kiện du lịch….phục vụ cho chuyến đi của du khách.Tính liên kết trong du lịch được biểu hiện rõ nét từ hai góc độ vi mô tới vĩ mô như sau:

Liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước về du lịch đối với địa phương và các doanh nghiệp du lịch thể hiện mối quan hệ hai chiều. Cơ quan quản lý nhà nước sẽ xây dựng chiến lược phát triển chung của Ngành; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của địa phương và các doanh nghiệp du lịch thông qua hệ thống pháp luật. Hằng năm, hoạt động xúc tiến du lịch mang tầm cỡ thế giới, quốc gia hay từng địa phương được tổ chức thường xuyên là cơ hội hợp tác và mở rộng thị trường kinh doanh cho các doanh nghiệp. Liên kết giữa các DNDL với nhau thể hiện trong việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ du lịch cho khách. Các cơ quan quản lý nhà nước đều có liên quan nhưng liên kết rõ nhất là giữa Sở Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Ủy ban nhân dân các huyện

Liên kết giữa DNDL và du khách được xem là hạt nhân của sự tồn tại và phát triển ngành du lịch. Đây là mối quan hệ hữu cơ và không thể tách rời. Sợi dây tạo nên sự liên kết giữa các DNDL và du khách là chất lượng sản phẩm, dịch vụ, chính sách quảng cáo và sự chăm sóc khách hàng thường xuyên luôn được chú trọng và ưu tiên đầu tiên trong chiến lược phát triển của các DNDL. Mối lien kết này sẽ hiệu quả khi thu hút được nhiều khách du lịch và thu hút dược khách quay trở lại.

Liên kết giữa du khách và cộng đồng địa phương cũng là vấn đề cần được quan tâm. Điểm chung giữa họ là sự giao lưu văn hóa. Sự liên kết này không chỉ có ý nghĩa cho cộng đồng địa phương mà còn đóng góp vào sự phát triển, hòa nhập và mang văn hóa của địa phương đến với các nước trên thế giới. Nếu du khách mang đến nguồn tài chính cho người dân địa phương thì người dân địa phương phải gây được sự thiện cảm, chân tình và phục vụ khách để họ quay trở lại và chính họ sẽ quảng bá tốt hình ảnh của địa phương đó.

Liên kết giữa nông dân và các đon vị kinh doanh du lịch nông nghiệp nông thôn nhất là HTX, doanh nghiệp lữ hành, doanh nghiệp vận chuyển, các đơn vị kinh doanh hàng lưu niệm, OCOPs.

Liên kết giữa nông dân, HTX, doanh nghiệp du lịch và các trường học phổ thông, mẫu giáo vừa phục vụ cho du lịch, vừa phục vụ cho chương trình giáo dục trải nghiệm theo quy định của ngành giáo dục.

Để việc liên kết này cần có những hợp đồng, thỏa thuận cụ thể rõ ràng về thời gian, sản phẩm, giá cả, phân chia trách nhiệm và hưởng lợi. Muốn liên kết suôn chảy thì cần có 1 đơn vị chủ trì, có thể là doanh nghiệp hay HTX.

Liên kết có thể theo từng khâu, từng việc nhưng cần tiến tới liên kết theo chuỗi cung ứng du lịch nông nghiệp nông thôn với nhưng ràng buộc chặt chẽ. Muốn vậy cần xây dựng các mô hình chuỗi cung ứng sản phâmr dịch vụ du lịch nông nghiệp nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. David W. P. - Nguyễn Thiện Giáp dịch (1999). Từ điển Kinh tế học hiện đại. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Hồ Quế Hậu, 2012. Liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp chế biến nông sản với nông dân ở Việt Nam. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. 111- 134.
3. Nguyễn Thị Ngọc Cẩm, 2017. Vận dụng tính liên kết trong du lịch- sức mạnh của sự phát triển su lịch bền vững http://huht.hueuni.edu.vn/van-dung-tinh-lien-ket-trong-du-lich-suc-manh-cua-su-phat-trien-du-lich-ben-vung.html ngày 4/11/2017
4. Trần Văn Hiếu, 2004. Thực trạng và giải pháp cho sự liên kết "bốn nhà" trong sản xuất và tiêu thụ nông sản ở ĐBSCL. Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Truy cập từ www. sj.ctu.edu.vn/ql/docgia/download/baibao-4827/fn_tapchi_23.pdf ngày 7/3/2017.
5. Đào Thị Hồng Thủy, 2015. Liên kết phát triển sản phẩm du lịch Thái Nguyên với một số tỉnh phía bắc Việt Nam: Lạng sơn, Cao Bằng, Yên Bái. Luận văn thạc sỹ, địa học quốc gia Hà Nội